|  |
| --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THANH OAI  **TRƯỜNG MẦM NON THỊ TRẤN KIM BÀI**  C:\Users\Admin\Desktop\z5737956067707_91fa3e39fd21b64b8af6ecd7700a98de.jpg  **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC**  **TRƯỜNG MẦM NON THỊ TRẤN KIM BÀI GIAI ĐOẠN 2024 -2027** |

**PHẦN I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG**

**A. MỤC TIÊU GIÁO DỤC MẦM NON.**

Mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách; hình thành và phát triển ở trẻ emnhững chức năng tâm sinh lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kĩ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi. *Tạo nên một thế hệ trẻ mầm non luôn khoẻ mạnh, tự tin trong học tập, vui chơi, trẻ được nuôi dưỡng trong một môi trường giáo dục toàn diện cả về thể chất và tinh thần để trẻ có phát huy tối đa năng lực, kinh nghiệm của trẻ trong cuộc sống xung quanh.*

Ngoài ra, giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kĩ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi. Giúp trẻ sẵn sàng bước vào bậc tiểu học và các bậc học tiếp theo, trở thành người công dân toàn cầu trong tương lai.

***1. Tầm nhìn:***

*Một ngôi Trường Mầm non thị trấn Kim Bài thân thiện luôn đặt yếu tố chất lượng được đặt lên hàng đầu. Với phương châm đổi mới hình thức, phương pháp giáo dục tiên tiến đáp ứng nhu cầu xã hội hiện nay.*

***2. Sứ mệnh:***

*- Cấn bộ, giáo viên, nhân viên luôn năng động, sáng tạo có tinh thần trách nhiệm với công việc và luôn yêu thương, tôn trọng, đối xử công bằng với trẻ, giáo dục trẻ theo quan điểm “Lấy trẻ làm trung tâm”.*

*- Xây dựng một môi trường giáo dục toàn diện giúp trẻ mạnh dạn, tự tin, có kỹ năng tự phục vụ bản thân, kỹ năng xã hội sẵn sàng vào lớp 1.*

***3. Giá trị cốt lõi:***

*Luôn trao yêu thương, lắng nghe, tôn trọng và đối xử công bằng với trẻ em giúp trẻ được tự tin thể hiện năng lực của bản thân trong các hoạt động hàng ngày.*

**B. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC**

- *Chương trình giáo dục mầm non là chương trình khung, có tính chất mở, thể hiện mục tiêu giáo dục mầm non*, quy định các yêu cầu về nội dung, phương pháp giáo dục mầm non và đánh giá sự phát triển của trẻ, *làm căn cứ cho việc quản lí, chỉ đạo và tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em ở tất cả các cơ sở giáo dục mầm non trên phạm vi cả nước*; đồng thời là cam kết của Nhà nước nhằm bảo đảm chất lượng cho cả hệ thống và từng cơ sở giáo dục mầm non.

- Chương trình giáo dục mầm non được xây dựng trên cơ sở quan điểm của Đảng, Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện về giáo dục và đào tạo, *có kế thừa những ưu việt của Chương trình chăm sóc, giáo dục trẻ trước đây*, được phát triển trên quan điểm bảo đảm đáp ứng sự đa dạng của các vùng miền, các đối tượng trẻ, hướng đến sự phát triển toàn diện và tạo cơ hội cho trẻ phát triển.

-  Chương trình giáo dục mầm non bảo đảm kết nối chặt chẽ giữa các độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo với nhau, **liên thông với Chương trình giáo dục phổ thông**. *Chương trình thể hiện quan điểm giáo dục toàn diện, lấy trẻ làm trung tâm với phương châm giáo dục “chơi mà học, học bằng chơi”. Và có ứng dụng phương pháp giáo dục tiên tiến Steam.*

- Chương trình quy định những nội dung giáo dục áp dụng đối với trẻ mầm non, đồng thời *trao quyền chủ động cho các lớp, giáo viên trong việc lựa chọn, bổ sung một số nội dung giáo dục và triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp với mục tiêu phát triển của trẻ em mầm non và điều kiện của trường, lớp tại trường MNTT Kim Bài.*

**C. YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC MẦM NON VÀ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ**

**I. YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG GIÁO DỤC MẦM NON**

- Đảm bảo tính khoa học, tính vừa sức và nguyên tắc đồng tâm phát triển từ dễ đến khó; đảm bảo tính liên thông giữa các độ tuổi, giữa nhà trẻ, mẫu giáo và cấp tiểu học; thống nhất giữa nội dung giáo dục với cuộc sống hiện thực, gắn với cuộc sống và kinh nghiệm của trẻ, chuẩn bị cho trẻ từng bước hoà nhập vào cuộc sống.

- Phù hợp với sự phát triển tâm sinh lý của trẻ em, hài hoà giữa nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giúp trẻ em phát triển cơ thể cân đối, khoẻ mạnh, nhanh nhẹn, vận động linh hoạt; cung cấp kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi; giúp trẻ em biết kính trọng, yêu mến, lễ phép với ông bà, cha mẹ, thầy giáo, cô giáo; yêu quý anh, chị, em, bạn bè; thật thà, mạnh dạn, tự tin và hồn nhiên, yêu thích cái đẹp; ham hiểu biết, thích đi học.

**II. YÊU CẦU VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC MẦM NON**

**-** Đối với giáo dục nhà trẻ, phương pháp giáo dục phải chú trọng giao tiếp thường xuyên, thể hiện sự yêu thương và tạo sự gắn bó của người lớn với trẻ; chú ý đặc điểm cá nhân trẻ để lựa chọn phương pháp giáo dục phù hợp, tạo cho trẻ có cảm giác an toàn về thể chất và tinh thần; tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ được tích cực hoạt động giao lưu cảm xúc, hoạt động với đồ vật và vui chơi, kích thích sự phát triển các giác quan và các chức năng tâm - sinh lý; tạo môi trường giáo dục gần gũi với khung cảnh gia đình, giúp trẻ thích nghi với nhà trẻ.

**-** Đối với giáo dục mẫu giáo, phương pháp giáo dục phải tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh dưới nhiều hình thức đa dạng, đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”. Chú trọng đổi mới tổ chức môi trường giáo dục nhằm kích thích và tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, thử nghiệm và sáng tạo ở các khu vực hoạt động một cách vui vẻ. Kết hợp hài hoà giữa giáo dục trẻ trong nhóm bạn với giáo dục cá nhân, chú ý đặc điểm riêng của từng trẻ để có phương pháp giáo dục phù hợp. Tổ chức hợp lí các hình thức hoạt động cá nhân, theo nhóm nhỏ và cả lớp, phù hợp với độ tuổi của nhóm /lớp, với khả năng của từng trẻ, với nhu cầu và hứng thú của trẻ và với điều kiện thực tế.

**III.YÊU CẦU VỀ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ**

Đánh giá sự phát triển của trẻ (bao gồm đánh giá trẻ hàng ngày và đánh giá trẻ theo giai đoạn) nhằm theo dõi sự phát triển của trẻ, làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch và kịp thời điều chỉnh kế hoạch giáo dục cho phù hợp với trẻ, với tình hình thực tế nhà trường. Trong đánh giá phải có sự phối hợp nhiều phương pháp, hình thức đánh giá; coi trọng đánh giá sự tiến bộ của từng trẻ, đánh giá trẻ thường xuyên qua quan sát hoạt động hằng ngày.

**D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

**I. CÁN BỘ QUẢN LÍ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN.**

- Tổng số CBGVNV: 64 người (BC 51, HĐ 111 là 11, HĐ trường 2 BV)

+ Biên chế: CBQL 3, GV 46, NV kế toán 1, NV y tế 1.

+ Hợp đồng theo nghị định 111: 11 người.

**-** Trình độ chuyên môn:

+ Đại học: 50 người (CBQL 3, GV 46, NV kế toán 1)

+ Cao đẳng: 9 người NV nuôi dưỡng.

+ Trung cấp: 5 người (NV nuôi dưỡng 02, NV y tế 01, BV 02)

- BGH nhà trường đã phân công GVNV theo đúng vị trí việc làm và trình độ chuyên môn được đào tạo.

**II. CƠ SỞ VẬT CHẤT, ĐỒ DÙNG ĐỒ CHƠI, HỌC LIỆU, THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1. Cơ sở vật chất:**

- Về cơ sở vật chất: Các điểm trường được xây dựng khang trang, sạch đẹp, khuôn viên có nhiều cây xanh được bố trí sắp xếp phù hợp, có đủ phòng học, các phòng chức năng, thiết bị đồ dùng, đồ chơi phục vụ các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ.

**III. XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC**

*Quán triệt quan điềm phát triển giáo dục là sự nghiệp của Đảng, của Nhà nước và của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả chương trình Giáo dục mầm non và Chương trình giáo dục nhà trường; bảo đảm điều kiện thực hiện chương trình; thực hiện nghiêm túc các chính sách của Đảng, Nhà nước đối với cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong các cơ sở giáo dục mầm non. Nhà trưởng chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các cá nhân, tổ chức ở địa phương để huy động đa dạng các nguồn lực tham gia các hoạt động giáo dục và hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất nhà trường, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện.*

*Gia đình, cộng đồng cùng có trách nhiệm phối hợp với Trường mầm non thị trấn Kim Bài bảo thực hiện tốt thời gian chế độ sinh hoạt của trẻ ở trường, phối hợp tốt với giáo viên cùng chăm sóc giáo dục trẻ nhằm nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và Chương trình giáo dục của nhà trường.*

**PHẦN II: MỤC TIÊU GIÁO DỤC LỨA TUỔI NHÀ TRẺ**

Chương trình giáo dục nhà trẻ của Trường Mầm non mầm non thị trấn Kim Bài nhằm giúp trẻ từ 24 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kĩ năng xã hội và thẩm mỹ. *Ngoài ra, Trường Mầm non thị trấn Kim Bài chú trọng lĩnh vực phát triển thể chất nhằm hình thành thói quen tích cực vận động, nâng cao thể lực cho trẻ và chú trọng lĩnh vực* ***phát triển tình cảm xã hội*** *nhằm xây dựng nền tảng vững chắc hỗ trợ tốt nhất cho quá trình phát triển nhân cách của trẻ sau này.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | **NHÀ TRẺ 24-36 THÁNG** |
| **I. Giáo dục phát triển thể chất** | | |
| **a) Phát triển vận động** | | |
| **1. Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp** | | |
|  |  | (MT1) 1. Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân. |
| **2. Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu** | | |
|  |  | (MT2) 2.1. Giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay. |
|  |  | (MT3) 2.2. Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1-1,2m. |
|  |  | (MT4) 2.3. Phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng. |
|  |  | (MT5) 2.4. Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m). |
| **3. Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay** | | |
|  |  | (MT6) 3.1. Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”. |
|  |  | (MT7) 3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ. |
| **b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe** | | |
| **1. Có một số nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt** | | |
|  |  | (MT8) 1.1. Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau. |
|  |  | (MT9) 1.2. Ngủ 1 giấc buổi trưa. |
|  |  | (MT10) 1.3. Đi vệ sinh đúng nơi qui định. |
| **2. Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe** | | |
|  |  | (MT11) 2.1. Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...). |
|  |  | (MT12) 2.2. Chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.  *2.3 Trẻ làm quen với các kỹ năng tự phục vụ và bước đầu thực hiện được một số kỹ năng tự phục vụ đơn giản.* |
| **3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn** | | |
|  |  | (MT13) 3.1. Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở. |
|  |  | (MT14) 3.2. Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn, ...) khi được nhắc nhở. |
| **4. Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi** | | |
| **II. Giáo dục phát triển nhận thức** | | |
| **1. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan** | | |
|  |  | (MT15) 1. Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng. |
|  |  | (MT16) 2.1 Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. |
| **2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi** | | |
|  |  | (MT17) 2.2. Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi. |
|  |  | (MT18) 2.3. Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi. |
|  |  | (MT19) 2.4 Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc. |
|  |  | (MT20) 2.5 Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu. |
|  |  | (MT21) 2.6 Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu. |
| **III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ** | | |
| **1. Nghe hiểu lời nói** | | |
|  |  | (MT22) 1.1. Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay. |
|  |  | (MT23) 1.2. Trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “…làm gì?”, “….thế nào?” (ví dụ: con gà gáy thế nào?”, ...) |
|  |  | (MT24) 1.3. Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. |
| **2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu** | | |
|  |  | (MT25) 2.1. Phát âm rõ tiếng. |
|  |  | (MT26) 2.2. Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo. |
| **3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp** | | |
|  |  | (MT27) 3.1. Nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc. |
|  |  | (MT28) 3.2. Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau:  - Chào hỏi, trò chuyện.  - Bày tỏ nhu cầu của bản thân.  - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?, … |
|  |  | (MT29) 3.3. Nói to, đủ nghe, lễ phép. |
| **IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ** | | |
| **1. Biểu lộ sự nhận thức về bản thân** | | |
|  |  | (MT30) 1.1. Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi). |
|  |  | (MT31) 1.2 Thể hiện điều mình thích và không thích.  *1.3 Biết thể hiện nhu cầu cơ bản của bản thân với người chăm sóc. (nói, hoặc thể hiện bằng cử chỉ về ăn, ngủ, vệ sinh)* |
| **2. Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi** | | |
|  |  | (MT32) 2.1. Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói. |
|  |  | (MT33) 2.2. Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi. |
|  |  | (MT34) 2.3. Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.  *- Biết điều chỉnh các cảm xúc tiêu cực (tức giận, buồn bực, sợ hãi, lo lắng) khi được vỗ về, dỗ dành.* |
| - |  | (MT35) 2.4. Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi. |
| **3. Thực hiện hành vi xã hội đơn giản** | | |
|  |  | (MT36) 3.1. Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ. |
|  |  | (MT37) 3.2. Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...). |
|  |  | (MT38) 3.3. Chơi thân thiện cạnh trẻ khác. |
|  |  | (MT39) 3.4. Thực hiện một số yêu cầu của người lớn.  *- Biết thể hiện một số hành động yêu thương với những người thân, cô giáo, bạn bè.* |
| **4. Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/ tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh** | | |
|  |  | (MT40) 4.1. Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc. |
|  |  | (MT41) 4.2. Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc). |

**B. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN**

**I. PHÂN PHỐI THỜI GIAN**

- Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mối tuần 5 ngày. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục được thực hiện theo chế độ sinh hoạt hằng ngày.

- Thời điểm nghỉ hè, các ngày lễ, tết, nghỉ học kì theo qui định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**II. CHẾ ĐỘ SINH HOẠT**

- Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày một cách hợp lí tại trường nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành những nề nếp, thói quen tốt và thích nghi với môi trường nhà trẻ. Thời gian cho từng hoạt động có thể linh hoạt 15 - 18 phút.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Thời lượng** | **Hoạt động** |
|
| 7h30 - 8h15 | 60 phút | Đón trẻ - Chơi các góc |
| 8h15 - 8h30 | 30 phút | Thể dục sáng – Điểm danh trẻ- Uống nước – Vệ sinh cá nhân |
| 8h30 - 10h10 | 20 phút | Chơi tập |
| 40 phút | HĐ ngoài trời - Vệ sinh - Uống nước |
| 40 phút | Chơi, hoạt động góc |
| 10h05 - 10h15 | 15 phút | HĐ vệ sinh, rửa mặt rửa tay |
| 10h15 - 11h15 | 60 phút | Chuẩn bị ăn - Ăn bữa chính |
| 11h15 - 11h30 | 15 phút | Vệ sinh cá nhân |
| 11h30 - 14h | 150 phút | Ngủ trưa |
| 14h -14h30 | 30 phút | Vệ sinh cá nhân - Uống sữa. |
| 14h30 - 15h | 30 phút | Chơi tập |
| 15h - 16h00 | 60 phút | Chuẩn bị ăn - Ăn bữa chính |
| 16h00- 16h30 | 15 phút | Vệ sinh cá nhân - Uống nước- Chơi các góc |
| 16h30-17h | 15 phút | Trả trẻ- Vệ sinh lớp |

**C. NỘI DUNG**

**I. NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE.**

Nhà trường đặc biệt chú trọng việc chăm sóc – nuôi dưỡng trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ.

Số lượng trẻ 15-25 trẻ/lớp với 2 - 3 giáo viên có chuyên môn đạt trình độ chuẩn, trên chuẩn, kinh nghiệm lâu năm, chăm sóc trẻ theo chế độ sinh hoạt 1 ngày;

Thực hiện theo quy chế chăm sóc- nuôi dưỡng của ngành, đảm bảo cho trẻ được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, phát triển cân đối, hình thành nhân cách và nề nếp tốt ngay từ khi còn nhỏ.

**1. Tổ chức ăn**

**-**  Lựa chọn thực phẩm đầu vào: Thực phẩm được lấy từ đơn vị cung ứng có ký hợp đồng với nhà trường, đảm bảo tính pháp lý, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi. Xây dựng thực đơn nhà trẻ hàng ngày, theo tuần, theo mùa. Số bữa ăn tại trường: hai bữa chính và một bữa phụ.

+ Bữa chính (trưa): Đảm bảo bữa ăn tiêu chuẩn hàng ngày: có trên 10 loại thực phẩm, trong đó có từ 3 đến 5 loại rau, củ và bao gồm các món: cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng (sữa chua, sữa chua lên men, hoặc hoa quả theo mùa)

+ Tổ chức ăn tự chọn vào thứ sáu hàng tuần và ăn buffet đặc biệt vào các dịp lễ hội.

- Điều chỉnh cân đối thực phẩm để đảm bảo cơ cấu bữa ăn, cân đối các chất, tỷ lệ dinh dưỡng duy trì ở mức theo quy định

**2. Tổ chức ngủ**

- Có đủ phản, gối, đệm , màm cho trẻ; có điều hòa; rèm chắn gió đảm bảo ấm áp về mùa đông.

**3. Vệ sinh**

- Đảm bảo vệ sinh cá nhân. Có tủ đựng đồ dùng cá nhân, áo đồng phục cho cá nhân trẻ.

- Đảm bảo vệ sinh môi trường trong toàn trường; vệ sinh lớp học, đồ dùng, đồ chơi, các dụng cụ phục vụ sinh hoạt hàng ngày của trẻ.

- Tăng cường các biện pháp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

- Giữ sạch nguồn nước đảm bảo chất lượng nước (6 tháng kiểm định chất lượng nước/ lần) và xử lí rác, nước thải đúng qui định, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Đặc biệt chú trọng công tác đảm bảo vệ sinh an toàn cho trẻ và phòng chống dịch bệnh: Duy trì thường xuyên có chất lượng các nề nếp vệ sinh cá nhân, vệ sinh đồ dùng, đồ chơi, vệ sinh môi trường. Các đợt dịch bệnh: theo dõi sức khỏe trẻ; vệ sinh, tẩy trùng các đồ dùng đồ chơi, vật dụng bằng Cloramin B, cồn và xà phòng thông thường. Tăng cường nhỏ mũi, rửa tay bằng nước sát khuẩn.

**4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn**

- Khám sức khỏe định kỳ 1-2 lần/năm. Theo dõi đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi; theo dõi trẻ có chiều cao vượt trội (3/lần/năm học). Có các biện pháp phòng chống suy dinh dưỡng và béo phì, cân đo theo dõi hàng tháng.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi lịch tiêm chủng. Xử lí ban đầu những trường hợp trẻ ốm trong ngày tại trường.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

- Trao đổi với phụ huynh hàng ngày hoặc hàng tuần về sức khỏe của trẻ bằng nhiều hình thức: Trực tiếp, zalo, email, phần mềm liên lạc điện tử…

- Tuyên truyền các biện pháp chăm sóc sức khỏe, nuôi dưỡng, đảm bảo an toàn trẻ trên website và fanpage của trường.

**II. GIÁO DỤC**

**1. Giáo dục phát triển thể chất**

***a) Phát triển vận động***

- Tập động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.

- Tập các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu.

- Tập các cử động bàn tay, ngón tay.

***b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe***

- Tập luyện nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt.

- Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khoẻ.

- Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn.

**\* Nội dung giáo dục**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **24 - 36 tháng tuổi** |
| ***Phát triển vận động*** | |
| **1. Tập động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp** | - Hô hấp: tập hít vào, thở ra.  - Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay.  - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên.  - Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.. |
| **2. Tập các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu** | - **Tập bò, trườn:**  + Bò thẳng hướng và có vật trên lưng.  + Bò chui qua cổng.  + Bò, trườn qua vật cản  **- Tập đi, chạy**  + Đi theo hiệu lệnh.  + Đi trong đường hẹp  + Đi có mang vật trên tay  + Đi trên cầu thăng bằng  + Đi trong đường ngoằn ngoèo.  + Đi trên dải lụa trên mặt đất.  + Chạy theo hướng thẳng  + Chạy đổi hướng  **- Tập nhún bật:**  + Bật tại chỗ.  + Bật qua vạch kẻ.  + Bật xa bằng 2 chân  **- Tập tung, ném, bắt, đá:**  + Tung - bắt bóng cùng cô.  + Ném bóng về phía trước.  + Ném bóng vào đích.  + Đá bóng về phía trước/ Đá bóng vào lưới. |
| **3. Tập các cử động của bàn tay, ngón tay và phối hợp tay- mắt** | - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé.  - Đóng cọc bàn gỗ.  - Nhón nhặt đồ vật.  - Tập xâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây.  - Chắp ghép hình.  - Chồng, xếp 6-8 khối.  - Tập cầm bút tô, vẽ.  - Lật mở trang sách.  - Múa theo nhạc  - Tập cài, cởi khuy các hình (con vật, cây, quả, hoa..)  - Nhào đất, nặn đất  - Cầm bút tô, vẽ  - Buộc dây  *- Tập mở, kéo khóa balo (áo)*  *- Chơi bấm khuy bấm (con vật, cây, hoa, quả, đồ dùng…)*  *- Tập xúc hột, hạt to nhỏ bằng thìa (muỗng)*  *- Gắp quả bông bằng kẹp*  *- Tập lau lá cây*  *- Tập rót nước* |
| ***Giáo dục dinh dưỡng và sức khoẻ*** | |
| **1. Tập luyện nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt** | - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau.  - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống.  - Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.  - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. |
| **2. Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khoẻ** | - Tập tự phục vụ:   * Xúc cơm, uống nước. * Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. * Chuẩn bị chỗ ngủ.   - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.  - Tập đi vệ sinh đúng nơi qui định.  - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.  *- Hình thành và rèn luyện các kỹ năng tự phục vụ*  *+ Cất ba lô đúng nơi quy định*  *+ Bê ghế đúng cách*  *+ Kỹ năng xúc bằng thìa*  *+ Đi tất, cởi tất, lồng tất*  *+ Xỉ mũi, lau mũi*  *+ Cách mở cửa an toàn*  *+* *Đội mũ*  *+ Gấp khăn*  *+ Mặc áo chui đầu  + Rửa mặt, rửa tay, lau miệng* |
| **3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn** | - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.  - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh. |

**2. Giáo dục phát triển nhận thức**

***a) Luyện tập và phối hợp các giác quan***

- Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác.

***b) Nhận biết***

- Tên gọi, chức năng một số bộ phận cơ thể của con người.

- Tên gọi, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông quen thuộc với trẻ.

- Tên gọi và đặc điểm nổi bật của một số con vật, hoa, quả quen thuộc với trẻ.

- Một số màu cơ bản (đỏ, vàng, xanh), kích thước (to - nhỏ), hình dạng (tròn, vuông), số lượng (một - nhiều) và vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ.

- Bản thân và những người gần gũi.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **24 - 36 tháng tuổi** |
| **1. Luyện tập và phối hợp các giác quan:**  ***Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác*** | - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu.  - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc.  - Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật.  - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì |
| **2. Nhận biết:**  ***Một số bộ phận của cơ thể con người*** | - Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân. |
| ***Một số đồ dùng, đồ chơi.*** | - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. |
| ***Một số phương tiện giao thông quen thuộc*** | - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi. |
| ***Một số con vật, hoa, quả quen thuộc*** | Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. |
| ***Một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian*** | - Màu đỏ, vàng, xanh.  - Kích thước to - nhỏ.  - Hình tròn, hình vuông.  - Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ.  - Số lượng một - nhiều. |
| ***Bản thân, người gần gũi*** | - Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân.  - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp.  - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình.  - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp. |

**3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ**

***a) Nghe***

- Nghe các giọng nói khác nhau.

- Nghe, hiểu các từ và câu chỉ đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc và một số loại câu hỏi đơn giản.

- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao có nội dung phù hợp với độ tuổi.

***b) Nói***

- Phát âm các âm khác nhau.

- Trả lời và đặt một số câu hỏi đơn giản.

- Thể hiện nhu cầu, cảm xúc, hiểu biết của bản thân bằng lời nói.

***c) Làm quen với sách***

- Mở sách, xem và gọi tên sự vật, hành động của các nhân vật trong tranh.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **24 - 36 tháng tuổi** |
| **1. Nghe** | - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.  Nghe các câu hỏi: cái gì? làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào?  - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. |
| **2. Nói** | - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.  - Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì?, làm gì?, ở đâu?, .... thế nào?, để làm gì?, tại sao?...  - Thể hiện nh­u cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.  - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng.  - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý.  - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.  *- Tập đọc thơ, chơi trò chơi thao tác mô phỏng như: bế em, chăm sóc em bé, mẹ con...*  *- Tham gia hoạt động ngày hội, ngày lễ;*  *- Tham gia hoạt động giao lưu với các bạn trong khối, các anh chị mẫu giáo* |
| **3. Làm quen với sách** | - Lắng nghe khi người lớn đọc sách.  - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. |

**4. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mĩ**

***a) Phát triển tình cảm***

- Ý thức về bản thân.

- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc.

***b) Phát triển kỹ năng xã hội***

- Mối quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi.

- Hành vi văn hoá và thực hiện các quy định đơn giản trong giao tiếp, sinh hoạt.

***c) Phát triển cảm xúc thẫm mĩ***

- Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc.

- Vẽ nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **24 - 36 tháng tuổi** |
| **1. Phát triển tình cảm**  ***Ý thức*** ***về bản thân***  ***- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc*** | - Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân.  - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình  - Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên.  - Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.  *- Nhận biết trạng thái của cơ thể khi buồn vệ sinh, khi khát nước, khi buồn ngủ, khi đói và thể hiện với người chăm sóc bằng cử chỉ hành động hoặc lời nói.* |
| **2. Phát triển kĩ năng xã hội**  ***- Mối quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi.*** | - Giao tiếp với những người xung quanh.  - Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.  *- Những câu chuyện về tình yêu thương.*  *- Những hành động thể hiện tình cảm của mình với mọi người xung quanh* |
| - ***Hành vi văn hoá giao tiếp đơn giản*** | - Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.  - Quan tâm đến các vật nuôi.  - Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “dạ”, ‘vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cấu bạn.  - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định.  - Tham gia các hoạt động trong chế độ sinh hoạt một ngày  *- Tập chơi, hoạt động phối hợp theo nhóm*  *- Tạo tình huống để trẻ giao tiếp với nhau trong nhóm nhỏ, giáo viên giao tiếp thường xuyên với trẻ, vỗ về an ủi khi trẻ bất an.*  *- Tham gia các hoạt động lễ hội; Tham gia giao lưu với các bạn, với các anh chị mẫu giáo.* |
| **3. Phát triển cảm xúc thẩm mỹ**  - ***Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc*** | - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ.  - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc. |
| - ***Vẽ nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh*** | - Vẽ các đường nét khác nhau, di mầu, xé, vò, xếp hình.  - Tập cầm bút di màu; tô màu con lật đật ; tô màu trang phục của bé; tô màu các đồ dùng trong gia đình  - Xâu vòng; Xếp nhà bằng khối gỗ  - Tập vo giấy; Chơi với đất nặn; Tập chơi với màu nước  - Tô tranh sáp nến: Đồ chơi bé thích: ôtô, quả bóng, cái ô, con gấu…)  - Tập in tranh các cách khác nhau: In bàn tay, bàn chân, in bằng củ quả, in bằng lá, con dấu...  - Xem tranh |

**D. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC**

**I. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

**1. Hoạt động với đồ vật.**

*Hoạt động chủ đạo của lứa tuổi 24- 36 tháng giúp trẻ tìm hiểu thế giới xung quanh để trẻ phát triển nhận thức, phát triển lời nói, phát triển các giác quan, phát triển thái độ, cảm xúc... qua tương tác vật liệu rời, vật liệu thiên nhiên, các đồ vật gắn liền với các thao tác trong cuộc sống...*

**2. Hoạt động chơi.**

- Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về vận động, khám phá thế giới xung quanh, hình thành mối quan hệ gần gũi.*.*Ở độ tuổi này, trẻ có thể chơi thao tác vai (chơi phản ảnh sinh hoạt), trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian.

**3. Hoạt động chơi-tập có chủ đích:**

- Đây là hoạt động kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch dưới sự hướng dẫn, giúp đỡ của giáo viên. Hoạt động này được tổ chức nhằm phát triển thể chất, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mĩ.

**4. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân**

- Đây là các hoạt động đáp ứng nhu cầu sinh lí của trẻ, đồng thời hình thành một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ. Trẻ được làm quen và thực hiện được một số thói quen tự phục vụ đơn giản và *ứng dụng 1 số hoạt động thực hành cuộc sống đơn giản theo phương pháp Monssesori*

**II. HÌNH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

**1. Theo mục đích và nội dung giáo dục**, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và các hoạt động dựa trên ý thích của trẻ.

- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Ngày khai giảng, Tết Trung thu; Ngày lễ Noel; Tết cổ truyền, Ngày hội bé thơ vui khỏe, ngày hội dân gian; ngày hội nước, Tết thiếu nhi (ngày 1/6) ...), huy động sự tham gia của phụ huynh học sinh cùng nhà trường tổ chức các ngày lễ hội cho trẻ.

- Tổ chức hoạt động giao lưu giữa các lớp: các lớp nhà trẻ cùng độ tuổi, khác độ tuổi, giao lưu với lớp mẫu giáo, huy động sự tham gia của các bậc phụ huynh.

**2.Theo vị trí không gian,** có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.

- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

- Tổ chức tại phòng lớp khác, sân, sảnh..

**3. Theo số lượng trẻ,** có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.

- Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ, nhóm lớn

- Tổ chức hoạt động cả lớp, 2 lớp, 2 nhóm của 2 lớp..

- Đối với Nhà trẻ nên chú trọng hình thức tổ chức hoạt động cá nhân và theo nhóm nhỏ.

***\* Tăng cường đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục:***

*- Tăng cường tổ chức các hoạt động giúp trẻ có kỹ năng tự phục vụ: Cài cởi cúc áo, bê ghế, đi cầu thang...*

*- Tăng cường các hoạt động ngoài trời tiếp xúc với thiên nhiên, môi trường xã hội gần gũi.*

*- Tăng cường tổ chức các hoạt động phát triển các tố chất vận động cho trẻ thông qua hoạt động chơi tập có chủ đích và hoạt động ở mọi lúc mọi nơi dưới hình thức cả lớp, nhóm nhỏ và bồi dưỡng cá nhân phù hợp theo khả năng vận động của trẻ. Đan xen lồng ghép các nội dung phát triển VĐ và các giác quan, linh hoạt, phù hợp.*

*- Tổ chức cho trẻ được tham gia các trò chơi phát triển trí tuệ thông qua hoạt động với đồ vật*

*- Tăng cường tổ chức các ngày hội có tác dụng bổ trợ kiến thức, kĩ năng cho trẻ: Ngày Hội các trò chơi vận động, Hội chợ Xuân; sinh nhật của trẻ; hoạt động giao lưu...*

**III. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC**

**1.** **Nhóm** **phương pháp tác động bằng tình cảm**

- Dùng cử chỉ vỗ về, gần gũi cùng với những điệu bộ, nét mặt, lời nói âu yếm để tạo cho trẻ những cảm xúc an toàn, tin cậy, thỏa mãn nhu cầu giao tiếp, gắn bó, tiếp xúc với người thân và môi trường xung quanh

**2. Nhóm phương pháp trực quan- minh họa**

**-** Dùng phương tiện trực quan (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh, phim ảnh, các thiết bị hiện đại, công nghệ...), hành động mẫu (lời nói, cử chỉ) cho trẻ quan sát, rèn luyện sự nhạy cảm cảu các giác quan, thỏa mãn nhu cầu tiếp cận thông tin từ thế giới bên ngoài. Phương pháp trực quan và hành động mẫu cần sử dụng đúng lúc, kết hợp sử dụng lời nói và đan xen nhau cho phù hợp.

**3. Nhóm phương pháp thực hành.**

**a. Hành động, thao tác với đồ vật.**

- Tổ chức cho trẻ thao tác trực tiếp với đồ chơi, đồ vật, vật thật *dưới sự quan sát, gợi ý, hỗ trợ và tác động của giáo viên* (sờ mó, cầm nắm, lắc đập, mở đóng, tháo lắp, xếp cạnh, xếp chồng, lồng, bỏ vào, lấy ra, xâu luồn....)

- Tổ chức cho trẻ thực hành, trải nghiệm với đồ vật, đồ chơi, vật thật theo các thao tác đơn lẻ hoặc làm quen với một số quy trình đơn giản, phù hợp với lứa tuổi để trẻ tiếp nhận thông tin, nhận thức và hình thành các hành vi, kĩ năng.

**b. Trò chơi.**

- Sử dụng các yếu tố chơi, các trò chơi đơn giản thích hợp để kích thích trẻ hoạt động, mở rộng hiểu biết về môi trường xung quanh phát triển lời nói và vận động phù hợp.

- Cuối độ tuổi nhà trẻ 24- 36 tháng, các trò chơi có thể sử dụng các trò chơi khó hơn, phù hợp với khả năng của trẻ, có thể sử dụng các trò chơi có sự phối hợp, liên kết đơn giản.

**c. Luyện tập.**

- Tổ chức lặp đi, lặp lại các hoạt động, trò chơi, câu hỏi, động tác, hành vi...phù hợp với yêu cầu nội dung giáo dục và hứng thú của trẻ

**4. Phương pháp dùng lời nói**

- Sử dụng lời nói, lời kể diễn cảm, câu hỏi gợi mở phối hợp với cử chỉ, điệu bộ phù hợp nhằm khuyến khích trẻ tiếp xúc với đồ vật và giao tiếp với người xung quanh; bộc lộ ý muốn, chia sẻ những cảm xúc với người khác bằng lời nói và hành động cụ thể. Lời nói của người lớn cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu phù hợp với kinh nghiệm của trẻ. Đối với trẻ nhà trẻ dùng tiếng mẹ đẻ là chủ yếu.

- Chú trọng hệ thống câu hỏi mang tính dẫn dắt, gợi mở để kích thích trẻ tư duy. Khuyến khích trẻ được bộc lộ, thể hiện bản thân, được nói lên cảm nhận của trẻ.

- Tăng cường sự giao tiếp của trẻ với cô giáo, các bạn và mọi người xung quanh.

**5. Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương**

- Ở lứa tuổi nhỏ, người lớn khen, nêu g­ương, tỏ thái độ đồng tình, khích lệ những việc làm, hành vi, lời nói tốt của trẻ là chủ yếu. Có thể tỏ thái độ không đồng tình, nhắc nhở khi cần thiết như­ng cần nhẹ nhàng, khéo léo.

- Giáo viên phối hợp các phương pháp tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đến các mặt phát triển của trẻ, khuyến khích trẻ sử dụng các giác quan (nghe, nhìn, sờ …), sử dụng lời nói và tích cực hoạt động để phát triển; tăng cư­ờng giao tiếp, h­ướng dẫn cá nhân bằng lời nói, cử chỉ và hành động; chú trọng sử dụng phương pháp tác động bằng tình cảm và thực hành. Giáo viên luôn là tấm gương cho trẻ noi theo.

***\* Tăng cường đổi mới phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục:***

*- Tăng cường phương pháp thực hành, trải nghiệm với đồ vật, đồ chơi. Cho trẻ sử dụng phối hợp các giác quan trong tìm hiểu, khám phá sự vật hiện tượng xung quanh trẻ. Tăng cường hoạt động theo nhóm. Tạo cơ hội cho trẻ được phát triển tự nhiên, theo nhu cầu của trẻ, nhằm tạo cho trẻ phát triển tính tự lập.*

*- Các phương pháp giáo dục được sử dụng, phối hợp một cách hợp lí nhằm phát huy ở trẻ tính chủ động, tích cực hoạt động để phát triển, đảm bảo trẻ “học qua chơi”,”chơi mà học”.*

*- Chú trọng hệ thống câu hỏi mở trong phương pháp dùng lời nhằm kích thích quá trình tư duy của trẻ. Định hướng để trẻ bộc lộ những suy nghĩ, cảm xúc, kinh nghiệm của bản thân.*

*- Áp dụng một số phương pháp giáo dục tiên tiến vào tổ chức các hoạt động như:*

*+ Rèn cho những kỹ năng tự phục vụ, kỹ năng thực hành cuộc sống đơn giản, vận động tinh... trong lĩnh vực phát triển thể chất, tình cảm xã hội được tổ chức thực hiện đan cài trong các hoạt động hàng ngày).*

*+ Cách tiếp cận phương pháp GDTT setam được áp dụng với các hoạt động với đồ vật thông qua tương tác vật liệu rời, vật liệu thiên nhiên,....giúp trẻ phát triển nhận thức, tình cảm xã hội và thẩm mỹ được tốt hơn.*

**IV. TỔ CHỨC MÔI TRƯỜNG CHO TRẺ HOẠT ĐỘNG**

*- Nhà trường tạo môi trường cho trẻ hoạt động với tiêu chí lấy trẻ làm trung tâm, tạo không gian hoạt động thực sự ý nghĩa, thân thiện, gần gũi và an toàn với trẻ.*

**1. Môi trường vật chất**

**a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng lớp**

**-** Trang thiết bị, đồ dùng hiện đại, chất liệu thân thiện, an toàn, gần gũi và màu sắc hài hòa giúp kích thích, tạo sự thoải mái cho trẻ khi tham gia hoạt động.

- Môi trường lớp học thoáng mát, đẹp, an toàn, có cây xanh, vệ sinh sạch sẽ, thân thiện, phù hợp với trẻ. Đủ ánh sáng theo tiêu chuẩn ánh sáng học đường.

- Xây dựng môi trường học tập với nhiều góc mở, nguyên vật liệu phong phú, tạo cơ hội cho trẻ hoạt động.

- Sử dụng các đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự tạo phù hợp với trẻ, đảm bảo tính an toàn, thẩm mỹ để đưa vào các hoạt động giáo dục và hoạt động chơi.

- Sắp xếp, bố trí đồ vật an toàn, hợp lí, đảm bảo thẩm mỹ và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia vào các góc chơi, đồng thời thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu qui định.

- Xây dựng góc phát triển vận động: có diện tích đủ rộng cho trẻ trườn, bò, đi, chạy và chơi với các đồ chơi phát triển vận động và các giác quan, chơi tập với các thiết bị cho trẻ tập vận động;

+ Trẻ hoạt động với đồ vật, với sách tranh, bút sáp, giấy; chơi với búp bê.

+ Trẻ có thêm khu vực chơi thao tác vai: hoạt động với đồ vật; chơi nấu ăn; chơi bế em; chơi với đất nặn, bút vẽ, màu nước, chơi vận động..

- Giáo viên xây dựng bài giảng điện tử áp dụng dạy trẻ nhằm tạo cơ hội cho trẻ được tiếp cận với các ứng dụng khoa học hiện đại.

***b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời****, gồm có:*

- Sân chơi sạch sẽ, rộng rãi, thoáng mát, an toàn; thiết bị đồ chơi ngoài trời được trang bị phong phú, an toàn, phù hợp với độ tuổi nhà trẻ và sắp xếp ở khu vực gần lớp học để trẻ có thể ra chơi hàng ngày.

- Sân chơi có nhiều cây xanh, có vườn cây, bồn hoa, cây cảnh, trồng cây ăn quả để trẻ được quan sát, tìm hiểu

**2. Môi trường xã hội**

- Môi trường chăm sóc, giáo dục đảm bảo an toàn về mặt tâm lí, tạo thuận lợi giáo dục các kĩ năng xã hội cho trẻ. Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên, nhân viên và những người xung quanh đối với trẻ luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

**E. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ VÀ CHẤT LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

**I. MỤC ĐÍCH ĐÁNH GIÁ:**

- Theo dõi sự phát triển của trẻ, có biện pháp tác động giáo dục phù hợp để giúp trẻ đạt được yêu cầu của độ tuổi và mục tiêu bổ sung nâng cao đối với trẻ ở từng độ tuổi.

**II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ:**

- Lựa chọn một số mục tiêu trong Chương trình giáo dục Mầm non và Chương trình bổ sung nâng cao để đánh giá năng lực trẻ theo các lĩnh vực phát triển. Đánh giá tình trạng sức khỏe của trẻ; thái độ, trạng thái cảm xúc và hành vi của trẻ; kiến thức, kỹ năng của trẻ.

**III. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ:**

- Sử dụng kết hợp một cách linh hoạt các phương pháp đánh giá như: Quan sát; Trò chuyện, giao tiếp với trẻ; Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ; Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ để đánh giá tình trạng sức khỏe, thái độ, cảm xúc, hành vi, kiến thức, kĩ năng của trẻ trong ngày dưới hình thức ghi chép vào sổ nhật ký, kế hoạch tháng để kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

**IV. THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ:**

- Đánh giá trẻ hàng ngày về những diễn biến tâm lý – sinh lí của trẻ hằng ngày trong các hoạt động, nhằm phát hiện những biểu hiện tích cực hoặc tiêu cực để kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Đánh giá trẻ cuối tháng/chủ đề để xác định mức độ đạt được sau mỗi tháng, từ đó điều chỉnh mục tiêu, nội dung, phương pháp phù hợp cho tháng tiếp theo.

- Đánh giá trẻ cuối độ tuổi theo các mục tiêu phát triển của trẻ, mục tiêu bổ sung nâng cao để xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực, từ đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ ở giai đoạn tiếp theo.

**PHẦN III: CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẪU GIÁO**

**A. MỤC TIÊU**

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 – 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kĩ năng xã hội và thẩm mĩ; hình thành và phát triển ở trẻ emnhững chức năng tâm sinh lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kĩ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi.

*Ngoài ra Trường Mầm non thị trấn Kim Bài chú trọng lĩnh phát triển nhận thức nhằm xây dựng nền tảng vững chắc hỗ trợ tốt nhất cho quá trình phát triển nhận thức sau này. Bên cạnh đó nhà trường đi sâu mũi nhọn ứng dụng phương phát giáo dục setam trong các hoạt động dạy trẻ.*

**MỤC TIÊU GIÁO DỤC LỨA TUỔI MẪU GIÁO**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **MẪU GIÁO BÉ 3-4 TUỔI** | **MẪU GIÁO NHỠ 4-5 TUỔI** | **MẪU GIÁO LỚN 5-6 TUỔI** |
| **I. Giáo dục phát triển thể chất** | | |
| **a) Phát triển vận động** | | |
| **1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp** | | |
| (MT1) Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn. | (MT1) 1. Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh. | (MT1) 1. Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp. |
| **2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động** | | |
| (MT2) 2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:  - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m)  - Đi kiểng gót liên tục 3m. | (MT2) 2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:  - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn.  - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m. | (MT2) 2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:  - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m.  - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục.  - Đứng một chân và giữ thẳng người trong 10 giây. |
| (MT3) 2.2. Kiểm soát được vận động:  - Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.  - Chạy liên tục trong đường dích dắc (3-4 điểm dích dắn) không chệch ra ngoài. | (MT3) 2.2. Kiểm soát được vận động: Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 – 5 vật chuẩn đặt dích dắc). | (MT3) 2.2. Kiểm soát được vận động: Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần). |
| (MT4) 2.3. Phối hợp tay - mắt trong vận động:  - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liền không rơi bóng (khoảng cách 2,5m).  - Tự đập - bắt bóng 3 lần liền (đường kính bóng 18cm) | (MT4) 2.3 Phối hợp tay - mắt trong vận động:  - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/ bạn): bắt được 3 lần liền không rơi bóng (khoảng cách 3 m).  - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m).  - Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp. | (MT4) 2.3 Phối hợp tay - mắt trong vận động:  - Bắt và ném bóng với người đối diện ( khoảng cách 4 m).  - Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m).  - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4 - 5 lần liên tiếp. |
| (MT5) 2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:  - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng.  - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m).  - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài. | (MT5) 2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:  - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây.  - Ném trúng đích ngang (xa 2 m).  - Bò trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài. | (MT5) 2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:  - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây.  - Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2m).  - Bò vòng qua 5 - 6 điểm dích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu. |
| **3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt** | | |
| (MT6) 3.1. Thực hiện được các vận động:  - Xoay tròn cổ tay.  - Gập, đang ngón tay vào nhau. | (MT6) 3.1. Thực hiện được các vận động:  - Cuộn - xoay tròn cổ tay.  - Gập, mở, các ngón tay. | (MT6) 3.1. Thực hiện được các vận động:  - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay.  - Gập, mở lần lượt từng ngón tay. |
| (MT7) 3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động:  - Vẽ được hình tròn theo mẫu.  - Cắt thẳng được một đoạn 10cm.  - Xếp chồng 8 - 10 khối không đổ.  - Tự cài, cởi cúc. | (MT7) 3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động:  - Vẽ hình người, nhà, cây.  - Cắt thành thạo theo đường thẳng.  - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối.  - Biết tết sợi đôi.  - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày. | (MT7) 3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động:  - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số.  - Cắt được theo đường viền của hình vẽ.  - Xếp chồng 12 - 15 khối theo mẫu.  - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu.  - Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya). |
| *3.3 Hình thành thói quen tích cực vận động, nâng cao thể lực và hoàn thiện kĩ năng VĐCB, tố chất VĐ qua một số hoạt động:*  *- Trẻ biết thực hiện một số điệu nhảy dân vũ, thể dục nhịp điệu*  *- Thực hiện thành thạo các vận động liên hoàn, trò chơi vận động trong Ngày hội thể thao.* | *3.3 Hình thành thói quen tích cực vận động, nâng cao thể lực và hoàn thiện kĩ năng VĐCB, tố chất VĐ qua một số hoạt động:*  *- Trẻ biết thực hiện một số điệu nhảy dân vũ, thể dục nhịp điệu*  *- Thực hiện thành thạo các vận động liên hoàn, trò chơi vận động trong Ngày hội thể thao.* | *3.3 Hình thành thói quen tích cực vận động, nâng cao thể lực và hoàn thiện kĩ năng VĐCB, tố chất VĐ qua một số hoạt động:*  *- Trẻ biết thực hiện một số điệu nhảy dân vũ, thể dục nhịp điệu.*  *- Thực hiện thành thạo các vận động liên hoàn, trò chơi vận động trong Ngày hội thể thao.* |
| **b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe** | | |
| **1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe** | | |
| (MT8) 1.1. Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...). | (MT8) 1.1. Biết một số thực phẩm cùng nhóm:  - Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm.  - Rau, quả chín có nhiều vitamin. | (MT8) 1.1. Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm:  - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá…  - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả… |
| (MT9) 1.2. Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau... | (MT9) 1.2. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo… | (MT9) 1.2. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo… |
| (MT10) 1.3. Biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. | (MT10) 1.3. Biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng. | (MT10) 1.3. Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe. |
| **2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt** | | |
| (MT11) 2.1. Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn:  - Rửa tay, lau mặt, súc miệng.  - Tháo tất, cởi quần, áo… | (MT11) 2.1. Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở:  - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng.  - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn. | (MT11) 2.1. Thực hiện được một số việc đơn giản:  - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng.  - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định.  - Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giật nước cho sạch. |
| (MT12) 2.2. Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách. | (MT12) 2.2. Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn. | (MT12) 2.2. Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo. |
| *2.3 Bước đầu thực hiện được các kỹ năng tự phục vụ phù hợp với lứa tuổi. Có thể có sự giúp đỡ của người lớn.* | *2.3 Thực hiện tốt kỹ nãng tự phục vụ trong cuộc sống hàng ngày một cách tự giác hoặc khi có sự nhắc nhở của người lớn.* | *2.3 Chủ động có ý thức tự giác, thực hiện thành thạo các công việc tự phục vụ trong cuộc sống hàng ngày.* |
| **3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khoẻ** | | |
| (MT13) 3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi… | (MT13) 3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống:  - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ.  - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau…  - Không uống nước lã. | (MT13) 3.1. Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống:  - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn.  - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn.  - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.  - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường. |
| (MT14) 3.2. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:  - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giầy khi đi học.  - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu. | (MT14) 3.2. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:  - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép giầy khi đi học.  - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....  - Đi vệ sinh đúng nơi quy định.  - Bỏ rác đúng nơi qui định. | (MT14) 3.2. Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:  - Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy.  - Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh.  - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....  - Che miệng khi ho, hắt hơi.  - Đi vệ sinh đúng nơi quy định.  - Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp. |
| **4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh** | | |
| (MT15) 4.1. Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ... ) khi được nhắc nhở. | (MT15) 4.1. Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch. | (MT15) 4.1. Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng.... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn. |
| (MT16) 4.2. Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi …) khi được nhắc nhở. | (MT16) 4.2. Nhận ra những nơi như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước… là nơi nguy hiểm, không được chơi gần. | (MT16) 4.2. Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần. |
| (MT17) 4.3. Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở:  - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt....  - Không tự lấy thuốc uống.  - Không leo trèo bàn ghế, lan can.  - Không nghịch các vật sắc nhọn.  - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. | (MT17) 4.3. Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở:  - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt....  - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.  - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo. | (MT17) 4.3. Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh:  - Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc, ....  -Biết không tự ý uống thuốc.  - Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khoẻ. |
|  | (MT18) 4.4. Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ:  - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu.  - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết. | (MT18) 4.4. Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ:  - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu…  - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.  - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ. |
|  |  | (MT19) 4.5. Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn:  - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi.  - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.  - Không leo trèo cây, ban công, tường rào… |
| **5. Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi** | | |
| **II. Giáo dục phát triển nhận thức** | | |
| **a) Khám phá khoa học** | | |
| **1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng** | | |
| (MT18) 1.1. Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng. | (MT19) 1.1. Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướt?.... | (MT20) 1.1. Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?… |
| (MT19) 1.2. Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng. | (MT20) 1.2. Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng. | (MT21) 1.2. Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng. |
| (MT20) 1.3. Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi. | (MT21) 1.3. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh. | (MT22) 1.3. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển. |
| (MT21) 1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng. | (MT22) 1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện. | (MT23) 1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận. |
| (MT22) 1.5. Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật. | (MT23) 1.5. Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu. | (MT24) 1.5. Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau. |
| **2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản** | | |
| (MT23) 2. Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi. | (MT24) 2.1. Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn” | (MT25) 2.1. Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”. |
|  | (MT25) 2.2. Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn. | (MT26) 2.2. Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau. |
| **3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau** | | |
| (MT24) 3.1. Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo. | (MT26) 3.1. Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. | (MT27) 3.1. Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. |
| (MT25) 3.2. Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình… | (MT27) 3.2. Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình… | (MT28) 3.2. Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình… |
| **b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán** | | |
| **1. Nhận biết số đếm, số lượng** | | |
| (MT26) 1.1. Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng. | (MT28) 1.1. Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?... | (MT29) 1.1. Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?... |
| (MT27) 1.2. Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5. | (MT29) 1.2. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10. | (MT30) 1.2. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. |
| (MT28) 1.3. So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. | (MT30) 1.3. So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. | (MT31) 1.3. So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất. |
| (MT29) 1.4. Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5. | (MT31) 1.4. Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả. | (MT32) 1.4. Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm. |
| (MT30) 1.5. Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm. | (MT32) 1.5. Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn. | (MT33) 1.5. Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau. |
|  | (MT33) 1.6. Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự. | (MT34) 1.6. Nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự. |
|  | (MT34) 1.7. Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. | (MT35) 1.7. Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. |
| **2. Sắp xếp theo qui tắc** | | |
| (MT31) 2. Nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại. | (MT35) 2. Nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại. | (MT36) 2.1. Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu. |
|  |  | (MT37) 2.2. Nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại. |
|  |  | (MT38) 2.3. Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp. |
| **3. So sánh hai đối tượng** | | |
| (MT32) 3.1So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau. | (MT36) 3.1 Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh. | (MT39) 3.1S ử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả. |
|  | *3.2 So sánh kích thước 3 đối tượng. Sắp xếp theo trình tự từ cao đến thấp, từ to đến nhỏ, từ dài đến ngắn và ngược lại.* | *3.2 So sánh kích thước các đối tượng. Sắp xếp theo trình tự từ cao đến thấp, từ to đến nhỏ, từ dài đến ngắn, từ nặng đến nhẹ và ngược lại. Nhận ra mối liên quan giữa kích thước của đối tượng.* |
| **4. Nhận biết hình dạng** | | |
| (MT33) 4. Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật. | (MT37) 4.1. Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật, ....). | (MT40) 4.1 Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật. |
|  | (MT38) 4.2. Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản. | *4.2 Chắp ghép, tạo ra các hình hình học, các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu* |
| **5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian** | | |
| (MT34) 5. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân. | (MT39) 5.1. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác. | (MT41) 5.1. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn. |
|  | (MT40) 5.2. Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày. | (MT42) 5.2. Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm. |
| **c) Khám phá xã hội** | | |
| **1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng** | | |
| (MT35) 1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. | (MT41) 1.1. Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. | (MT43) 1.1. Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. |
| (MT36) 1.2. Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình. | (MT42) 1.2. Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. | (MT44) 1.2. Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. |
| (MT37) 1.3. Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. | (MT43) 1.3. Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện. | (MT45) 1.3. Nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm), số điện thoại (nếu có)… khi được hỏi, trò chuyện. |
| (MT38) 1.4. Nói được tên trường/ lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. | (MT44) 1.4. Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện. | (MT46) 1.4. Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện. |
|  | (MT45) 1.5. Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện. | (MT47) 1.5. Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện. |
|  | (MT46) 1.6. Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. | (MT48) 1.6. Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. |
| **2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương** | | |
| (MT39) 2. Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh. | (MT47) 2. Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện. | (MT49) 2. Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ...” |
| **3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh** | | |
| (MT40) 3.1. Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu… qua trò chuyện, tranh ảnh. | (MT48) 3.1. Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội. | (MT50) 3.1. Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên…”. |
| (MT41) 3.2. Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương. | (MT49) 3.2. Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương. | (MT51) 3.2. Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước. |
| **III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ** | | |
| **1. Nghe hiểu lời nói** | | |
| (MT42) 1.1. Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”. | (MT50) 1.1. Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”. | (MT52) 1.1. Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”. |
| (MT43) 1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả… | (MT51) 1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ… | (MT53) 1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,..). |
| (MT44) 1.3. Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại. | (MT52) 1.3. Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại. | (MT54) 1.3. Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại. |
| **2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày** | | |
| (MT45) 2.1. Nói rõ các tiếng. | (MT53) 2.1. Nói rõ để người nghe có thể hiểu được. | (MT55) 2.1. Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được. |
| (MT46) 2.2. Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm… | (MT54) 2.2. Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,… | (MT56) 2.2. Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm, … phù hợp với ngữ cảnh. |
| (MT47) 2.3. Sử dụng được câu đơn, câu ghép. | (MT55) 2.3. Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định. | (MT57) 2.3. Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh, … |
| (MT48) 2.4. Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim… | (MT56) 2.4. Kể lại sự việc theo trình tự. | (MT58) 2.4. Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái, ... của nhân vật. |
| (MT49) 2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao… | (MT57) 2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao… | (MT59) 2.5. Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, cao dao… |
| (MT50) 2.6. Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn. | (MT58) 2.6. Kể chuyện có mở đầu, kết thúc. | (MT60) 2.6. Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện. |
| (MT51) 2.7. Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện. | (MT59) 2.7. Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện. | (MT61) 2.7. Đóng được vai của nhân vật trong truyện. |
| (MT52) 2.8. Sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa, … trong giao tiếp. | (MT60) 2.8. Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cám ơn, xin lỗi trong giao tiếp. | (MT62) 2.8. Sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng… phù hợp với tình huống. |
| (MT53) 2.9. Nói đủ nghe, không nói lí nhí. | (MT61) 2.9. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở. | (MT63) 2.9. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh. |
| **3. Làm quen với đọc, viết** | | |
| (MT54) 3.1. Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh. | (MT62) 3.1. Chọn sách để xem. | (MT64) 3.1. Chọn sách để “đọc” và xem. |
| (MT55) 3.2. Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh. | (MT63) 3.2. Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh. | (MT65) 3.2. Kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân. |
| (MT56) 3.3. Thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoặc. | (MT64) 3.3. Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”). | (MT66) 3.3. Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách. |
|  | (MT65) 3.4. Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,… | (MT67) 3.4. Nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông… |
|  | (MT66) 3.5. Sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,… | (MT68) 3.5. Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt. |
|  |  | (MT69) 3.6. Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. |
| **IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội** | | |
| **1. Thể hiện ý thức về bản thân** | | |
| (MT57) 1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân. | (MT67) 1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ. | (MT70) 1.1. Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại. |
| (MT58) 1.2. Nói được điều bé thích, không thích. | (MT68) 1.2. Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được. | (MT71) 1.2. Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được. |
|  |  | (MT72) 1.3. Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng). |
|  |  | (MT73) 1.4. Biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình. |
|  |  | (MT74) 1.5. Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức. |
| **2. Thể hiện sự tự tin, tự lực** | | |
| (MT59) 2.2. Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi, ...). | (MT69) 2.1. Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích. | (MT75) 2.1. Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...). |
|  | (MT70) 2.2. Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi). | (MT76) 2.2. Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao. |
| **3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh** | | |
| (MT60) 3.1. Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh. | (MT71) 3.1. Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh. | (MT77) 3.1. Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác. |
| (MT61) 3.2. Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận. | (MT72) 3.2. Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên. | (MT78) 3.2. Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ. |
| (MT62) 3.3. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ. | (MT73) 3.3. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ. | (MT79) 3.3. Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè. |
| (MT63) 3.4. Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ. | (MT74) 3.4. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. | (MT80) 3.4. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...) |
|  | (MT75) 3.5. Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. | (MT81) 3.5. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. |
|  |  | (MT82) 3.6. Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn…) của quê hương, đất nước. |
| **4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội** | | |
| (MT64) 4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ. | (MT76) 4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ. | (MT83) 4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép. |
| (MT65) 4.2. Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở. | (MT77) 4.2. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. | (MT84) 4.2. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. |
| (MT66) 4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói. | (MT78) 4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói. | (MT85) 4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác. |
| (MT67) 4.4. Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ. | (MT79) 4.4. Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở. | (MT86) 4.4. Biết chờ đến lượt. |
|  | (MT80) 4.5. Biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...). | (MT87) 4.5. Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn. |
|  |  | (MT88) 4.6. Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn). |
| **5. Quan tâm đến môi trường** | | |
| (MT68) 5.1. Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây. | (MT81) 5.1. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc. | (MT89) 5.1. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc. |
| (MT69) 5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định. | (MT82) 5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định. | (MT90) 5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định. |
|  | (MT83) 5.3. Không bẻ cành, bứt hoa. | (MT91) 5.3. Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...). |
|  | (MT84) 5.4. Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng. | (MT92) 5.4. Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn. |
| **V. Giáo dục phát triển thẩm mỹ** | | |
| **1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật** | | |
| (MT70) 1.1. Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng. | (MT85) 1.1. Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng. | (MT93) 1.1. Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng. |
| (MT71) 1.2. Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện | (MT86) 1.2. Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện | (MT94) 1.2. Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh hoạ phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện |
| (MT72) 1.3. Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng…) của các tác phẩm tạo hình. | (MT87) 1.3. Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng…) của các tác phẩm tạo hình. | (MT95) 1.3. Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình. |
| **2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình** | | |
| (MT73) 2.1. Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc. | (MT88) 2.1. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ… | (MT96) 2.1. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ… |
| (MT74) 2.2. Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh hoạ). | (MT89) 2.2. Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa). | (MT97) 2.2. Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa). |
| (MT75) 2.3. Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý. | (MT90) 2.3. Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm. | (MT98) 2.3. Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm. |
| (MT76) 2.4. Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản. | (MT91) 2.4. Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục. | (MT99) 2.4. Phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối. |
| (MT77) 2.5. Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản. | (MT92) 2.5. Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục. | (MT100) 2.5. Phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối. |
| (MT78) 2.6. Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối. | (MT93) 2.6. Làm lõm, dỗ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết. | (MT101) 2.6. Phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối. |
| (MT79) 2.7. Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản. | (MT94) 2.7. Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau. | (MT102) 2.7. Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối. |
| (MT80) 2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình. | (MT95) 2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng. | (MT103) 2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục. |
| **3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)** | | |
| (MT81) 3.1. Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc. | (MT96) 3.1. Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc. | (MT104) 3.1. Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích. |
| (MT82) 3.2. Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. | (MT97) 3.3. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. | (MT105) 3.2. Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn. |
| (MT83) 3.3. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình. | (MT98) 3.4. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình. | (MT106) 3.3. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. |
|  |  | (MT107) 3.4. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình. |

**B. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN**

**I. PHÂN PHỐI THỜI GIAN**

- Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mối tuần 5 ngày. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục được thực hiện theo chế độ sinh hoạt hằng ngày.

- Thời điểm nghỉ hè, các ngày lễ, tết, nghỉ học kì theo qui định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**II. CHẾ ĐỘ SINH HOẠT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Thời lượng** | **Hoạt động CS – GD** |
| 7h 15 – 8h00 | 30 phút | Đón trẻ, chơi ở các góc |
| 8h00 – 8h30 | 30 phút | Thể dục sáng – Điểm danh |
| 8h30 – 10 h30 | 35 - 40 phút | Hoạt động học  Hoạt động góc  Hoạt động ngoài trời |
| 30 – 40phút |
| 40 - 50 phút |
| 10h30 – 10h45 | 15 phút | Vệ sinh cá nhân – Chuẩn bị ăn |
| 10h45 - 11h30 | 45 phút | Ăn bữa chính |
| 11h30 – 11h45 | 15 phút | Vệ sinh cá nhân - Chuẩn bị ngủ |
| 11h45 – 14h00 | 135 phút | Ngủ trưa |
| 14h00 – 14h30 | 30 phút | Vệ sinh cá nhân – Chuẩn bị ăn |
| 14h30 – 15h15 | 45 phút | Ăn bữa phụ |
| 15h15 – 15h30 | 15 phút | Vệ sinh cá nhân |
| 15h30 – 16h30 | 60 phút | Hoạt động chiều  Hoạt động ngoại khóa, bổ trợ |
| 16h30 – 17h | 30 phút | Chơi, hoạt động theo ý thích –  Hoạt động ngoại khóa, bổ trợ Trả trẻ |

**C. NỘI DUNG**

**I. NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE**

Nhà trường đặc biệt chú trọng việc nuôi dưỡng – chăm sóc sức khỏe cho trẻ.

Số lượng trẻ 25- 30 trẻ/lớp với 2 giáo viên có chuyên môn đạt trình độ trên chuẩn, kinh nghiệm lâu năm, chăm sóc trẻ theo chế độ sinh hoạt 1 ngày; có quy trình chăm sóc-nuôi dưỡng khoa học, đảm bảo cho trẻ được chăm sóc – nuôi dưỡng tốt, phát triển cân đối, hình thành nhân cách và nề nếp tốt ngay từ khi còn nhỏ.

**1. Tổ chức bữa ăn**

**-**  Lựa chọn thực phẩm đầu vào: Thực phẩm được lấy từ đơn vị cung ứng có ký hợp đồng với nhà trường, đảm bảo tính pháp lý, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Chế độ dinh dưỡng phù hợp theo từng độ tuổi, từng mùa đáp ứng nhu cầu phát triển về thể chất của trẻ. Thực đơn được thay đổi theo tuần chẵn tuần lẻ. Mùa hè , Mùa đông.

- Số bữa ăn: 1 bữa chính, 1 bữa phụ.

+ Bữa chính (trưa): Đảm bảo bữa ăn tiêu chuẩn, có trên 10 loại thực phẩm, trong đó có từ 3 đến 5 loại rau, củ và bao gồm các món: cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng (sữa chua, sữa hoặc hoa quả theo mùa)

+ Bữa phụ (chiều): thực đơn thay đổi theo mùa và sữa

- Điều chỉnh cân đối thực phẩm để đảm bảo cơ cấu bữa ăn, cân đối các chất, tỷ lệ dinh dưỡng duy trì ở mức:

**2. Tổ chức ngủ**

- Có hệ thống chăn, ga, gối, đệm cho trẻ, có rèm chắn gió đảm bảo ấm áp về mùa đông;.

- Có hệ thống điều hòa nhiệt độ, quạt, rèm chống nắng đảm bảo mát mẻ về mùa hè.

**3. Vệ sinh:**

- Đảm bảo vệ sinh cá nhân. Có tủ đựng đồ dùng cá nhân, áo đồng phục cho cá nhân trẻ.

- Hệ thống cửa ra vào, cửa sổ các lớp học được lắp đặt lưới chống muỗi, chống côn trùng.

- Đảm bảo vệ sinh môi trường trong toàn trường; vệ sinh lớp học, đồ dùng, đồ chơi, các dụng cụ phục vụ sinh hoạt hàng ngày của trẻ.

- Tăng cường các biện pháp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

- Sử dụng nguồn nước máy đảm bảo (6 tháng kiểm định chất lượng nước/ lần) và xử lí rác, nước thải đúng qui định đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Đặc biệt chú trọng công tác đảm bảo vệ sinh an toàn cho trẻ và phòng chống dịch bệnh: Duy trì thường xuyên có chất lượng các nề nếp vệ sinh cá nhân, vệ sinh đồ dùng, đồ chơi, vệ sinh môi trường. Các đợt dịch bệnh: theo dõi sức khỏe trẻ; vệ sinh, tẩy trùng các đồ dùng đồ chơi, vật dụng bằng Clramin B và xà phòng thông thường. Tăng cường nhỏ mũi, rửa tay bằng nước sát khuẩn.

**4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn**

*- Khám sức khỏe định kỳ 1- 2 lần/năm.* Theo dõi đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi; theo dõi trẻ có chiều cao vượt trội (3/lần/năm học). Có các biện pháp phòng chống suy dinh dưỡng và béo phì, cân đo theo dõi hàng tháng.

*- Tư vấn tâm lý với những trẻ có biểu hiện rối nhiễu về tâm lí*

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi lịch tiêm chủng. Xử lí ban đầu những trường hợp trẻ ốm trong ngày tại trường.

*- Trao đổi với phụ huynh hàng ngày hoặc hàng tuần về sức khỏe của trẻ bằng nhiều hình thức: Trực tiếp, zalo, email, phần mềm liên lạc điện tử…*

*- Tuyên truyền các biện pháp chăm sóc sức khỏe, nuôi dưỡng, đảm bảo an toàn trẻ trên website và fanpage của trường.*

**II. GIÁO DỤC**

**1. Giáo dục phát triển thể chất**

Nội dung giáo dục phát triển thể chất bao gồm: phát triển vận động và giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.

***a) Phát triển vận động***

- Tập động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.

- Tập luyện các kĩ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động.

- Tập các cử động bàn tay, ngón tay và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ.

***b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khoẻ***

- Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thư­ờng và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.

- Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.

- Giữ gìn sức khoẻ và an toàn.

**\* Nội dung giáo dục theo độ tuổi**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | | |
| **I. Giáo dục phát triển thể chất** | | |
| **a) Phát triển vận động** | | |
| **1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp** | | |
| *(MT1) Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.* | *(MT1) 1. Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.* | *(MT1) 1. Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.* |
| **Hoạt động khác:** - Đi nhẹ nhàng kết hợp đi mũi, đi bàn, đi gót, đi cúi, chạy chậm, chạy nhanh về đội hình hàng ngang tập bài tập “MT 1”  - Hô hấp: + Hít vào, thở ra.  Gà gáy, thổi bóng, thổi nơ.  -Tay- vai:  + Đưa 2 lên cao, ra phía trước, sang ngang ,xuống dưới. (T9,10, 11,12)  + Hai tay sang ngang đưa ra phía trước , sang 2 bên, xuống dưới. (T1,2,3,)  + Hai tay đưa lên cao, ra phía trước , sang 2 bên, xuống dưới. (T3,4)  + Hai tay đưa lên cao gập khuỷu tay, bắt chéo ra trước ngực (T5)   - Lưng, bụng, Lườn:  + Hai tay lên cao,cúi người về phía trước tay chạm ngón chân .  (T 9,10,11)  + Hai tay chống hông quay sang trái sang phải (T12,1,2)  + Hai tay đưa sau lưng quay người sang trái sang phải.( T3,4,5)   - Chân :  + Đứng co duỗi chân (T9,10)  + Ngồi xổm, đứng lên.  (T 11,12)  + Bước lên phía trước khuỵu gối (T1,2,3)  +Từng chân đưa lên trước, ra sau, sang ngang ( T4,5)  -Bật :  + Bật tại chỗ(T9,10,11,12)  + Bật tách và khép chân  ( 1,2,3,4,5)    **\* Tập thể dục theo nhạc các bài hát:**  + Chào ngày mới  + Cả nhà thương nhau  + Sắp đến tết rồi  + Em đi qua ngã tư đường phố  + Nắng sớm  + Em yêu cây xanh  + Yêu Hà nội | **Hoạt động khác:** - Hô hấp: +Thổi nơ, gà gáy, máy bay, thổi bóng.  - Tay- vai:  + Đưa 2 tay lên cao, đưa ra trước. (T9,10)  • + Hai tay ra trước vỗ vào nhau. (T11,12)  + Đưa 2 tay đưa ra trước gập khuyu tay . (T1,2)  • + Đưa 2 tay ra trước, lên cao vô 2 tay vào nhau phía trên đầu . (T3)  + Đưa 2 tay ra trước , đưa về sau và vỗ vào nhau . (T4,5)   - Lưng, bụng, lườn:  • + 2 tay chống hông, nghiêng người sang 2 bên. (T9,10)  • + Hai tay chống hông, quay người sang 2 bên. (T11,12)  + 2 tay giơ cao, cúi người về trước, tay chạm ngón chân.(T1,2,3)  + Hai tay sang 2 bên, nghiêng người sang phải, sang trái. (T4,5)   - Chân:  + Hai tay chống hông bước sang ngang. (T9,10)  • + Hai tay để sau gáy, đứng nhún chân kết hợp với khuỵu gối. (T11,12).  • + Hai tay chống hông, đứng 1 chân đưa lên trước khuỵu gối và đổi bên (T1, 2)  + Hai tay chống hông đứng 1 chân nâng gập gối rồi đổi bên (T4.5)  • - Bật:  + Bật tại chỗ (T9,10,11)  +Bật tách chân khép chân (12,1,2)  + Bật tiến về phía trước (3,4,5)  **\*Tập thể dục theo nhạc các bài hát:**  + Chào ngày mới  + Cả nhà thương nhau  + Sắp đến tết rồi  + Em đi qua ngã tư đường phố  + Nắng sớm  + Em yêu cây xanh  • +Yêu Hà nội | **Hoạt động khác:** Đi nhẹ nhàng kết hợp đi mũi, đi bàn, đi gót, đi cúi, chạy chậm, chạy nhanh về đội hình hàng ngang tập bài tập PTC. “MT 1”  - Hô hấp: +Gà gáy, máy bay ù ù, thổi nơ,  - Tay- vai:  + Đưa 2 tay ra trước, gập khuỷu tay vào vai , đưa lên cao. (T9,10).  + Hai tay đưa ra phía trước và gập trước ngực (T11, 12)  + Đưa 2 ra phía trước, lên cao, sang ngang hạn xuống . (T1, 2)  + Hai tay sang ngang quay sang trái, sang phải. (T3,4)  + Tay phải giơ lên cao, giơ tiếp tay trái lên cao, đưa sang ngang, hạ tay xuống. (T5).  - Lưng, bụng, lườn:  + Hai tay đưa lên cao, người cúi xuống ra tay chạm ngón chân( T9,10)  + Hai tay chống hông quay người sang 2 bên. (T11,12)  + 2 tay chống hông cúi người về, ngửa người về sau. (T1,2)  + 2 tay chống hông , nghiêng người sang hai bên, kết hợp (T3,4)  + 2 tay sang bên, quay sang trái sang phải. ( T5)  - Chân:  +Từng chân đưa lên trước, ra sau, sang ngang (T9,10)  + Hai tay sang ngang kết hợp đưa chân ra phía trước, phía sau (T11,12)  + Hai tay chống hông đưa chân sang ngang kết hợp khuỵu gối (T1,2)  + Chân bước sang ngang, khuỵu gối rồi đổi bên (T3,4)  + Nhảy lên đưa 1 chân về phía trước sau đổi bên. (T5)  - Bật.  + Bật tách và khép chân (T9,10,11)  + Bật tiến phía trước (T12,1,2)  + Bật chân sáo ( T3,4,5)     \***Tập thể dục theo nhạc các bài hát:**  + Chào ngày mới,  + Cả nhà thương nhau  + Sắp đến tết rồi,  + Em đi qua ngã tư đường phố  + Em yêu cây xanh  + Nắng sớm  + Yêu Hà nội |
| **2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động** | | |
| *(MT2) 2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m) - Đi kiểng gót liên tục 3m.* | *(MT2) 2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m.* | *(MT2) 2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. - Đứng một chân và giữ thẳng người trong 10 giây.* |
| **Hoạt động học:**  + Đi trong đường hẹp  + Đi kiễng gót.  + Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát  + Đi bước dồn ngang.  + Đi trên ghế TD  + Đi trên ván dốc  **\* Trò chơi vận động**:  + Bóng tròn to.  + Lộn cầu vồng  + Bắt bướm  + Đập bóng  + Dung dăng dung dẻ  + Chuyền bóng  + Xây nhà  + Đi tầu hỏa  + Thi làm chú công nhân giỏi  + Về đúng nhà  + Phản xạ nhanh  + Cắp cua bỏ rỏ | **Hoạt động học:**  + Đi bước dồn trước  + Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn  + Đi thăng bằng trên ghế thể dục  + Đi thay đổi hướng dích theo vật chuẩn  + Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lênh  + Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát  hoặc theo hiệu lệnh  **\* Trò chơi vận động:**  + Chuyền bóng qua đầu.  + Chuyền bóng qua chân.  + Ném bóng vào rổ  +Tung bóng  + Ném bóng trúng đích  + Bóng bay  + Đừng làm như tôi nói  + Lùn mập ốm  + Chim bay cò bay | **Hoạt động học:**  \* Hoạt động học  - Đi.  + Đi trên dây (dây đặt trên sàn).  + Đi trên ván kê dốc.  + Đi nối bàn chân tiến, lùi.  + Đi chạy thay đôỉ tốc độ theo hiệu lệnh,  + Đi thăng bằng được trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m.)  + Nhảy lò cò ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.  + Đi và đập bóng nảy 5 lần liên tiếp  **\* Trò chơi vận động:**  + Tung bóng cho bạn.  + Mèo và chim sẻ.  + Cáo ơi ngủ à.  + Chú thỏ nâu  + Cáo và thỏ  + Ô tô về bến  + Đua thuyền  + Cua bò |
| *(MT3) 2.2. Kiểm soát được vận động: - Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường dích dắc (3-4 điểm dích dắn) không chệch ra ngoài.* | *(MT3) 2.2. Kiểm soát được vận động: Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 – 5 vật chuẩn đặt dích dắc).* | *(MT3) 2.2. Kiểm soát được vận động: Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).* |
| **Hoạt động học:**  + Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.  + Đi thay đổi hướng theo đường dích dắc.  + Chạy xa 15m   - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.   - Chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc.  **\*Hoạt động khác**.  - Giao lưu kéo co.  - Sút bóng vào gôn   + Qủa bóng nảy  + Bóng tròn to  + Sút bóng vào gôn  + Chạy cướp cờ  + Người làm vườn  + Cáo và thỏ  + Mèo đuổi chuột  + Bóng tròn to  + Những con vật ngộ nghĩnh đáng yêu | **Hoạt động học:**  - Chạy chậm khoảng 60- 80m   - Chạy 15m trong khoảng 10 giây  - Chạy thay đổi hướng theo vật chuẩn.  - Chạy theo đường dích dắc   - Chạy theo bóng và bắt bóng.  - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh  **Hoạt động khác:**  - Giao lưu kéo co  - Ném bóng vào rổ   \* Trò chơi vận động:  + Thi xem ai nhanh  + Nhảy ra nhảy vào  + Chạy tiếp sức  + Trò chơi dân gian  + Mèo đuổi chuột  + Thả đỉa ba ba  + Rồng rắn lên mây  + Cáo và Thỏ  + Chuyền bóng  + Tay trái tay phải của bé  + Chú bộ đội hành quân  + Tung bóng  + Bắt bướm  + Chạy cùng bóng lăn  + Đổi đồ chơi cho bạn | **Hoạt động học:**  + Chạy chậm khoảng 100 – 120m  + Chạy 18m trong khoảng 10 giây   + Chạy liên tục 150 m không hạn chế thời gian.   + Chạy thay đổi hướng vận động, theo đúng hiệu lệnh.   + Chạy đổi hướng dích dắc theo hiệu lệnh.    **Hoạt động khác:**  \*Trò chơi vận động.  +Ai khéo nhất,  + Nhanh và khéo.  + Cướp cờ,  + Ai nhanh hơn,  + Kẹp bóng về đích  + Kéo co,  + Chạy tiếp sức   \*Hoạt động khác.  - Giao lưu kéo co.  - Sút bóng vào gôn  - Kẹp bóng về đích.  - Ném vòng cổ chai  -Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút  + Tôi vui tôi buồn,  + Ai biết bảo vệ cơ thể,  + Những bạn cùng nhóm,  + Bé hãy chọn đúng,  + Hoa tìm lá, lá tìm hoa,  + Mèo đuổi chuột  + Chó sói sấu tính,  + Chọn đồ dùng học tập,  + Lấy bao cát đắp triến hào,  + Cao gà trống và gà mái,  + Tôm cua cá thi tài,  + Hãy chọn đúng môi trường hoạt động,  + Cầu thủ bóng rổ,  + Các loại rau thần kỳ,  + Về đúng bến,  + Chuyển thực phẩm về kho,  + Thỏ đánh trống,  + Thi chọn đúng |
| *(MT4) 2.3. Phối hợp tay - mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liền không rơi bóng (khoảng cách 2,5m). - Tự đập - bắt bóng 3 lần liền (đường kính bóng 18cm)* | *(MT4) 2.3 Phối hợp tay - mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/ bạn): bắt được 3 lần liền không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). - Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.* | *(MT4) 2.3 Phối hợp tay - mắt trong vận động: - Bắt và ném bóng với người đối diện ( khoảng cách 4 m). - Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m). - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4 - 5 lần liên tiếp.* |
| **Hoạt động học:**  Lăn bóng với cô   - Chuyền bóng hai bên theo hàng dọc   - Chuyền bóng hai bên theo hàng ngang  - Chuyền bóng qua đầu  - Chuyền bóng qua chân   - Tung bóng cho cô   - Bắt và tung bóng với cô bằng 2 tay   - Tập bắt bóng với cô   - Tung bóng lên cao bằng hai tay   - Ném xa bằng 1 tay   - Ném xa bằng 2 tay   - Ném trúng đích nằm ngang (xa1,5m)  **Hoạt động khác:**  \* TCVĐ:  + Ném bóng vào rổ  + Bắt bướm.  + Ai ném xa hơn  + Lăn bóng về đích  + Dệt vải | **Hoạt động học:**  - Chuyền bắt bóng qua đầu.   - Chuyền bắt bóng qua chân.   - Ném xa bằng 1 tay.   - Ném xa bằng 2 tay  - Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay   - Ném trúng đích thẳng đứng bằng 2 tay   - Tung bóng lên cao và bắt bằng 2 tay   - Tung bắt bóng với người đối diện.   - Đập bóng xuống sàn và bắt bóng khi bóng nẩy lên  **Hoạt động khác:**  \*TCVĐ :  + Sút bóng vào gôn  + Vận chuyển dưa hấu  + Thu hoạch táo  + Thỏ tìm chuồng  + Nhảy ra nhảy vào  + Về nhà | **Hoạt động học:**  \* Hoạt động học  - Chuyền bắt bóng qua đầu qua chân   - Ném xa bằng 1 tay.  - Ném xa bằng 2 tay.   - Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay  - Ném trúng đích đứng bằng 1 tay.  - Ném trúng đích đứng bằng 2 tay.   - Ném trúng đích đứng (xa 2m- cao 1,5m)   - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m).  **Hoạt động khác:**  + Chuyển bóng.  + Nhảy ô.  + Nhảy lên, nhảy xuống.  + Sút bóng vào gôn.  + Chạy theo bóng.  + Ô tô và chim sẻ. |
| *(MT5) 2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài.* | *(MT5) 2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2 m). - Bò trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.* | *(MT5) 2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. - Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2m). - Bò vòng qua 5 - 6 điểm dích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu.* |
| **Hoạt động học:**  - Bật tại chỗ   - Bật tiến về phía trước   - Bật xa 20-25 cm   - Bò chui qua cổng   - Bò bằng bàn tay cẳng chân   - Trườn chui dưới dây  - Bật liên tục qua 3-4 vòng   - Bò, trườn theo hướng thẳng dích dắc   - Bước lên, bật xuống bục cao 30cm   - Trườn về phía trước   - Trườn theo hướng thẳng   \* TCVĐ.  + Ai ném xa hơn.  + Ném trúng vòng tròn.  + Ném qua dây. Cáo và thỏ.  + Quả bóng nảy.  + Lăn bóng về đích.  + Tài năng chiến sĩ  + Bật qua xuối nhỏ  + Con rùa  + Máy bay  + Xây nhà  + Gấu con hái quả  + Dệt vải  \* HĐ giao lưu: Giao lưu với các lớp trong khối( TCVĐ – TCDG) | **Hoạt động học:**  - Bật liên tục về phía trước  - Bật tách chân, khép chân qua 5 ô   - Bật xa 35 - 40cm.   - Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm)   - Bật qua vật cản cao 10 - 15cm   - Nhảy lò cò 3m   - Bò thấp chui qua ống dài 1,2m x 0,6m.   - Bò dích dắc qua 5 điểm  - Bò bằng bàn tay bàn chân 3-4m   - Trườn theo hướng thẳng   - Trườn sấp kết hợp trèo qua ghế thể dục   - Trèo lên xuống ghế cao 30 cm  - Trèo lên, xuống thang.  **Hoạt động khác:**  \*TCVĐ:  + Ôtô về bến  + Người tài xế giỏi  + Ngã tư đường phố  + Đập đuôi rắn  + Sói và người chăn cừu  + Nhảy lò cò  + Chú thỏ tinh khôn  + Ếch bắt ruồi  + Bắt chuồn chuồn  + Bánh xe quay  + Chìm nổi  + Tìm kho báu, Rồng rắn, bịp mắt đánh trống, cấp cua bỏ giỏ, bắt bướm, tiếp sức cướp cờ bóng bay, đập bóng  - Chơi với các đồ chơi vận động ngoài trời. vận động liên hoàn, leo núi, cử tạ, lăn lốp xe ; Hội thi đấu vật ….  \* HĐGL : Giao lưu giữa các lớp trong khối (TCVĐ + TCDG) | **Hoạt động học:**  - Bật liên tục vào vòng   - Bật tách chân, khép chân qua 7 ô.   - Bật xa tối thiểu 50cm.  - Bật – nhảy từ trên cao xuống 40 - 45cm)   - Bật qua vật cản 15 - 20cm.   - Nhảy lò cò ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.   - Bò thấp chui qua cổng  - Bò dích dắc qua 7 điểm.   - Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m - 5m.   - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài1,5m x 30cm.   - Trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5 m so với mặt đất    **Hoạt động khác:**  • \*TCVĐ:  + Nhẩy ếch.  + Chuyển hàng.  + Kẹp bóng về đích.  + Chú thỏ trắng.  + Cáo và thỏ.  + Chạy tiếp sức.  + Đưa bóng vào gôn,  + Nhảy bao bố...  + Ô tô chim sẻ;  + Nhảy bao bố, nhảy dây, nhảy xa ;  Những chiếc bánh xe đang chạy ; Rồng rắn ; Thả đỉa ba ba ; Bịt mắt đánh trống ; Cắp cua bỏ giỏ ; Lộn cầu vồng ; Trồng nụ trồng hoa ; Bịt mắt bắt dê, Chi chi chành chành, Mèo đuổi chuột ; Gánh gánh gồng gồng ; câu ếch, Bắt bướm ; Con bọ dừa ; Gấu và ong ; Quả bóng nảy ; Đuổi bóng ; Bóng bay ; Đập bóng cùng cô ; Tiếp sức ; Cướp cờ ; Kéo co ; Chó sói xấu tính ; Gắp cua bỏ giỏ ; Đội nào khéo hơn ; Trốn tìm ; Tìm đúng chỗ ; Gieo hạt ; Chó sói xấu tính ; Ai về nhà nhanh hơn ; Thi ai ném trúng ; Thi ai nhảy xa ; Bắt trước tạo dáng ;…  - Chơi với các đồ chơi vận động ngoài trời. Đu xà, vận động liên hoàn, leo núi, cử tạ, lăn lốp xe ; Hội thi đấu vật ….  \* HĐGL : Giao lưu giữa các lớp trong khối (TCVĐ + TCDG) |
| **3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt** | | |
| *(MT6) 3.1. Thực hiện được các vận động: - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đang ngón tay vào nhau.* | *(MT6) 3.1. Thực hiện được các vận động: - Cuộn - xoay tròn cổ tay. - Gập, mở, các ngón tay.* | *(MT6) 3.1. Thực hiện được các vận động: - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay.* |
| **Hoạt động khác:** \* Hoạt động khác:  - Uốn ngón tay  - Bàn tay  - Xoay cổ tay  - Gập đan các ngón tay vào nhau  - Quay ngón tay  - Cuộn cổ tay  - Đan, tết.  - Xòe, nắm bàn tay;  - Co duỗi ngón tay  - Chạm các ngón tay vào nhau  - Xoa tay  - Giở sách.  - Xếp chồng khối gỗ | **Hoạt động khác:** \* Hoạt động khác  • Búng ngón tay  • Gập giấy  - Gấp quần áo  - Gấp quạt  - Gấp thuyền  - Lật từng trang sách.  - Tô, đồ theo nét  - Cắt theo đường khác nhau.  - Xé lá cây, một số loại giấy  - Cài, cởi cúc  - Kép khóa phéc mơ tuya, xâu, luồn, buộc dây | **Hoạt động khác:** \* Hoạt động khác  - Mười ngón tay nhúc nhích.  - Gia đình ngón tay.  - Cắp cua,  - Xoay cổ tay.  - Gập, mở lần lượt từng ngón tay.  - Lắp ráp các đồ dùng đồ chơi.  - Lật từng trang giấy.  - Miết đất nặn, ấn dẹt đất nặn.  - Đan nong mốt, tết tóc cho búp bê.  -Thắt mở đai da.  - Tết sợi đôi.  -Tự cài,cởi cúc áo.  - Vắt khăn, phơi khan, gấp khăn |
| *(MT7) 3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được một đoạn 10cm. - Xếp chồng 8 - 10 khối không đổ. - Tự cài, cởi cúc.* | *(MT7) 3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.* | *(MT7) 3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Xếp chồng 12 - 15 khối theo mẫu. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. - Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya).* |
| **Hoạt động khác:** \* Hoạt động khác:  - Vẽ được hình tròn theo mẫu  - Cắt thẳng được một đoạn 10cm.  - Xếp chồng được 8-10 khối không đổ.  - Tự cài, cởi cúc.  - Tết tóc cho búp bê.  - Cài, cởi cúc, kéo khoá, xâu, luồn, buộc dây, cài quai dép      \* Sự kiện: Tết trung thu , 20/11. Nặn bánh trôi bánh chay, Tết nguyên đán, Gói bánh trưng, Làm thiệp 20/11; 8/3 | **Hoạt động khác:** \* Hoạt động khác:  - Vẽ hình người, nhà, cây.  - Cắt thành thạo theo đường thẳng  - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối  - Biết tết sợi đôi  - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày  - Chơi vẽ chân dung, hình người  - Vẽ ngôi nhà của bé, cây ăn quả, cây hoa..  - Tết tóc cho búp bê  - Xếp chồng khối 12-15 khối theo mẫu và xếp chồng theo khả năng. – Xếp lăng Bác Hồ,Lắp ráp ngôi nhà; Xếp chung cư; Xếp hàng rào; xếp tháp...  \* Sự kiện: Tết trung thu , 20/11. Nặn bánh trôi bánh chay, Tết nguyên đán  Gói bánh trưng, Làm thiệp 20/11; 8/3, | **Hoạt động khác:** - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số  - Cắt được theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản.  - Xếp chống 12-15 khối theo mẫu  - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu  - Dán các hình vào vị trí cho trước, không bị nhăn.  Tạo hình dán hình con công  - Tự cài cúc, cởi cúc, mặc và cởi được áo  - Cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, đóng, mở phec mơ tuya.....  - Tết tóc cho bạn  - Cởi giày, đi giày.đóng mở đai da  \* Chơi với bảng căng chun, đồ chữ, nặn chữ, nặn số, xếp chữ và số, xâu hạt vòng uốn thành chữ cái. Vẽ chữ và số, tô chữ rỗng, số rỗng. Tập ghép tên của bản thân, số điện thoại của người thân, số nhà…  - Cắt theo đường viền của chữ cái và chữ số, đường viền những bông hoa, quả… Cắt dán đồ vật, con vật. Cắt hình từ họa báo, tranh ảnh.  - Ghép và dán các bộ phận của con vật, đồ vật, dán bộ phận của cơ thể. Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu.….  Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. (Bẻ, nắn; Lắp ráp; Xé, cắt đường vòng cung; Tô, đồ theo nét...)  - Kỹ năng tự phục vụ: Tết tóc; Cài, cởi cúc, kéo khoá (phéc mơ tuya), xâu, luồn, buộc dây; cài quai dép; Luồn dây giày, dây áo.  \* Sự kiện: Tết trung thu , 20/11. Nặn bánh trôi bánh chay, Tết nguyên đán  Gói bánh trưng, Làm thiệp 20/11; 8/3, |
| **b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe** | | |
| **1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe** | | |
| *(MT8) 1.1. Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).* | *(MT8) 1.1. Biết một số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin.* | *(MT8) 1.1. Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá… - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả…* |
| **Hoạt động học:**  - Một số thực phẩm bé biết   - Tìm hiểu về sữa.    **Hoạt động khác:**  \* Hoạt động khác:  - Cây lương thực, các loại rau, một số thịt động vật.  - Tìm hiểu về 4 nhóm thực phẩm.  - Phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.  - Các nhóm thực phẩm và cách chế biến.  - Các bữa ăn trong ngày, ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.  - Bé đi siêu thị. | **Hoạt động học:**  - Khám phá về 4 nhóm thực phẩm (Chất đạm, béo, đường bột, vitamin)  **Hoạt động khác:**  - Phân biệt loại cây lương thực với các loại rau...  - Khám phá các nhóm thực phẩm và cách chế biến.  - Các loại thức ăn và vai trò của thức ăn đối với sức khỏe  - Bé đi siêu thị  - Bé tập đi chợ  - Chọn thực phẩm đúng theo nhóm các chất. | **Hoạt động học:**  - Phân biệt 4 nhóm thực phẩm  - Cách lựa chọn thực phẩm tươi sạch.  - Cách rán trứng.  **Hoạt động khác:**  - Khoanh tròn hoặc nối các thực phẩm theo yêu cầu.  - Kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày.  - Nói đúng tên 4 nhóm thực phẩm  - Thực hành chế biện 1 số món ăn: pha nước cam, gói nem. Nặn bánh trôi.....  - Bé đi siêu thị.  - Phân loại thực phẩm theo yêu cầu.  - Chọn thực phẩm theo yêu cầu của cô.  - Lập bảng phân loại thực phẩm theo nhóm.  - Thăm vườn rau của bé, thăm quan cánh đồng quê, thăm quan vườn cam, quýt..  - Thực hành món trái cây dầm.pha nước cam |
| *(MT9) 1.2. Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...* | *(MT9) 1.2. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo…* | *(MT9) 1.2. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo…* |
| **Hoạt động học:**  - Một số món ăn quen thuộc   - Một số món ăn qua vị giác.    **Hoạt động khác:**  - Xem video về một số thực phẩm quen thuộc hàng ngày.  - Trò chuyện về các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn  - Trò chuyện về bữa cơm hàng ngày trong gia đình; bữa ăn ở trường.  \* Trò chơi.  - Bé tập làm đầu bếp. | **Hoạt động học:**  - Cách chế biến món rau luộc   - Tập pha nước giải khát   - Cách pha nước đường chanh, nước cam   - Một số món ăn ở trường  **Hoạt động khác:**  - Kể tên các món ăn trẻ biết và nói cách chế biến.  - Giúp mẹ nấu ăn, Bé làm đầu bếp.  - Trò chuyện về bữa cơm hàng ngày trong gia đình; bữa ăn ở trường.  - Trẻ kể tên các món ăn trẻ thích, ăn đồ ăn nấu chín  \* Trò chơi:  - Thi chế biến món ăn.  - Bé tập làm nội trợ  - Bé thích ăn gì | **Hoạt động học:**  - Cách chế biết một số món dán.   - Lợi ích của thực phẩm đối với con người.  **Hoạt động khác:**  - Cách làm cơm cuộn hàn quốc.   - Bé thích ăn gì, Hãy nói nhanh, Món ăn của gia đình bé, món ăn bé yêu thích.  - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.  - Kể được một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày  - Kể tên các món đơn giản  - Kể tên các món ăn trẻ biết có trứng rán, cá kho, canh rau cung cấp nhiều chất đạm và vitamin.  \* Trò chơi:- Giúp mẹ nấu ăn, - Bé làm đầu bếp,- Vào bếp cùng mẹ.- Bé tập làm bánh.  - Pha nước cam.- Bé tập tráng trứng- Bé làm xa lát.  - Bé cắt hoa quả |
| *(MT10) 1.3. Biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.* | *(MT10) 1.3. Biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.* | *(MT10) 1.3. Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.* |
| **Hoạt động khác:** \* Hoạt động khác:  - Trò chuyện về 1 số món ăn về gia đình bé và ở lớp hàng ngày được ăn những món ăn gì?  - Động viên trẻ ăn hết suất.  - Tạo không khí vui tươi trong bữa ăn.  - Phối hợp với PH có biện pháp chăm sóc với những trẻ SDD thấp còi, béo phì.  - Nhận biết các bữa ăn trong ngày,  \*Trò chơi:  - Bé tập nấu ăn.  - Bé thích ăn gì? | **Hoạt động khác:** \* Hoạt động khác:  - Kể tên các món ăn trẻ biết và nói cách chế biến.  - Trẻ kể tên các món ăn trẻ thích, ăn đồ ăn nấu chín  - Xem clip về các món ăn.  - Nhận biết ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.  \* Trò chơi:  - Thi chế biến món ăn  - Chọn thực phẩm theo yêu cầu của cô | **Hoạt động khác:** - Biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh.Trò chuyện về những hành vi văn hóa trong ăn uống, cách ăn uống vệ sinh.  - Ăn vừa phải và ăn đầy đủ các chất để bảm bảo sức khỏe, tránh được bệnh SDD và bệnh béo phì.  - Giải đáp các tình huống của cô.- Thịt sống có ăn được không,- Nước bẩn có uống được không. Hái rau và nấu canh có được không.Thịt có mùi thiu có ăn được không  - Xem clip thực phẩm bẩn, thực phẩm sạch. - Gắn lô tô các loại thực phẩm theo các nhóm  - Thực hành quy trình thực hiện món ăn đơn giản (Pha nước cam, pha sữa, pha nước chanh…) |
| **2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt** | | |
| *(MT11) 2.1. Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo…* | *(MT11) 2.1. Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.* | *(MT11) 2.1. Thực hiện được một số việc đơn giản: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giật nước cho sạch.* |
| **Hoạt động học.**  **-** Hướng dẫn cách xúc miệng **\* Hoạt động khác**  - Tạo tình huống để trẻ trả lời (Nếu quần, áo, tất khi trời nóng con sẽ làm gì ? vì sao ?)  - Cho nghe một số bài hát về một số bộ phận cơ thể: Cái mũi, Khuôn mặt cười, chiếc khăn tay, Tay thơm tay ngoan.  - Thực hành đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng . | **Hoạt động học:**  - Cách chăm sóc tóc  - Cách chăm sóc răng miệng  **Hoạt động khác:**  - Tập đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng.  - Trẻ biết thay quần áo khi thấy nhu cầu.  - Đi vệ sinh đúng nơi quy định.  - Khám tay, tay ai sạch sẽ.  - Cho trẻ hát một số bài hát về một số bộ phận cơ thể: Cái mũi, khuôn mặt cười, chiếc khăn tay….  - Thực hành đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.  - Trò chuyện về cách tự mặc quần áo  - Biết cách, tự cởi quần áo, tất khi cần thiết…. | **Hoạt động học:**  - Tìm hiểu về đánh răng đúng cách   - Trò chuyện với trẻ về tắm, gội.  **Hoạt động khác:**  - Cách gập quần áo  - Trò chuyện với trẻ về các thời điểm rửa tay bằng xà phòng.  - Dạy trẻ bỏ rác đúng nơi quy định.  - Đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh  - Biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn  - Trẻ tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định  - Nội quy nhà vệ sinh  - Tự rửa tay trải răng hàng ngày  - Cách bê khay và chia bát cơm cho bạn cùng bàn chuẩn bị giờ ăn nhẹ,  - Vệ sinh bàn ăn,  - Cách bê ghế, đứng lên ngồi xuống ghế, rót khô, rót ướt từ bình ra bát.  - Cách gấp khăn, cách gắp bằng các loại kẹp.  - Cách bê ghế, sử dụng chổi đót để quét rác trên sàn.  - Cách cầm dao, kéo, dĩa, thìa, đũa.  - Cách rót nước bằng phễu, cách vắt khăn.  - Cách lau chùi nước, cách lau nhà, cách lau gương.  - Clip hành vi vệ sinh văn minh.(Nhặt rác bỏ vào thùng, giật nước sau khi đi vệ sinh, ăn song bỏ rác vào thùng)  - Thực hành đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách, biết xả nước khi đi song, biết dùng giấy vệ sinh. |
| *(MT12) 2.2. Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.* | *(MT12) 2.2. Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.* | *(MT12) 2.2. Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.* |
| **Hoạt động khác:** \* Hoạt động khác.  - Thực hành kỹ năng cầm thìa bằng tay phải, tay trái, giữ bát ăn hết xuất, không làm rơi vãi thức ăn.  - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.  - Cách bê bát, xúc cơm và cất bát. | **Hoạt động khác:** - Thực hành kỹ năng cầm thìa bằng tay phải, tay trái giữ bát, biết ăn hết xuất, không làm rơi vãi thức ăn. …  - Cách cầm dao, kéo, dĩa, cách rót nước, cách sử dụng đũa…  - Cách bê khay và chia cơm cho bạn không bị đổ. | **Hoạt động khác:** - Cách bê khay và chia bát cơm cho bạn cùng bàn chuẩn bị giờ ăn nhẹ,  - Vệ sinh bàn ăn,  - Cách bê ghế, đứng lên ngồi xuống ghế, rót khô, rót ướt từ bình ra bát.  - Cách gấp khăn, cách gắp bằng các loại kẹp.  - Cách bê ghế, sử dụng chổi đót để quét rác trên sàn.  - Cách cầm dao, kéo, dĩa, thìa, đũa.  - Cách rót nước bằng phễu, cách vắt khăn.  - Cách lau chùi nước, cách lau nhà, cách lau gương.  - Biết cách: cách xúc miệng nứớc muối, cách xử lý khi ho, cách xử lý xì mũi. |
| **3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khoẻ** | | |
| *(MT13) 3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi…* | *(MT13) 3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau… - Không uống nước lã.* | *(MT13) 3.1. Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.* |
| **Hoạt động khác:**  - Thực hành: Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn.  - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn.  - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. Che miệng khi ho, hắt hơi  - Không uống nước lã, ăn đồ ôi thiu.. | **Hoạt động khác:** - Thực hành: Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn  - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn.  - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. Che miệng khi ho, hắt hơi.  - Không uống nước lã, ăn thức ăn khi chưa được người lớn cho phép. | **Hoạt động khác:** \* Hoạt động khác  - Xem clip an toàn giờ ăn, tác hại của uống nước lã và ăn quà vặt.  - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.  - Che miệng khi ho, hắt hơi  - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.  - Nội quy giờ ăn không nói chuyện  - Biết ăn thực phẩm rất tốt cho sức khỏe.  - Rót nước mời khách |
| *(MT14) 3.2. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giầy khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.* | *(MT14) 3.2. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép giầy khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định.* | *(MT14) 3.2. Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: - Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp.* |
| **Hoạt động khác:**  - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.  - Trò chuyện về lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể và môi trường đối với sức khỏe của con người.  - Xem tranh ảnh nhận biết đúng - sai trong tranh .  - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.  - Tập luyện 1 số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.  - Trẻ biết 1 số biểu hiện khi ốm. | **Hoạt động khác:** - Vệ sinh răng miệng, sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy.  - Đi vệ sinh đúng nơi quy định.  - Nhận biết biển hiệu nhà vệ sinh nam, nữ.  - Bỏ rác đúng nơi quy định; Không nhổ bậy ra lớp.  - Ra nắng đội mũ, đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh…  - Nghe chuyện, xem clip phát hiện yêu cầu.  - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.  - Trẻ biết 1 số trường hợp khẩn cấp và gọi người lớn giúp đỡ  - Lao động vệ sinh lớp học, sân trường | **Hoạt động khác:**  - Che miệng khi ho, hắt hơi ngáp.  - Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng  - Thực hành. Bé chải răng đúng cách;Vệ sinh răng miệng; sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ...  - Dạy trẻ ăn mặc phù hợp với thời tiết..  - Xem clip phát hiện yêu cầu, nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.  - Bài tập thực hành.  + Tìm hành vi đúng sai  + Đi vệ sinh đúng nơi quy định. Bỏ rác đúng nơi quy định. không nhổ bậy ra lớp, hành vi bảo vệ môi trường.  + Phát hiện đúng sai trong tranh để nhận biết, ra nắng không đội mũ, không đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh.  - Biết lao động vệ sinh lớp học lau rọn đồ dùng, nhặt lá sân trường, lau lá. |
| **4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh** | | |
| *(MT15) 4.1. Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ... ) khi được nhắc nhở.* | *(MT15) 4.1. Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.* | *(MT15) 4.1. Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng.... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.* |
| **Hoạt động khác:**  - Nhận biết được các vận dụng gây nguy hiểm( bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng.  - Biết tránh xa, không đến gần.  - Bài tập (gạch chéo những nơi nguy hiểm bé không được đến gần)  - Xem video về 1 số hoạt động nguy hiểm (Bàn là, bếp gas, phích nước nóng). | **Hoạt động khác:** - Xem clip, lựa chọn tranh ảnh phát hiện: bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng  - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.  -Trẻ kể tên những vật gây nguy hiểm và những nơi nguy hiểm không an toàn.  - Biết tránh xa, không đến gần.  - Bài tập (gạch chéo những nơi nguy hiểm bé không được đến gần) | **Hoạt động khác:** - Kể tên những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn  - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.  - Biết cách sử dụng những vật gây nguy hiểm và những nơi nguy hiểm không an toàn.  - Xem clip, lựa chọn tranh ảnh phát hiện: bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng...là những vật dụng nguy hiểm không nghịch các vật sắc, nhọn  - Nhận ra và không chơi một số đồ vật gây nguy hiểm.  Thực hành: Kể tên một số vật sắc nhọn như : Dao, Kéo, Tô vít, Dùi, Liềm, Cưa. |
| *(MT16) 4.2. Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi …) khi được nhắc nhở.* | *(MT16) 4.2. Nhận ra những nơi như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước… là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.* | *(MT16) 4.2. Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần.* |
| **Hoạt động khác:**  - Trẻ biết ao, hồ, giếng là nơi có nhiều nước nếu đến gần sẽ bị rơi xuống nước chết đuối nguy hiểm đến tính mạng  - Trò chuyện nhận biết những nơi ( Hồ, ao, bể chứa nước, hố vôi...) là nơi nguy hiểm. | **Hoạt động khác:** - Xem clip, lựa chọn tranh ảnh trò chuyện về hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...là nơi nguy hiểm  - Trẻ biết ao, hồ, giếng là nơi có nhiều nước nếu đến gần sẽ bị rơi xuống nước chết đuối nguy hiểm đến tính mạng  - Bụi rậm nơi có các con côn trùng, rắn…đến gần sẽ bị côn trùng, rắn cắn gây nguy hiểm cho con người, chia sẻ về mối nguy hiểm khi đến gần | **Hoạt động khác:** - Xem clip, tranh ảnh trò chuyện nhận biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...là nguy hiểm, chia sẻ về mối nguy hiểm khi đến gần  - Không chơi ở những nơi mất vệ sinh nguy hiểm  - Hố vôi khi đang còn nóng phải tránh xa không sẽ nguy hiểm đến tính mạng  - Trò chuyện, cách phòng tránh những hành động nguy hiểm.  Bài tập thực hành (gạch chéo những nơi nguy hiểm bé không được đến gần) |
| *(MT17) 4.3. Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.* | *(MT17) 4.3. Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.* | *(MT17) 4.3. Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: - Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc, .... -Biết không tự ý uống thuốc. - Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khoẻ.* |
| **Hoạt động khác:**  - Nhận biết một số hành động nguy hiểm .  - Trong khi ăn, uống không dễ bị hóc sặc..  - Không tự ý uống thuốc, ăn thức ăn có mùi ôi,  - Nhận ra thức ăn bị đổi màu có mùi ôi  - Trẻ biết được khi trèo lên bàn ghế, lan can sẽ nguy hiểm gẫy chân,tay  - Trẻ biết được những vật dụng như: dao kéo là những vật dụng sẽ gây nguy hiểm.  - Không theo người lạ.  - Tạo tình huống (nếu có người con không quen biết đến đón còn về con sẽ làm gi? nói gì? \* GD thực hành kỹ năng tự phục vụ:  - Đi cầu thang mức độ 1  - Cất ba lô  - Chuyển hạt to, nhỏ  - Chuyển nước  - Bấm khuy, kéo khóa  - Rót khô  - Sâu lỗ.  - Cách cài cúc ao  - Tự mặc quần ao | **Hoạt động khác:** - Phân biệt một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở:  - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc..  - Không tự ý uống thuốc, ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc. Nhận ra thức ăn bị đổi màu có mùi ôi  - Biết nhắc nhở mọi người không hút thuốc lá vì khi khói thuốc lá bay ra làm ngộ độc đến mọi người.  - Trẻ biết được khi ra khỏi cổng trường phải có người lớn đi cùng và có sự cho phép của cô giáo.  - Trẻ biết khi bố mẹ đón về không được tự ý đi chơi mà phải được sự đồng ý của bố mẹ.  - Không được tự ý nhận quả của người lạ  - Tạo tình huống (nếu có người con không quen biết đến đón còn về con sẽ làm gì? nói gì?) | **Hoạt động khác:** - Trò chuyện cách bảo vệ cơ thể khi thay đổi thời tiết.  - Dạy trẻ kỹ năng: kẹp nhiệt độ  - Trò chuyện về những biểu hiện khi ốm, nguyên nhân, cách phòng tránh.  - Trò chuyện với trẻ không tự ý uống thuốc, cần có sự hướng dẫn của bác sĩ, bố mẹ.  - Trò chuyện các số điện thoại khẩn, gọi người giúp đỡ khi gặp nguy hiểm.  - Xem clip tác hại của thuốc lá đối với con người đặc biệt là người già và trẻ em. Hình ảnh sức khỏe của những người nghiện thuốc lá.  - Hình ảnh cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc  - Biết và không làm một số gây nguy hiểm.  - Biết không ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.  – Biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc  - Biết tránh xa người hút thuốc lá. |
|  | *(MT18) 4.4. Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.* | *(MT18) 4.4. Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu… - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.* |
|  | **Hoạt động học:**  - Bé cần làm gì khi bị lạc   - Không đi theo người lạ  - đam bảo an toàn khi ở nhà   - Kỹ năng sử lý khi bị lạc  **Hoạt động khác:**  - Không chơi ở những nơi nguy hiểm  - Tình huống khi gặp trường hợp khẩn cấp: Cháy, có bạn, người rơi xuống nước, có kẻ trộm, ngã chảy máu. Biết chạy khỏi nơi nguy hiểm và gọi mọi người giúp đỡ.  - Bài tậpTH: Tạo tình huống và đặt ra các câu hỏi cho trẻ như:  + Khi bị lạc người thân con sẽ làm gì?  + Khi có người lạ cho quà con sẽ làm gì?  + Khi gặp nguy hiểm con sẽ gọi ai để giúp?  - Không đi theo hay nhận quà người lạ, không mở cửa cho người lạ vào nhà.  - Bài tập thực hành:  - Cách hỏi, gọi người lớn giúp đỡ khi bị lạc.  \* GD thực hành kỹ năng tự phục vụ:  - Đi cầu thang II  - Cách cất ba lô  - Cách đứng lên và ngồi xuống ghế  - Cách bê ghế  - Cách trải thảm, trải chiếu  - Cách lấy nước và uống nước  - Cách xử lý khi ho.  - Cách rót nước  - Cách lau chùi nước.  - Mời trà và rửa chén.  - Chuẩn bị giờ ăn nhẹ  - Chải tóc  - Quét rác trên sàn.  - Bỏ tăm vào lọ  - Rót khô, rót ướt  - Cách chuyển hạt | **Hoạt động học:**  - Bé cần làm gì khi bị lạc   - Nhận biết một số vùng riêng tư và hành vi an toàn - không an toàn.   - Bé làm gì khi bị người khác bắt đi   - kỹ năng an toàn khi ở nhà  **Hoạt động khác:**  - Xem Clips (về người lạ cho quà và bắt cóc trẻ con, Không đi theo người lạ khi bố mẹ vắng nhà; Không nhận quà của người lạ)  - Không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép  - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu.  - Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn  + Không cho người lạ bế ẵm, rủ đi chơi.  - Biết gọi cô hoặc người lớn khi có bạn gặp chuyện sảy ra.  - Xem clip nhận biết:  - Sau bố mẹ đón về nhà không tự ý đi chơi.  - Tập nói số nhà và số điện thoại của người thân.  - Bài tập: Viết số (xếp số) điện thoại của người thân.  - Biết các số điện thoại số 113 gọi cảnh sát, Số114 cứu hỏa, Số 115 cấp cứu.  + Khi nhà bị cháy gọi số nào .  + Gặp phải kẻ xấu chúng ta phải làm gì.  BTTH Bé hãy nối SĐT với từng tình huống. |
|  |  | (*MT19) 4.5. Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào…* |
|  |  | **Hoạt động khác:** - Nhắc nhở trẻ sau khi được bố mẹ đón không được tự ý đi chơi mà chưa được sự cho phép của bố mẹ.  - Đi bộ phải đi trên vỉ hè, khi sang đường phải có người lớn đi cùng.  - Không leo trèo ban công hay tường rào. \* GD thực hành kỹ năng tự phục vụ:  - Cách đóng mở cửa.  - Chuẩn bị giờ ăn nhẹ.  - Bỏ tăm vào lọ.  - Nạo dưa và thái dưa chuột  - Cách sử dụng đũa  - Cách buộc túi  - Bóc tỏi, đập tỏi.  - Cởi giày và đi giày, cất dép.  - Cách đứng lên và ngồi xuống ghế.  - Cách sử dụng dao, kéo, thìa.  - Cách gấp chăn  - Cách súc miệng bằng nước muối.  - Cách xử lý hỉ mũi.  - Cách bấm móng tay.  - Cách mặc quần, kéo khóa.  - Cách mặc áo, cởi áo, gấp áo.  - Cách gấp khăn .  - Cách rót nước.,- Tết tóc.- Đánh giày,- Cách lau chùi nước.- Mời trà và rửa cốc- Vắt khăn ướt.- Chuẩn bị giờ ăn nhẹ.- Sử dụng đũa.  - Tập đánh răng |
| 5**. Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi** | | |

**2. Giáo dục phát triển nhận thức**

***a) Khám phá khoa học***

- Các bộ phận của cơ thể con người.

- Đồ vật.

- Động vật và thực vật.

- Một số hiện tượng tự nhiên.

***b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán***

- Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm.

- Xếp tương ứng.

- So sánh, sắp xếp theo qui tắc.

- Đo lường.

- Hình dạng.

- Định hướng trong không gian và định hướng thời gian.

***c) Khám phá xã hội***

- Bản thân, gia đình, họ hàng và cộng đồng.

- Trường mầm non.

- Một số nghề phổ biến.

- Danh lam, thắng cảnh và các ngày lễ, hội.

**\* Nội dung giáo dục theo độ tuổi**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **II. Giáo dục phát triển nhận thức** | | | |
| **a) Khám phá khoa học** | | | |
| *1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng* | | | |
| *(MT18) 1.1. Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.* | *(MT19) 1.1. Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướt?....* | *(MT20) 1.1. Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?…* |
| **Hoạt động học:**  - Tìm hiểu về mùa hè   - Nước với cuộc sống con người   - Tìm hiểu các nguồn nước   - Tìm hiểu ngày và đêm   - Tan hay không tan   - Chìm nổi   - Tim hiểu về mưa  - Tìm hiểu về nắng   - Tìm hiểu ánh sáng tự nhiên ,ánh sánh nhân tạo  **Hoạt động khác**  - Xem vi deo, tranh ảnh về các hiện tượng tự nhiên như sấm, chớp, mưa, nắng, lũ lụt, hạn hán, nước… | **Hoạt động học:**  - Trang phục phù hợp với thời tiết các mùa.   - Một số hiện tượng tự nhiên   - Sự khác biệt giữa ngày và đêm   - Nước sạch, nước bẩn   - Nước nóng, nước lạnh   - Nước ô nhiễm nguyên nhân gây ô nhiễm và cách bảo vệ nguồn nước   - Mùa xuân  - Mùa hè của bé    **Hoạt động khác:**  - Quan sát các hiện tượng thời tiết mùa đông ( khô), mùa hè ( có mưa). Dấu hiệu của mùa thu. nước, cát, không khí  - Xem tranh, clip sự khác nhau giữa ngày và đêm.  - Thí nghiệm sự thoát khí của cây  - Cây thở như thể nào  - Trò chơi: Tạo gió – không tạo gió, thi chọn đúng, mưa rơi, ai nhanh hơn..... | **Hoạt động học:**  - Một số hiện tượng tự nhiên   - Mặt trời, mặt trăng và các vì sao.  - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trăng, mặt trời.   - Nhận biết dấu hiệu thời tiết theo mùa và thứ tự các mùa.   - Các nguồn ánh sáng và sự cần thiết.   - Nước với môi trường sống.   - Các tính chất của nước   - Vòng tuần hoàn của nước.    **Hoạt động khác:**  - Trò chuyện về bầu trời.  - Tính chất của nước.  - Thí nghiệm vật chìm nổi  - Xem tranh và trò chuyện về bẩy sắc cầu vồng, khám phá nặng nhẹ, khám phá vật cứng hay mềm, khám phá nước thần kỳ.  - Xem tranh- clip đoán hiện tượng tự nhiên sắp xảy  - Nguyên nhân gây ô nhiêm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước - Hệ mặt trời  - Thiên tai (Sóng thần, núi lửa)  - Sự hòa tan của muối |
| *(MT19) 1.2. Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.* | *(MT20) 1.2. Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.* | *(MT21) 1.2. Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.* |
| **Hoạt động học:**  - Một số loại quả  - Một số loại rau   - Một số loại cây   - Một số loại củ   - Một số loại hoa.   - Những đồ vật tạo ra âm thanh.  \* Dự án làm hoa: Cách tạo ra cánh hoa từ các loại lá hoa khô, nguyên vật liệu khác nhau   \* Hoạt động khác:  - Xem video tranh ảnh về sự phát triển của cây, các loại rau, củ, quả, hạt, các con vật…  - Xem video về cá loại rau, quả, cây xanh,hoa.  - Đọc thơ: Cây dây leo, hồ sen, bắp cải xanh, cây hồng, hoa sen, hoa mơ,  - Truyện: Chú đỗ con, Cây rau của thỏ út, Hoa mào gà. | **Hoạt động học:**  - Sự kỳ diệu của những bông hoa   - Hoa hông, hoa cúc, hoa đồng tiền  - Quả cam, quả xoài, quả chuối   - Sinh tố hoa quả   - Một số loại rau, củ   - Cách tạo ra màu sắc từ các loại rau củ quả.   - Cây xanh và môi trường sống.   - Cây lương thực   - Sự nẩy mầm của cây từ hạt   - Vai trò của cây đối với đời sống con người   - Cách chăm sóc và bảo vệ cây   - Khám phá một số loại giấy.   - Quan sát sự phát triển của cây, nhận ra mối liên hệ giữa sự phát triển của cây đối với điều kiện sống.  - Cho trẻ quan sát và sử dụng phối hợp các giác quan để khám phá về sự vật hiện tượng ( ngửi hoa, nếm quả, sờ lá cây, sờ quả…..).  - Thử nghiệm các giác quan nghe, nếm, ngửi nhận ra sự khác biệt trong cảm nhận của các giác quan  - Dự án làm bánh ngũ sắc: Cách tạo ra màu sắc từ các loại rau củ quả. | **Hoạt động học:**  - Sự phát triển của cây   - Những tác động làm ảnh hưởng đến sự phát triển của cây.   - Khám phá về những chiếc lá   - Làm sữa từ các loại củ, quả.   - Lấy màu từ các loại rau, củ.   - Cây thân gỗ, thân leo.   Dự án: - Làm cây thông noen  - Làm thuyền  - Chiếc túi kỳ diệu  - Quả trứng  Dự án: Làm cơm beto  - Làm cơm cuộn  - Nhuộm vải từ các nguyên vật liệu rau, củ  - Làm đèn trung thu  - Làm gara đỗ xe  - Làm tủ đựng quần áo  **Hoạt động khác:**  \* Hoạt động khác:  - Cho trẻ làm thử nghiệm và theo dõi sự phát triển của cây từ hạt, gieo hạt, cỏ cần ánh sáng, ngôi nhà xanh nhỏ, cà rốt nảy mầm cây trong bóng tối và cây ngoài ánh sáng, cây xanh mọc trong nhà.  - Quan sát, gọi tên, một số loại lá, phân loại lá, hoa, quả.  - Quan sát các cây trong vườn trường, quan sát các loại lá, thăm quan vườn rau của bé, quan sát các loại hoa. Quan sát bồn hoa mười giờ trong sân trường.  - Xem clips về sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa  Thực hành: Một số món ăn được chế biến từ rau , củ quả. |
| *(MT20) 1.3. Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.* | *(MT21) 1.3. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.* | *(MT22) 1.3. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.* |
| **Hoạt động học:**  - Các vật chìm vật nổi trong nước   - Cách pha muối, đường  \* Dự án làm thuyền: các nguyên vật liệu xuyên qua hoặc không xuyên qua, có ánh sáng hay không có ánh sáng.  **\*Hoạt động khác:**  - Thử nghiệm các giác quan nghe, nếm, ngửi nhận ra sự khác biệt trong cảm nhận của các giác quan  - Cho trẻ làm thử nghiệm và theo dõi sự phát triển của cây từ hạt, gieo hạt, cỏ cần ánh sáng, cây xanh mọc trong nhà…. | **Hoạt động học:**  - Các chất tan trong nước   - Sự kỳ diệu của giấy   - Cách pha mầu   - Điều kỳ diệu của nam châm   - Sự kì diệu của màu sắc   - Vật chìm- vật nổi  Nguyên vật liệu thấm nước- không thấm nước   - Nguyên vật liệu thẩm thấu nhanh- chậm, đục- trong. - Dự án làm nhà nổi  **Hoạt động khác:**  - Làm thí nghiệm: Các vật nổi và chìm trong nước;  - Sự phát triển của cây từ hạt( đỗ xanh, đỗ đen, hạt cải, hạt lạc).  - Bằng lá (sống đời, hoa đá, quỳnh). Bằng thân/ cành ( rau muống, rau ngót)  - Giấy có thể đi dưới nước mà không bị ướt không?  - Quả trứng sẽ nổi hay chìm ở dưới nước (có muối và không có muối)  - Quả trứng quay, điều gì xảy ra nếu bạn đặt một đồng xu trong một cốc nước đầy?  - Cái gì sẽ tan ở trong nước?  - Nước đổi màu (Pha nước) | **Hoạt động học:**  - Quá trình phát triển của cây (cây đậu)   - Cây cần gì để lớn lên và phát triển .   - Những tác động làm ảnh hưởng đến sự phát triển của cây.   - Quá trình phát triển của con gà con   - Vòng đời phát triển của bướm   - Khám phá sự thẩm thấu của nước qua các chất liệu: Cát, đá, sỏi, than…  - Dự án bể lọc nước: Các nguyên vật liệu thấm nước – không thấm nước.  - Phân loại rác thải  Dự án làm áo mưa: Các nguyên vật liệu thấm nước, không thấm nước  - Dự án: làm đồng hồ  - Dự án chuông gió: Các nguyên vật liệu phát ra tiếng kêu  - Dự án dù bay: Các nguyên vật liệu làm dù: nhẹ, bay được, không thấm nước…  - Làm ngôi nhà  - Chiếc lá  - Con cá  - Làm xe phân loại rác thải  - Làm cầu qua sông  - Làm bè nổi trên mặt nước  - Làm máng nước uống tự động cho gà  - Làm lều  - Làm tổ chim  - Làm bình nước tự động  - Dự án 20/11: làm lọ cắm hoa  - Làm ống đựng bút  - Làm ví tiền  - Dự án sách  **Hoạt động khác:**  - Tổ chức cho trẻ quan 1 số vườn cây ăn quả ở sân trường.  - Quan sát sự phát triển của cây, nhận ra mối liên hệ giữa sự phát triển của cây đối với điều kiện sống.  - Nhìn, sờ, ngửi, nghe âm thanh để nhận biệt ứng dụng của cây, con vật, hiện tượng tự nhiên đối với cuộc sống  - Thí nghiệm gieo hạt đậu. rau.  - Sưu tầm lá cây  - Sưu tầm, làm sách về các loài động vật theo môi trường sống.  - Vườn rau của bé.  - Dạy trẻ cách ép hoa khô.  - Làm thí nghiệm sự lan tỏa của màu sắc. |
| *(MT21) 1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.* | *(MT22) 1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.* | *(MT23) 1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.* |
| **Hoạt động khác**  - Xem video quá trình phát triển của cây.  - Quan sát sự phát triển của cây, nhận ra mối liên hệ giữa sự phát triển của cây đối với điều kiện sống.  - Cho trẻ quan sát và sử dụng phối hợp các giác quan để khám phá về sự vật hiện tượng ( ngửi hoa, nếm quả, sờ lá cây, sờ quả…..) | **Hoạt động khác:** - Xem video tranh ảnh về sự phát triển của cây, các loại rau, củ, quả, hạt. Các con vật…  - Quan sát, gọi tên, so sánh một số loại lá, so sánh các lá, phân loại lá, hoa, quả.  - Trò truyện một số loại cá, nhóm con vật thuộc nhóm gia súc, gia cầm, phân loai động vật, côn trùng.  - Quan sát sự theo dõi sự lớn lên của cây.  - Quan sát trò chuyện bầu trời khi sắp mưa, tại sao có mưa, có sấm, thời tiết, ngày và đêm, mặt trời và mặt trăng. Những đám mây bay.  - Quan sát trò chuyện các hiện tượng thời tiết mùa đông  (khô), mùa hè (có mưa). Dấu hiệu của mùa thu. | **Hoạt động khác:**  - Xem tranh ảnh bưu thiếp góc thư viện  - Trao đổi thảo luận về các thông tin tranh ảnh, tranh chuyện.  - Quan sát những đám mây bay, quan sát thời tiết mùa thu, quan sát thời tiết mùa xuân, quan sát thời tiết mùa hạ, quan sát thời tiết mùa đông; Quan sát thời tiết trong ngày, quan sát bầu trời, mặt trời in hình, khám phá nặng nhẹ.  - Xem video về sự phát triển của cây.  - Xem clip ảnh hưởng của tự nhiên tới con vật, cây cối.  - Xem clip về môi trường sống của các loài động vật, sưu tầm tranh, ảnh những con vật có nguy cơ tuyệt chủng, làm các con vật từ vật liệu phế thải. Xem clip thế giới động vật.  BTTH  - Hành vi Đúng – Sai của con người với động vật.  - Vẽ tranh thể hiện ý tưởng của trẻ trong bảo vệ động vật quý hiếm.  - Tìm hiểu nơi hoạt động của các loại PTGT qua xem clip.  - Vẽ lại các biển báo đã thấy trên đường và nêu ý nghĩa  - Quan sát các loại phương tiện giao thông quen thuộc |
| *(MT22) 1.5. Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.* | *(MT23) 1.5. Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.* | *(MT24) 1.5. Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.* |
| **Hoạt động học:**  - Đồ dùng gia đình bé   - Những đồ dùng bé thích  - Cách sắp xếp giữ gìn đồ chơi   - An toàn khi sử dùng đồ chơi   - Phân loại lá theo 1-2 dấu hiệu.   - Tìm những con vật giống nhau   - Phân loại con vật thuộc nhóm 2 chân- nhóm 4 chân   - Phân loại đồ chơi theo màu sắc – hình dạng  - Tìm hiểu một số phương tiện giao thông đường bộ.   - Tìm hiểu về tầu hỏa.   - An toàn khi tham gia giao thông   - Tín hiệu đèn xanh đèn đỏ   \* Hoạt động khác  - Xem tranh ảnh về các đồ vật có dấu hiệu chung. | **Hoạt động học:**  - Các đồ dùng trong gia đình   - Đồ dùng gây nguy hiểm.  - Phân loại đồ dùng theo công dụng và chất liệu.   - Phân biệt 2-3 loại PTGT:   + Phân biệt ô tô, tàu thủy, máy bay.   + Phân biệt xe đạp, xe máy, ô tô.   - Đồ dùng, đồ chơi của bé.   - Phân loại chất liệu và công dụng của một số đồ dùng gia đình .   - Phân loại một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng   - Phân loại đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu khác nhau   - Loại một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại.   - Tìm hiểu về an toàn khi sử dụng các đồ dùng trong gia đình   - Phân nhóm các phương tiện giao thông   - Một số biển báo giao thông đường bộ   - Luật giao thông đường bộ đơn giản   + Phân biệt tàu hỏa, ô tô, máy bay.   - Một số biển báo giao thông đường bộ  **Hoạt động khác:**  - Bé thực hành tham gia giao thông   - Chơi phân loại các cây, hoa quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu  - Chơi phân loại các biển báo GT.  - Phân loại lá theo 2-3 dấu hiệu.  + Nhận ra sự giống nhau của 2 hoặc một nhóm đối tượng  + Nhận ra sự khác biệt của 1 đối tượng trong nhóm so với những cái khác.  - Giải thích đúng khi loại bỏ đối tượng khác biệt đó.  - So sánh, phân loại đồ chơi theo 2- 3 dấu hiệu  BTTH: Nối các đồ dùng theo từng cặp giống nhau về đặc điểm, chất liệu.  - Đặc điểm, công dụng của một số PTGT đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không, phân loại theo 1-2 dấu hiệu.  - Gạch chân những tình huống sai.+ Phân biệt Thuyền buồm, tàu thủy.    - Xem tranh ảnh các cây, hoa quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu .  - Biết các loại biển báo GT.  - Giải thích đúng khi loại bỏ đối tượng khác biệt đó. | **Hoạt động học:**   - Phân loại chất liệu và công dụng của một số đồ dùng gia đình .   - Phân loại một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng   - Phân loại phương tiện GT theo 2-3 dấu hiệu khác nhau.   - Loại một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại.   - Tìm hiểu về an toàn khi sử dụng các đồ dùng trong gia đình   - Phân nhóm các phương tiện giao thông  - Một số biển báo giao thông đường bộ   - Luật giao thông đường bộ đơn giản  **Hoạt động khác:**  - Bé thực hành tham gia giao thông  - Chơi phân loại các cây, hoa quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu  - Chơi phân loại các biển báo GT.  - Phân loại lá theo 2-3 dấu hiệu.  + Nhận ra sự giống nhau của 2 hoặc một nhóm đối tượng  + Nhận ra sự khác biệt của 1 đối tượng trong nhóm so với những cái khác.  - Giải thích đúng khi loại bỏ đối tượng khác biệt đó.  - So sánh, phân loại đồ chơi theo 2- 3 dấu hiệu  BTTH: Nối các đồ dùng theo từng cặp giống nhau về đặc điểm, chất liệu.  - Đặc điểm, công dụng của một số PTGT đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không, phân loại theo 1-2 dấu hiệu.  - Gạch chân những tình huống sai. |
| **2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản** | | | |
| *(MT23) 2. Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.* | *(MT24) 2.1. Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn”* | *(MT25) 2.1. Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.* |
| **Hoạt động khác:**  - Làm vật chìm nổi (cho viên đá vào chậu và miếng xốp)  - Trò chơi nam châm  - Tìm hiểu nước nóng, nước lạnh  - Làm 1 số thí nghiệm: Tính chất của nước, sự chuyển động của nước, không khí, ánh sáng, sức hút của nam châm, vật nặng, nhẹ, chìm, nổi, tan trong nước….  - So sánh các lá.  - Sử dụng bàn tay trong nước, lau khô bàn tay bằng giấy.  - Quan sát vũng nước | **Hoạt động khác:** - Thực hành pha nước chanh, nước muối xúc miệng;  - Giải quyết các tình huống xảy ra trong cuộc sống: khi bị ngã, bạn bị sốt, chảy máu mũi, lạc đường, khi mắc lỗi, khi gặp nguy hiểm (có kẻ trộm, hỏa hoạn, đuối nước....)  - Tạo tình huống để trẻ tìm hiểu, phán đoán và giải quyết theo cách của trẻ bằng cách đặt ra các câu hỏi: tại sao? Như thế nào? ở đâu? Làm cách nào?  - Điều gì sẽ xảy ra? | **Hoạt động khác:** - Cho trẻ xem clip khi nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi.  - Làm bài tập tình huống. Nối các hình ảnh phù hợp với thời tiết.  - Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.  + Mưa to, gió xoáy con người phải làm gì.  + Trời nắng, mưa khi đi ra đường phải làm gì.  - Nước đổi màu (Pha nước)  - Thí nghiệm về đổ vào, cân thăng bằng, thổi bóng, thổi không khí vào nước, vật chìm trong nước như thế nào. |
|  | *(MT25) 2.2. Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.* | *(MT26) 2.2. Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.* |
|  | **Hoạt động khác:** - Góc xây dựng: Trẻ biết dùng các khối gỗ tạo ra những ván có độ dốc khác nhau  \* TC: Hãy chọn giúp mình | **Hoạt động khác:** - Giải quyết các vấn đề đơn giản xảy ra trong cuộc sống :  - BTTH: Khi bé ngậm hạt vòng, sử dụng kéo, bạn ngã, bạn bị sốt, chảy máu mũi biết gọi người lớn. |
| **3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau** | | | |
| *(MT24) 3.1. Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.* | *(MT26) 3.1. Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.* | *(MT27) 3.1. Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.* |
| **Hoạt động học:**  - Khám phá con gà, con vịt   - Khám phá con chó, con mèo   - Con vật sống trong rừng.   - Cách chăm sóc và bảo vệ động vật nuôi.  - Dự án làm con sâu: từ các nguyên vật liệu khác nhau.  **\* Hoạt động khác.**  - Làm tập san các con vật trong gia đình.  - Xem video động vật sống trong gia đình, trong rừng  - Sưu tầm tranh ảnh các con vật | **Hoạt động học:**  - Một số con côn trùng.   - Một số loài chim   - Vòng đời của sâu, bướm  - Động vật với môi trường sống    **Hoạt động khác:**  - Làm Abum động vật sống dưới nước, côn trùng, các loài chim.  - Xem Clips quá trình sinh sản cuả một số loài chim.  - Đố các câu đố về con vật  - Vẽ và tô mầu một số con vật  - Xếp con vật từ các hình | **Hoạt động học:**  - Gọi tên,phân loại động vật theo môi trường sống   - Tìm hiểu môi trường sống của các con vật   - Động vật có nguy cơ tiệt chủng   - Con người làm gì để bảo vệ các con vật.    **Hoạt động khác:**  - Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung  - Xem clip một số động vật quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng,  - Nghe câu đố về con vật  - Chọn lá, hoa, quả.  - So sánh sự khác biệt giữa các nhóm cây, con vật, thông qua đặc điểm, môi trường sống, công dụng, chức năng.  - In bàn tay, bàn chân. So sánh sự khác biệt giữa bàn tay, bàn chân của mình với bạn.   - Nguyên nhân nào dẫn đến con vật bị tiệt chủng   - Sự khác nhau về bộ răng giữa các con vật |
| *(MT25) 3.2. Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình…* | *(MT27) 3.2. Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình…* | *(MT28) 3.2. Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình…* |
| **Hoạt động khác:**  - Chơi đóng vai (bắt chước các hành động của những người gần gũi như chuẩn bị bữa ăn của mẹ, bác sĩ khám bệnh .  - Hát các bài hát về cây, con vật.. | **Hoạt động khác:** - Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề gia đình, phòng khám bệnh, xây dựng công viên...  - Hát các bài hát về cây, con vật...  Vẽ, xé, dán, nặn, ghép hình.... cây cối, con vật...  - Vẽ, xé, dán, nặn con vật, cây, đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông đơn giản. | **Hoạt động khác:** - Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề Gia đình, trường học, bệnh viện.. mô phỏng vận động / di chuyển / dáng điệu các con vật.  - Hát các bài hát về cây, con vật, mưa, bầu trời, mặt trăng, mặt trời, trái đất...  -Vẽ, xé, dán, nặn các con vật, cây mưa, bầu trời,mặt trăng, mặt trời, trái đất. |
| **b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán** | | | |
| **1. Nhận biết số đếm, số lượng** | | | |
| *(MT26) 1.1. Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.* | *(MT28) 1.1. Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...* | *(MT29) 1.1. Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...* |
| **Hoạt động khác:** \* Hoạt động khác:  - Quan sát đồ chơi ngoài trời, cây cối, con vật và đếm số lượng.  - Đếm số lượng các ngón tay  - Tập đếm số lượng các thành viên trong gia đình.  - Đếm số lượng các bạn trong nhóm …và biết biểu thị số lượng 1- tương ứng với 1 ngón tay, số lượng 2 tương ứng với 2 ngón tay  - Trò chơi:  + Con cua đá,  + Con chim chích, trốn tìm… | **Hoạt động khác:** \* Hoạt động khác:  - Đếm các vật xung quanh lớp như: bàn, ghế, đồng hồ, quạt các đồ chơi quanh lớp và nói kết quả.  - Vẽ hoa, lá, con vật tương ứng với chữ số.  - Làm các bài tập toán về số lượng trong phạm vi 5      -Trò chơi :  + Đếm số lượng và gắn số tương ứng với nhóm đồ vật.  +Thêm bớt cho đủ số lượng yêu cầu trong phạm vi 5 | **Hoạt động khác:** \*Hoạt động khác:  - Cho trẻ đếm theo khả năng – Đếm cách  - Đếm số chẵn, đếm số lẻ  - Làm các bài tập toán về số lượng trong phạm vi 6,7,8,9,10 trong quyển trò chơi học tập.  - Cho trẻ tập tô, đồ các chữ số, tập làm lịch, làm biển số xe..  -Trò chơi :  +Tìm nhà ;  + Những con số kì diệu ; + Nhanh và đúng .  + Thêm bớt cho đủ số lượng yêu cầu trong phạm vi 6,7,8,9,10 |
| *(MT27) 1.2. Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.* | *(MT29) 1.2. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.* | *(MT30) 1.2. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.* |
| **Hoạt động học:** + Nhận biết 1 và nhiều + Đếm đến 2, nhận biết nhóm có số lượng 2. + Đếm đến 3, nhận biết nhóm có số lượng 3 + Đếm đến 4, nhận biết nhóm có số lượng 4.  + Đếm đến 5, nhận biết nhóm có số lượng 5  **Hoạt động khác:** \* Hoạt động khác:  - Làm bài tập trong vở toán :  + Bài 10: Nhận biết nhóm số lượng 1-2  + Bài 11: Phân biệt nhóm có số lượng 1 và nhiều  + Bài 12: Nhận biết các nhóm có số lượng trong phạm vi 3  + Bài 14: Nhận biết các nhóm có số lượng trong phạm vi 4  + Bài 15: Nhận biết các nhóm có số lượng trong phạm vi 5  + Đếm theo khả năng | **Hoạt động học:** - Đếm đến 3. Tạo nhóm có số lượng 3. Nhận biết số 3. - Nhận biết số thứ tự trong phạm vi 3. - Đếm đến 4. Tạo nhóm có số lượng 4. Nhận biết số 4 - Nhận biết số thứ tự trong phạm vi 4. - Đếm đến 5. Tạo nhóm có số lượng 5. Nhận biết số 5 - Nhận biết số thứ tự trong phạm vi 5. **Hoạt động khác:** \* Hoạt động khác.  - Hoàn thiện bài trong vở toán  + Bài 8: Nhận biết chữ số và số lượng trong phạm vi 3  + Bài 10: Nhận biết chữ số và số lượng trong phạm vi 4  + Bài12: Nhận biết chữ số và số lượng trong phạm vi 5.  - Nhận biết mối quan hệ hơn kém trong phạm vi 5  + Đếm theo khả năng | **Hoạt động học:** - Đếm đến 6, nhận biết nhóm có số lượng 6, nhận biết số 6.  - Đếm đến 7, nhận biết nhóm có số lượng 7, nhận biết số 7. - Đếm đến 8, nhận biết nhóm có số lượng 8, nhận biết số 8. - Đếm đến 9, nhận biết nhóm có số lượng 9, nhận biết số 9. - Đếm đến 10, nhận biết nhóm có số lượng 10, nhận biết số 10. - Ôn số lượng và chữ số trong phạm vi 5.  - Cho trẻ đếm cách theo khả năng.  - Đếm và tìm thẻ số tương ứng  - Hoàn thiện bài trong vở toán  - Nhận biết các số chắn.  - Nhận biết các số lẻ  - Dạy trẻ đếm theo khả năng  \* TC:  - Tìm nhà;  - Kết bạn;  - Nhanh tay nhanh mắt;  - Thi xem đội nào nhanh;  - Nhanh và đúng **Hoạt động khác:** - Số chẵn, số lẻ |
| *(MT28) 1.3. So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.* | *(MT30) 1.3. So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.* | *(MT31) 1.3. So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.* |
| **Hoạt động học:** - So sánh nhiều hơn- ít hơn  **Hoạt động khác:** \* Hoạt động khác:  -TC: Chọn theo yêu cầu của cô, Tinh mắt nhanh tay  - Làm bài tập trong vở toán:  + Bài 16: So sánh nhiều hơn, ít hơn  - So sánh số lượng 2 nhóm trong phạm vi 3  - So sánh số lượng 2 nhóm trong phạm vi 4  - So sánh số lượng 2 nhóm trong phạm vi 5 | **Hoạt động học:** - So sánh 2 nhóm đối tượng có lượng trong phạm vi 3. - So sánh 2 nhóm đối tượng có lượng trong phạm vi 4. - So sánh 2 nhóm đối tượng có lượng trong phạm vi 5.  **Hoạt động khác:** - Thực hành so sánh các nhóm đồ vật trong phạm vi 5  - Tìm ra các nhóm nhiều hơn, ít hơn, các nhóm bằng nhau  - So sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5  - So sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 7  - So sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 8  - So sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 9  - So sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10. | **Hoạt động học:** - Nhận biết mối quan hệ hơn kém về số lượng trong phạm vi 6 . - Nhận biết mối quan hệ hơn kém về số lượng trong phạm vi 7 . - Nhận biết mối quan hệ hơn kém về số lượng trong phạm vi 8 . - Nhận biết mối quan hệ hơn kém về số lượng trong phạm vi 9 . - Nhận biết mối quan hệ hơn kém về số lượng trong phạm vi 10 . - So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10.  **Hoạt động khác:** - Thêm, bớt nhóm có số lượng trong phạm vi10.  - Thêm bớt theo yêu cầu các nhóm để tạo bằng nhau |
| *(MT29) 1.4. Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.* | *(MT31) 1.4. Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.* | *(MT32) 1.4. Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.* |
| **Hoạt động học:** - Gộp hai nhóm nhỏ thành nhóm có số lượng 2. - Gộp hai nhóm nhỏ thành nhóm có số lượng 3. - Gộp hai nhóm nhỏ thành nhóm có số lượng 4.  - Gộp hai nhóm nhỏ thành nhóm có số lượng 5. | **Hoạt động học:** - Gộp 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 3 và đếm - Gộp 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 4 và đếm - Gộp 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 và đếm | **Hoạt động khác:** YC1: Tô màu cho số lượng ít hơn/nhiều hơn trong phạm vi 10  YC2:Tô/vẽ/nối/ xếp thêm 1-2 đối tượng hoặc gạch bớt đi 1-2 đối tượng cho đủ số lượng trong phạm vi 10  YC3:Tô/vẽ/nối/xếp thêm 3-4 đối tượng hoặc gạch bớt đi 3- 4 đối tượng cho đủ số lượng trong phạm vi 10  YC5: Tìm 3 nhóm đồ vật có số lượng không bằng |
| *(MT30) 1.5. Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.* | *(MT32) 1.5. Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.* | *(MT33) 1.5. Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.* |
| **Hoạt động học:** - Tách nhóm có số lượng 3 thành hai nhóm nhỏ theo đấu hiệu đặc trưng - Tách nhóm có số lượng 4 thành hai nhóm nhỏ theo dấu hiệu đặc trưng - Tách nhóm có số lượng 5 thành hai nhóm nhỏ theo dấu hiệu đặc trưng  **Hoạt động khác:** \* Hoạt động khác:  - Hoàn thiện bài trong vở toán, gửi một số bài tập cho phụ huynh dạy trẻ tại nhà | **Hoạt động học:** - Tách nhóm có số lượng 3 thành hai nhóm nhỏ hơn bằng các cách khác nhau. - Tách nhóm có số lượng 4 thành hai nhóm nhỏ hơn bằng các cách khác nhau. - Tách nhóm có số lượng 5 thành hai nhóm nhỏ hơn bằng các cách khác nhau.  **Hoạt động khác:** - Làm bài tập so sánh, tô màu các nhóm số lượng nhiều, ít theo yêu cầu  - Hoàn thiện bài trong vở toán: , gửi một số bài tập cho phụ huynh dạy trẻ tại nhà | **Hoạt động học:** - Tách, gộp nhóm có số lượng 6 ra 2 phần bằng các cách khác nhau - Tách, gộp nhóm có số lượng 7 ra 2 phần bằng các cách khác nhau - Tách, gộp nhóm có số lượng 8 ra 2 phần bằng các cách khác nhau - Tách, gộp nhóm có số lượng 9 ra 2 phần bằng các cách khác nhau - Tách, gộp nhóm có số lượng 10 ra 2 phần bằng các cách khác nhau - Nhận biết số thứ tự trong phạm vi 10. **Hoạt động khác:** - Làm bài tập trong vở trò chơi học tập., gửi một số bài tập cho phụ huynh dạy trẻ tại nhà |
|  | *(MT33) 1.6. Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.* | *(MT34) 1.6. Nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.* |
|  | **Hoạt động khác:** - Cho trẻ xếp,chắp ghép chấm trong thành các chữ số.  - Gắn chữ số vào lịch theo thứ tự.  - Đếm số lượng các bạn trong nhóm.  - Làm các bài tập toán về số lượng trong phạm vi 5 | **Hoạt động khác:** - Nhận biết các số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10.  - Biết số thứ tự trong phạm vi 10. .  - Biết số liền trước, số liền sau trong phạm vi 10. |
|  | (MT34) 1.7. Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. | (MT35) 1.7. Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. |
|  | **Hoạt động học:** - Ý nghĩa các con số. **Hoạt động khác:** - Đếm các bạn trong lớp, đếm các thành viên trong gia đình  - Gắn các chữ số vào nhóm số lượng theo yêu cầu  - Tô màu ,xếp hột hạt các con số.  - Đọc các con số trên tờ lịch, biển số xe, số nhà ,số điện thoại | **Hoạt động học:** - Phân biệt ý nghĩa các con số trong cuộc sống hàng ngày **Hoạt động khác:** - Đọc các số trên lịch, trên đồng hồ, trên biển số xe, số nhà, số điện thoại  - Đọc các số trên lịch, trên đồng hồ, trên biển số xe, số nhà, số điện thoại.  - Trò chuyện về ngày sinh nhật của trẻ, các tháng, các ngày trong năm.  - Trò chuyện về một số điện thoại khẩn cấp: 113 ( gọi công an)  114 ( gọi chữa cháy ) 115 ( cấp cứu) |
| **2. Sắp xếp theo qui tắc** | | | |
| *(MT31) 2. Nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.* | *(MT35) 2. Nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.* | *(MT36) 2.1. Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.* |
| **Hoạt động học:** - Xếp xen kẽ - Ghép đôi - Xếp tương ướng 1-1 - Sắp xếp qui tắc theo mẫu **Hoạt động khác:** \* Hoạt động khác  - Thực hành sắp xếp theo quy tắc bằng các đồ dùng, đồ chơi  - Làm bài tập trong vở toán:  + Bài 17: Ghép đôi  + Bài 24: Nhận biết quy tắc sắp xếp  + Bài 6: Nhận biết con vật biết bay, không biết bay  + Bài 7: Nhận biết nơi sống của các con vật | **Hoạt động học:** - Ghép đôi theo từng cặp giống nhau. - Nhận ra qui tắc sắp xếp của 2 đối tượng và sao chép lại. - Sắp xếp theo quy tắc của 3 đối tượng. **Hoạt động khác:** - Hoàn thiện bài trong vở toán: Bài 7 (Tìm đôi);  - Bài 15 (Sắp xếp theo quy tắc)  - Ôn luyện cách sắp xếp các đồ dùng, đồ chơi ở mọi lúc, mọi nơi. | **Hoạt động học:** - Sắp xếp quy tắc của 3 đối tượng - Nhận ra quy tắc sắp xếp và sao chép lại.  **Hoạt động khác:** - Trẻ tạo ra các quy luật sắp xếp : hình ảnh, âm thanh, vận động. Sắp xếp quy tắc của 3 đối tượng.(Theo các cách khác nhau. 1- 1- 1, 1 – 2- 1, ...) So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc. - Làm tiếp tục, mẫu có ở khắp nơi, trang trí đường diềm.  -Tiếp tục sắp xếp quy tắc đúng quy luật ít nhất được 2 lần lặp lại. |
|  |  | *(MT37) 2.2. Nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.* |
|  |  | **Hoạt động học:** Nhận ra quy tắc và sắp xếp lại. **Hoạt động khác:** - Sao chép các quy tắc theo mẫu;đọc kết quả sắp xếp. |
|  |  | (*MT38) 2.3. Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.* |
|  |  | **Hoạt động khác:** - Chơi sắp xếp các hình, que tính, lô tô theo quy tắc.Tạo ra các quy tắc sắp xếp theo kinh nghiệm của bản thân. So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc. |
| **3. So sánh hai đối tượng** | | | |
| *(MT32) 3. So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.* | *(MT36) 3. Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.* | *(MT39) 3. Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.* |
| **Hoạt động học:** + So sánh to hơn, nhỏ hơn của 2 đối tượng. + So sánh dài hơn, ngắn hơn của 2 đối tượng + So sánh cao hơn, thấp hơn của 2 đối tượng  **Hoạt động khác:** \* Hoạt động khác:  - Làm bài tập trong vở toán:  + Bài 18: Phân biệt to- nhỏ  + Bài 19: Phân biệt dài- ngắn  + Bài 20: Phân biệt cao hơn, thấp hơn, bằng nhau.  - TC: Chọn theo yêu cầu của cô, tìm bạn, giấu tay, xem ai cao nhất, ai thông minh nhất... | **Hoạt động học:** - So sánh chiều dài của 3 đối tượng. - So sánh chiều cao của 3 đối tượng - Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo độ dài các vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích các vật bằng một đơn vị đo. **Hoạt động khác:** - Cho trẻ đo nền nhà bằng bước chân, đếm số viên gạch  - Hoàn thiện bài trong vở toán: Bài 16 (Đo các đối tượng khác nhau.  - TC: Nhanh và đúng; Đo đồ dùng theo yêu cầu của cô; Tập đo chiều dài bàn học, phản ngủ bằng gang tay.... | **Hoạt động học:** - Đo độ dài các vật bằng một đơn vị đo. - Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau - Đo dung tích của 1 vật bằng các đơn vị đo khác nhau - Đo dung tích các vật bằng 1 đơn vị đo và nói kết quả.  **Hoạt động khác:** - Đo các đồ dùng trong lớp bằng gang tay. - Cho trẻ thực hành đo chiều dài của cái bàn, - Đo dung tích của bình nước, chai nước, chậu nước. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo - Đo và đánh dấu bước chân sau khi đo. \* Trò chơi: Thi xem đội nào khéo, đo bước chân. |
| **4. Nhận biết hình dạng** | | | |
| *(MT33) 4. Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.* | *(MT37) 4.1. Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật, ....).* | *(MT40) 4. Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.* |
| **Hoạt động học:** - Nhận biết và gọi tên hình vuông, hình tròn, - Nhân biết gọi tên hình tam giác, hình chữ nhật.  **Hoạt động khác:** \* Hoạt động khác:  - Làm quen với các đồ dùng đồ chơi có dạng hình vuông,hình tròn.  - Tạo nhóm đồ vật theo chủng loại màu sắc,công dụng.  - Chắp ghép các hình tạo thành hình mới. | **Hoạt động học:** So sánh sự khác nhau và giống nhau: Hình vuông- hình chữ nhật. So sánh sự khác nhau và giống nhau: Hình tam giác- hình tròn. - Ôn phân biệt hình vuông, tròn, chữ nhật, tam giác  **Hoạt động khác:** - So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.  - Làm bài tập: 17 trong vở trò chơi học tập (Ôn hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật  - Tạo hình từ các hột hạt, từ chun vòng, giây lên, sỏi, | **Hoạt động học:** - Nhận biết, Phân biệt khối cầu, khối trụ. - Nhận biết, Phân biệt khối vuông, khối chữ nhật. - Phân biệt khối cầu - khối trụ, khối vuông - khối chữ nhật. - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau - Phân biệt đặc điểm của các khối.  **Hoạt động khác:** - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các khối đã học - Dán mặt khối. - Ghép khối, xếp khối trồng |
|  | (*MT38) 4.2. Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.* |  |
|  | **Hoạt động học:** - Chắp ghép các hình đã học tạo thành hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. **Hoạt động khác:** - Chắp ghép các hình vuông, tròn, chữ nhật tạo ra hình mới.  - Cho trẻ uốn hình, vẽ hình trên sân trường.... |  |
| **5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian** | | | |
| *(MT34) 5. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.* | *(MT39) 5.1. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.* | *(MT41) 5.1. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.* |
| **Hoạt động học:** - Phân biệt tay phải tay trái của bản thân - Nhận biết phía phải, phía trái của bản thân - Nhận biết phía trước, phía sau của bản thân - Nhận biết phía trên, phía dưới của bản thân.  **Hoạt động khác:** \* Hoạt động khác:  - Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản Lấy bóng và ném vào rổ, cất đồ dùng đồ chơi vào đúng nơi quy định, đi vệ sinh đúng chỗ, biết xếp hàng chờ đến lượt, … | **Hoạt động học:** - Xác định vị trí của đồ vật( phía phải , phía trái) so với bản thân trẻ. Xác định vị trí của đồ vật( phía trước, phía sau) so với bản thân trẻ. - Xác định phía trước,phía sau của đồ vật so với đối tượng khác - Xác định phía trên, phía dưới của đồ vật so đối tượng khác - Xác định phía phải, phía trái của đồ vật so với đối tượng khác Xác định vị trí của đồ vật( phía trên, phía dưới) so với bản thân trẻ. **Hoạt động khác:** - Hoàn thiện bài trong vở toán  + Bài 19 (nhận biết, phân biệt phía trước, phía sau),  - Xác định phía trên- phía dưới, phía trước- phía sau của đồ vật so với bản thân trẻ | **Hoạt động học:** - Xác định vị trí phía phải, trái , trước, sau của đối trượng khác. - Xác định vị trí phía phải, trái , trước, sau của vật so với đối trượng khác.  **Hoạt động khác:** - Xác định vị trí trong không gian  - BT tô mầu các đồ dùng theo vị trí trong không gian.  \* TC: Hãy làm theo yêu cầu của cô; Xem ai cao nhất;  - Thử trí thông minh;  - Nhanh tay nhanh mắt; |
|  | *(MT40) 5.2. Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.* | *(MT42) 5.2. Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.* |
|  | **Hoạt động học:** - Gọi tên thời gian trong ngày  **Hoạt động khác:** - Trò chuyện:  - Nhận biết các buổi sáng – trưa – tối  + Đặc điểm các buổi: sáng, trưa, chiều, tối  + Sinh hoạt trong ngày của bé vào các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.  + Bài 20 ( nhận biết các buổi trong ngày sáng, trưa, tối)  - Trò chơi:  + Nối các hoạt động phù hợp với thời gian, tô màu đúng theo yêu cầu về các buổi trong ngày. | **Hoạt động học:** - Dạy trẻ cách xem giờ trên đồng hồ - Nhận biết thời gian trong ngày - Các ngày trong tuần. - Phân biệt hôm qua, hôm nay, ngày mai. **Hoạt động khác:** - Các mùa trong năm - Kể những công việc đã, đang và sắp làm trong những ngày đó. - Kể những hoạt động trẻ làm trong ngày hôm nay. - Tập xem giờ trên đồng hồ. -TC: Chơi với đồng hồ số.  + Bé tập xem giờ. |
| **c) Khám phá xã hội** | | | |
| **1.** **Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng** | | | |
| *(MT35) 1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.* | *(MT41) 1.1. Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.* | *(MT43) 1.1. Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.* |
| **Hoạt động học:** - Tôi là ai - Bạn và tôi  **Hoạt động khác:**  - Bàn tay  - Bàn chân  - Cái mắt  - Cái Mũi  - Cái tai  - Tạo cơ hội để trẻ tìm hiểu về bản thân mình ( tên tuổi, đặc điểm bề ngoài, giới tính sở thích,  - Hát các bài hát về bản thân: Đi học về, rửa mặt như mèo, hoa bé ngoan, mời bạn ăn, quả bóng, | **Hoạt động học:** - Bạn trai, bạn gái - Sở thích của bé  **Hoạt động khác:** - Người bạn mới  - Khám phá một số giác quan  - Cách bảo vệ các giác quan.  - Giới thiệu người thân trong gia đình thông qua ảnh: tên, sở thích, nghề nghiệp, nhu cầu của gia đình.  - Cho trẻ xem ảnh, soi gương để nhận biết dáng vẻ, đặc điểm và các bộ phận bên ngoài của bản thân  TC: Đố bạn biết tên tôi, kết bạn, bạn có gì khác, bé tạo dáng... | **Hoạt động học:** - Tôi thật tuyệt vời - Bé có thể làm gì? - Sự khác biệt của tôi với bạn - Những sở thích của tôi - Khả năng của tôi **Hoạt động khác:** - Giới thiệu về gia đình thân yêu  - Điều kiện để cơ thể tôi phát triển  - Khám phá tôi lớn lên như thế nào  - Bé nghe thấy gì, bé nhìn thấy gì  - Khám phá sự phát triển của em bé trong bụng mẹ.  - Cho trẻ chơi trò chơi soi gương: Nói hình dáng bên ngoài của bản thân.  - Xem ảnh nói sự khác biệt của bản thân về hình dáng, tính cách, sự thay đổi của cơ thể theo thời gian.  - TC: Bé tạo dáng, thỏ xám rửa mặt. |
| *(MT36) 1.2. Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.* | *(MT42) 1.2. Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.* | *(MT44) 1.2. Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.* |
| **Hoạt động học:** - Gia đình thân yêu của bé  **Hoạt động khác:**  - Trò truyện Bé sống ở đâu.  TC: Chọn nhu cầu cần thiết phù hợp với nhu cầu của các thành viên trong gia đình, đóng vai gia đình,  Cho trẻ chơi trò chơi phân vai “ Mẹ con”, “Cô giáo ”  - Hát bài hát về gia đình: Cả nhà thương nhau, chiếc khăn tay, tay thơm tay ngoan, mẹ yêu không nào, lời chào buổi sáng, cháu yêu bà, mẹ đi vắng, quà mồng 8/3. | **Hoạt động học:** - Những thành viên trong gia đình - Gia đình đông con và gia đình ít con  **Hoạt động khác:** - Xem video, băng đĩa về hình ảnh gia đình  - Giới thiệu các thành viên trong gia đình.  - Kể về công việc và nghề nghiệp của bố, mẹ  - Trang trí khung ảnh gia đình | **Hoạt động học:** - Người thân trong gia đình - Gia đình nhiều thế hệ.  **Hoạt động khác:** - Xem ảnh của gia đình trẻ đê trẻ giới thiệu về các thành viên trong gia đình của mình.  - Trò chuyện về các bức ảnh, hoạt động đón tết của gia đình.  - Trò chuyện về các bức ảnh, hoạt động đón tết của gia đình  - Trò chơi: về đúng nhà, tìm đúng nhà  - Làm anbum về gia đình của mình (tìnhcảm, công việc, mối quan hệ, những việc đã làm để giúp đỡ người thân…) |
| *(MT37) 1.3. Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.* | *(MT43) 1.3. Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.* | *(MT45) 1.3. Nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm), số điện thoại (nếu có)… khi được hỏi, trò chuyện.* |
| **Hoạt động khác:**  - Trò chuyện với trẻ về số nhà (tên địa chỉ nhà ở)  - Xem tranh về gia đình)  - TC: Gia đình hạnh phúc | **Hoạt động khác:** - Trò chuyện: Địa chỉ gia đình bé( số nhà, đường phố/ thôn, xóm);  TC: Đố bạn biết số nhà của tôi | **Hoạt động khác:** - Trẻ nói tên số nhà, tên xóm, thôn - Thi nói số điện thoại - Cho trẻ lên giới thiệu về địa chỉ của gia đình - TC: Tìm địa chỉ nhà cháu. |
| *(MT38) 1.4. Nói được tên trường/ lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.* | *(MT44) 1.4. Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.* | *(MT46) 1.4. Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.* |
| **Hoạt động học:** - Lớp học thân yêu của bé? - Trò chuyện về trường MNTT Kim Bài? - Trò chuyện về các góc chơi trong lớp. **Hoạt động khác:**  - Thăm các khu vực trong trường  - Cho trẻ quan sát, trò chuyện bác cấp dưỡng,bác lao công,bác bảo vệ… | **Hoạt động học:** - Lớp học 4 tuổi thấn yêu - Nội qui góc chơi  **Hoạt động khác:** - Thăm quan lớp học, quan sát phòng hiệu bộ, quan sát khu nhà bếp  - Giới thiệu về tên lớp, trường lớp bé học. | **Hoạt động học:** - Lớp 5 tuổi và những người bạn mới  - Nội quy lớp học của bé  **Hoạt động khác:** - Thăm quan lớp học, quan sát phòng hiệu bộ, quan sát khu nhà bếp  - Trao đổi về cách thực hiện và trách nhiệm thực hiện nội qui của lớp, thảo luận và xây dựng nội qui của lớp, |
|  | *(MT45) 1.5. Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.* | *(MT47) 1.5. Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.* |
|  | **Hoạt động học:**  - Trò chuyện về cô y tế trong trường  **Hoạt động khác:** - Các cô bác trong trường MN Kim Bài  - Tham quan phòng làm việc của ban giám hiệu, phòng bảo vệ, bếp ăn.  - Bài tập: Nói tên và đặc điểm của bạn trong lớp, trao đổi lấy thông tin về bạn và đánh dấu vào các hình minh họa. | **Hoạt động học:**  - Các cô bác cấp dưỡng  - Công việc của bác bảo vệ  **Hoạt động khác:** - Các bác nuôi dưỡng trong trường MN Kim Bài - Quan sát trường mầm non, công việc của bác bảo vệ, công việc của cô cấp dưỡng, - Sưu tầm tranh ảnh, tư liệu về trường MN TT Kim Bài - Xem clip, Sưu tầm ảnh về trường MN TT Kim Bài xưa và nay. - Nói tên cô, công việc của các cô bác trong trường. Giao lưu trò chuyện lấy một số thông tin về các cô bác trong trường, sao chép tên của cô bác trong trường mầm non. |
|  | *(MT46) 1.6. Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.* | *(MT48) 1.6. Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.* |
|  | **Hoạt động khác: -** Trò chuyện: Trò chuyện về tên gọi và một số đặc diểm của các bạn trong lớp (Trường MN thị trấn Kim Bài - thôn Kim Lâm,…) | **Hoạt động khác:** - Hãy kể về đặc điểm của bạn cùng lớp.  - Xem tranh ảnh, video vê một số hoạt động của trẻ trong trường mầm non, ngày tết trung thu. |
| **2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương** | | | |
| *(MT39) 2. Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.* | *(MT47) 2. Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.* | *(MT49) 2. Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ...”* |
| **Hoạt động học:** - Trò chuyện về nghề giáo viên  - Trò chuyện về sản phẩm của nghề thợ may. - Đồ dùng xây dựng. - Cô y tá. - Dự án làm quạt: Khám phá về giấy  **Hoạt động khác:** \* Hoạt động khác.  - Trẻ thăm cánh đồng lúa  - Trò chuyện, thảo luận, tìm hiểu và so sánh, phân biệt một số đặc điểm đặc trưng của các nghề phổ biến  - Xem video về nghề dạy học, nông dân, xây dựng, bác sĩ.  - Hát các bài hát: Vui đến trường, cháu thương chú bộ đội, cháu yêu cô chú công nhân, chú bộ đội.  - Truyện: Thỏ nâu làm vườn, cây rau của thỏ út. | **Hoạt động học:** - Nghề của bố mẹ - Dụng cụ của nghề giáo viên - Công việc của chú hải quân - Đồ dùng dụng cụ của nghề xây dựng - Dụng cụ của nghề thợ may (Kéo, thước đo, bàn là, kim chỉ) - Dụng cụ nghề bác sĩ - Dụng cụ của nghề nông (Cuốc, liềm, cào - Dụng cụ của nghề thợ mộc - Dự án làm sách: Sự kỳ diệu của giấy - Dự án làm sách: Khám phá một số loại giấy. **Hoạt động khác:** -Trẻ thăm quan xưởng mộc ở thôn Kim Lâm.  - Xem video, hình ảnh một số nghề (công việc, sản phẩm các nghề).  - Đọc thơ: Cô giáo, chú bộ đội hành quân trong mưa, em làm thợ xây, làm bác sĩ, làm nghề như bố, chiếc cầu mới. | **Hoạt động học:** - Nghề nghiệp của bố mẹ - Nghề giáo viên - Công việc của chú Bộ Đội - Tìm hiểu về công việc của bác sĩ, y tá. - Khám phá một số loại vải  - Dự án trang phục của bé: Một số loại vải - Dự án: Nhuộm màu vải bằng màu rau, củ, quả. **Hoạt động khác:** - Tìm hiểu về nghề dệt vải ở vạn phúc. - Thăm xưởng mộc ở thôn Kim Lâm  - Tham quan nghề nông và sản phẩm nghề nông.  - Quan sát và trò chuyện về đồ dùng của nghề nông,  - Quan sát và trò chuyện về đồ dùng của nghề thợ nề. Xem tranh và trò chuyện về dụng cụ của nghề y, xem tranh và trò chuyện về đồ dùng của ngề làm đầu.  - Xem tranh và trò chuyện về đồ dùng của nghề giáo viên.  - Trò chơi: Chuyển vật liệu xâu dựng, nối dụng cụ phù hợp với nghề.  - Nối sản phẩm với nghề theo tranh. |
| **3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh** | | | |
| *(MT40) 3.1. Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu… qua trò chuyện, tranh ảnh.* | *(MT48) 3.1. Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.* | *(MT50) 3.1. Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên…”.* |
| **Hoạt động học:** - Ngày tết trung thu  - Ngày tết nguyên đán - Ngày Quốc Khánh 2/9.  - Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương  - Ngày giải phóng Thủ Đô 10/10  - Ngày Chiến thắng Điện Biên Phủ **Hoạt động khác:** - Xem video về ngày tết trung thu, ngày khai giảng, về lăng Bác Hồ, ngày sinh nhật Bác, quê hương làng xóm.Trung Thu của bé. Ngày 8/3. Ngày 20/11. Giáng sinh,Tết Nguyên Đán. | **Hoạt động học:** - Bé đón tết trung thu - Ngày tết nguyên đán - Ngày Quốc Khánh 2/9.  - Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương  - Ngày giải phóng Thủ Đô 10/10  - Ngày Chiến thắng Điện Biên Phủ **Hoạt động khác:** - Trò chuyện về một số ngày lễ hội: hội làng, ngày tết,…  \* Trò chuyện xem video về trung thu của bé, lễ hội truyền thống, ngày 8/3, ngày 20/11 | **Hoạt động học:** - Tết trung thu - Ngày tết Nguyên Đán - Ngày Quốc Khánh 2/9. - Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương  - Ngày giải phóng Thủ Đô 10/10  - Ngày Chiến thắng Điện Biên Phủ **Hoạt động khác:** + Trò chuyện, xem video về các ngày lễ hội, tết trung thu, tết nguyên đán, ngày 20/10 ngày phụ nữ việt nam, ngày 20/11, ngày mùng 8/3 ngày 30/4, ngày Quốc Khánh 2/9. |
| *(MT41) 3.2. Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.* | *(MT49) 3.2. Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.* | *(MT51) 3.2. Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.* |
| **Hoạt động học:** - Những chuyến du lịch của bé - Thăm quan đinh chùa. - Thăm quan Công viên cây xanh **Hoạt động khác:** - Một số món ngon của địa phương  - Trò chuyện về Bác Hồ với các cháu thiếu nhi  - Trò chuyện về ngày sinh nhật của Bác Hồ  - Trò chuyện về quê hương làng xóm nơi trẻ sống  -Trò chuyện về một số danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của Hà Nội và quê hương đất nước | **Hoạt động học:** - Bé chuẩn gì cho chuyến đi của bé - Thăm quan Đình, chùa trong thôn - Thủ đô Hà Nội  **Hoạt động khác:** - Tìm hiểu một số danh lam thắng cảnh của thủ đô Hà Nội (Hồ Gươm,lăng bác, văn miếu  + Đi thăm Đình, chùa, nhà thờ, đồng lúa thôn Kim Lâm, Kim Bài, Cát Động  - Xem video, hình ảnh về một số các danh lam,thắng cảnh của đất nước, nơi trẻ sinh sống;  - Hình ảnh Bác Hồ với các cháu thiếu nhi, công việc, quê hương Bác, nơi Bác đã làm việc,… | **Hoạt động học:** - Thăm quan đình chùa - Thăm quan Văn miếu Quốc Tử Giám, Lăng Bác. - Tìm hiểu về nghệ thuật múa rối của Việt Nam. - Quê hương cuả bé. **Hoạt động khác:** - Bác Hồ  - Làng Sen quê Bác  - Ngày sinh nhật Bác - Trường tiểu học TT Kim Bài  + Đi thăm Đình, chùa, nhà thờ, đồng lúa thôn Kim Lâm, Kim Bài, Cát Động  - Cho trẻ tham qua lăng Bác. - Kể tên các ngày hội lễ lớn trong năm.  - Ngày hội đến trường của bé. - Tết trung thu.  - Tết nguyên đán + Ngày giỗ tổ Hùng Vương.  + Cho trẻ xem clip 30/4 giải phóng miền nam và 1/5 Ngày Quốc tế lao động. |

**3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ**

***a) Nghe***

- Nghe các từ chỉ người, sự vật, hiện tượng, đặc điểm, tính chất, hoạt động và các từ biểu cảm, từ khái quát.

- Nghe lời nói trong giao tiếp hằng ngày.

- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

***b) Nói***

- Phát âm rõ các tiếng trong tiếng Việt.

- Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau.

- Sử dụng đúng từ ngữ và câu trong giao tiếp hằng ngày. Trả lời và đặt câu hỏi.

- Đọc thơ, ca dao, đồng dao và kể chuyện.

- Lễ phép, chủ động và tự tin trong giao tiếp.

***c) Làm quen với việc đọc, viết***

- Làm quen với cách sử dụng sách, bút.

- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống.

- Làm quen với chữ viết, với việc đọc sách.

**\* Nội dung giáo dục theo độ tuổi**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ** | | |
|  | | |
| **1. Nghe hiểu lời nói** | | |
| *(MT42) 1.1. Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.* | *(MT50) 1.1. Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.* | *(MT52) 1.1. Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”.* |
| **Hoạt động khác:** \* Hoạt động khác:  - Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản  - Lấy bóng và ném vào rổ, cất đồ dùng đồ chơi vào đúng nơi quy định,  - Đi vệ sinh đúng chỗ, biết xếp hàng chờ đến lượt.  - Hướng dẫn trẻ: Con cất ba lô, cất dép đúng nơi quy định; Các con ăn xong xếp ghế gọn gàng, xúc miệng nước muối, đi vệ sinh trước khi đi ngủ | **Hoạt động khác:** - Cô hướng dẫn trẻ trong các hoạt động như: Con cất ba lô, cất dép vào đúng nơi quy định rồi đi vào lớp; Con kê bàn, xếp ghế, lấy khăn giúp cô; Các con ăn xong thì giúp cô cất bàn ghế, xúc miệng nước muối và lau miệng rồi đi vệ sinh; | **Hoạt động khác:** - Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể như qua các trò chơi, hoạt động trong ngày như trò chơi về ngôn ngữ.  - Nghe các từ chỉ con người, sự vật hiện tượng, đặc điểm tính chất,  - Nghe lời nói trong giao tiếp hàng ngày  - Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên,sợ hãi  - Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2 -3 hành động.  BTTH: Nối các hình ảnh có khuôn mặt biểu cảm khác nhau |
| *(MT43) 1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả…* | *(MT51) 1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ…* | *(MT53) 1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,..).* |
| **Hoạt động khác:**  - Trò chuyện và hỏi trẻ: Con đang làm gì? Bạn này là ai? Ngày chủ nhật con làm gì? Hôm nay con thấy thời tiết thế nào? | **Hoạt động khác:** - Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.  - Chơi các trò chơi phân nhóm các loại rau, củ, quả, các con vật theo yêu cầu của cô | **Hoạt động khác:** - Nghe hiểu và làm được theo yêu cầu hướng dẫn của người lớn.  - Hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản gần gũi  - Luyện nghe để cảm nhận các từ gợi cảm về âm thanh, hình ảnh, màu sắc: rì rào, ào ào, ồm ộp, rung rinh, óng ánh, bồng bềnh, xanh xanh, long lanh, xa xa, |
| *(MT44) 1.3. Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.* | *(MT52) 1.3. Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.* | *(MT54) 1.3. Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.* |
| **Hoạt động khác:**  - Cho trẻ nghe truyện qua video, đọc cho trẻ nghe, xem tranh và đàm thoại đặt câu hỏi với trẻ theo nội dung câu truyện, bài thơ  - Trò chuyện với trẻ về các hoạt động hàng ngày ở trường, về gia đình của trẻ. | **Hoạt động khác:** - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.  - Cô kể truyện cho trẻ nghe, xem video và cùng đàm thoại nội dung về các câu truyện, bài thơ, bài hát, trò chuyện, giao lưu với trẻ trong các hoạt động hàng ngày.  - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. | **Hoạt động khác:** - Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp.  - Nói với trẻ những lời nói với mức độ to nhỏ, nhanh chậm khác nhau.  - Thể hiện cảm xúc thái độ của mình trước một sự việc, tình huống trong cuộc sống hàng ngày, khi trẻ ở các góc, khi xem ti vi.  - Biết sử dụng giọng điệu của các nhân vật khác nhau khi kể lại chuyện hoặc kể lại một sự kiện.  - Thể hiện được cảm xúc của bản thân qua ngữ điệu của lời nói  - Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi |
| **2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày** | | |
| *(MT45) 2.1. Nói rõ các tiếng.* | *(MT53) 2.1. Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.* | *(MT55) 2.1. Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.* |
| **Hoạt động khác:**  - Phát âm các tiếng của tiếng việt  - Luyện cho trẻ nói rõ tên, quả, nói lợi ích một số nghề, một số loại cây, con vật.  - Cho trẻ đọc các bài thơ, tập nói các lời thoại của các nhân vật trong các câu chuyện đã được học. | **Hoạt động khác:** - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép  - Tổ chức cho trẻ tham gia các hoạt động, giao lưu các trò chơi, khuyến khích trẻ dùng ngôn ngữ để giới thiệu về bản thân, bè bạn, các hoạt động diễn ra hàng ngày ở nhà, ở trường lớp.  - Khuyến khích trẻ dùng ngôn ngữ để kể, giới thiệu và gọi tên, lợi ích của một số nghề, một số loại cây, con vật | **Hoạt động học:** +Trẻ kể lại được chuyện  - Ba cô gái. - Chú dê đen - Quả bầu tiên **Hoạt động khác:** - Phát âm đúng và rõ ràng 29 chữ cái.  - Phát biểu một cách rõ ràng những trải nghiệm của riêng mình.  - Nói với âm lượng vừa đủ, rõ ràng để người nghe có thể hiểu được trong các HĐ.  - Khuyến khích trẻ tập kể lại truyện, tập đóng kịch cùng cô và các bạn. Cô động viên để trẻ nói rõ ràng, mạch lac.. |
| *(MT46) 2.2. Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm…* | *(MT54) 2.2. Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,…* | *(MT56) 2.2. Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm, … phù hợp với ngữ cảnh.* |
| **Hoạt động khác:** - Trò chuyện với trẻ để trẻ nói lên tình cảm, nhu cầu, hiểu biết như: Con rất yêu bố mẹ, con thích được mặc váy, con thích chơi đá bóng, con đi lớp ngoan để cuối tuần bố mẹ cho đi chơi công viên…. | **Hoạt động khác:** - Tổ chức cho trẻ tham gia các hoạt động, giao lưu trò chuyện cùng cô như: Ai đưa con đến lớp; Sáng nay con ăn gì; Bông hoa này màu gì? Ô tô đang chạy ở đâu? Khi nào thì con đến lớp  - Trao đổi với trẻ về đăc điểm của các sự vật, hiện tượng: Con có biết bút, vở để làm gì không? Con hãy kể về những gì con nhìn thấy.... | **Hoạt động khác:** - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu thích được giao tiếp với cô giáo và các bạn  - Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.  - Sử dụng các từ chỉ tên gọi hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày.  - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. |
| *(MT47) 2.3. Sử dụng được câu đơn, câu ghép.* | *(MT55) 2.3. Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.* | *(MT57) 2.3. Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh, …* |
| **Hoạt động khác:** - Trò chuyện với trẻ để trẻ nói lên tình cảm, nhu cầu, hiểu biết như: Con rất yêu bố mẹ, con thích được mặc váy, con thích chơi đá bóng, con đi lớp ngoan để cuối tuần bố mẹ cho đi chơi công viên…. | **Hoạt động khác:** - Tổ chức cho trẻ tham gia các hoạt động, giao lưu trò chuyện như: Con đi lớp để cuối tuần cô thưởng con phiếu bé ngoan; … cho trẻ nói lên nhu cầu, ý thích của bản thân như: Lớn lên con thích được làm gì? Tại sao? ... | **Hoạt động khác:** - Sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp  - Đặt câu hỏi : “Tại sao?”, “Như thế nào?”, “ Làm bằng gì?”, và trả lời câu hỏi: Tại sao?, “Có gì giống nhau?”, “Có gì khác nhau?”, “Do đâu mà có?”...  - Sử dụng lời nói để batf tổ, cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ kinh nghiệm của bản thân.  - Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động.  - Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện |
| *(MT48) 2.4. Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim…* | *(MT56) 2.4. Kể lại sự việc theo trình tự.* | *(MT58) 2.4. Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái, ... của nhân vật.* |
| **Hoạt động học:** - Kể lại chuyện đã được nghe có sự giúp đỡ của cô.  - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.  - Kể lại những con vật qua xem phim, đi chơi.  - Đóng vai theo lời dẫn của giáo viên.  - Trả lời những câu lễ phép: “ Vâng ạ” “Dạ” trong giao tiếp. | **Hoạt động khác:** - Kể về buổi tổ chức sinh nhật, đi chơi siêu thị, chơi công viên, đi bơi….  - Kể câu truyện đơn giản, có sự hướng dẫn của giáo viên.  - Kể tên và nêu được đặc điểm của các sự vật như: Trò chuyện về bản thân; Trò chuyện về gia đình. Kể tên các loại thực phẩm. Các loại rau củ quả. Các loại phương tiện giao thông. Các hiện tượng tự nhiên .... | **Hoạt động khác:** - Trò chuyện về nhu cầu và sở thích của bản thân với người khác.  - Trò chơi:  + Gõ cửa;  + Gọi điện thoại;  + Thi xem ai nói đúng;  + Hãy kể đủ 3 thứ.  - Nói nối tiếp (Cho 1 cụm từ trẻ sẽ phải nói thêm để hoàn thiện thành câu có nghĩa) |
| *(MT49) 2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao…* | *(MT57) 2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao…* | *(MT59) 2.5. Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, cao dao…* |
| **Hoạt động học:** - Bạn mới - Mẹ và cô - Cô dạy - Cái lưỡi - Đôi mắt của em - Miệng xinh Dán hoa tặng mẹ - Lấy tăm cho bà - Chiếc quạt nan - Em yêu nhà em - Làm họa sĩ dễ thôi - Hươu cao cổ - Củ cà rốt - Bởi tôi là vịt - Đàn kiến - Nước - Mưa làm nũng - Bé tập nói - Bàn tay cô giáo - Cô giáo của con - Cô giáo của con - Em làm thợ xây - Làm bác sỹ - Các cô thợ - Gà trống - Sáo học nói - Đàn kiến nó đi - Rong và cá - Tết đang vào nhà - Cây đào - Cây hồng - Cây dây leo - Chùm quả ngọt - Bắp cải xanh - Hoa mào gà - Mẹ dặn bé - Đèn đỏ đèn xanh - Xe cần cẩu - Xe chữa cháy - Đường và chân - Mưa - Tia nắng - Ngôi nhà - Bác Hồ của em - Hoa quanh lăng Bác - Hồ sen - Chổi ngoan \* Ca dao – đồng dao – vè:  - Cái bống là cái bống bang. - Tay đẹp, vè loài vật - Nu na nu nống, - Mười ngón tay - Vè: Vè trái cây | **Hoạt động học:** - Trăng sáng - Cô và cháu - Nghe lời cô giáo - Lên 4 - Cô và mẹ - Dung dăng dung dẻ - Em luôn nhẹ nhàng - Cảm ơn - Cô giáo của em - Đôi mắt của bé - Tâm sự của cái mũi - Em yêu nhà em - Mẹ và cô - Quạt cho bà ngủ - Thăm nhà bà - Bé làm cô giáo - Làm bác sĩ - Hoa mào gà - Cây bàng - Bác Bầu bác Bí - Chim chích bông - Ong và bướm - Có chú gà con - Mười quả trứng tròn - Êch con học bài - Mèo con - Thuyền giấy - Đoàn tầu lăn bánh - Bé làm bao nhiêu nghề - Chú bộ đội hành quân - Ai dậy sớm - Tình bạn - Gió - Sấm - Đi chơi phố - Hạt mưa - Ông mặt trời - Cầu vồng, mưa - Trưa hè - Ông mặt trời bật lửa - Tết đang vào nhà - Bác thăm nhà cháu - Em vẽ bác Hồ - Con đường của bé - Sáng tháng năm. - Hoa quang lăng Bác \* Ca dao – đồng dao – vè:  - Cái bống là cái bống bang  - Rềnh rềnh ràng ràng  - Vuốt hột nổ  - Nu na nu nống  - Con công hay múa  - Bà còng đi chợ  - Gánh gánh gồng gồng  \* Tục ngữ: Tục ngữ về gia đình, về cuộc sống, lao động sản xuất.... | **Hoạt động học:** Thơ  - Giữa vòng gió thơm  - Hạt gạo làng ta.  - Cái bát xinh xinh  - Làm anh,  - Mẹ của em  - Phải là hai tay,  - Bé làm bao nhiêu nghề  - Làm bác sĩ,  - Con chim chiền chiện,  - Hoa cúc vàng,  - Cô dạy con  - Bình minh trong vườn,  - Ước mơ của tý.  - Bé làm bao nhiêu nghề;  - Ngày 20/11.  - Đèn giao thông,  - Chú công an nhỏ;  - Giúp bà;  - Thương ông  - Hoa phượng  - Mùa thu,  - Hoa cúc vàng  - Ảnh Bác  - Cầu vồng,  - Về quê  -Tiếng còi tầu,  - Mùa hạ tuyệt vời,  - Trăng ơi từ đâu đến;  - Lời nói thật  - Chú bộ đội hành quân trong mưa.  - Mèo đi câu cá.;  - Nàng tiên ốc;  - Hoa quanh lăng Bác  - Bé vào lớp 1.  \* Ca dao – đồng dao – vè:  - Tay đẹp.  - Con công hay múa;  - Vuốt nổ  - Đi cầu đi quán;  - Con cua mà có hai càng;  - Hỏi tuổi.  - Nói ngược.  - Gánh gánh gồng gồng;  - Dích dắc dích dắc.  - Thằng bờm;  - Đồng dao về củ.  - Vè loài vật.  Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ  - Nhận ra thái độ khác nhau (âu yếm, vui vẻ hoăc cáu giận) của người nói chuyện với mình qua ngữ điệu khác nhau của lời nói. |
| *(MT50) 2.6. Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.* | *(MT58) 2.6. Kể chuyện có mở đầu, kết thúc.* | *(MT60) 2.6. Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.* |
| **Hoạt động khác:** - Kể lại truyện đã được nghe có sự giúp đỡ.  - Mô tả sự vật tranh ảnh có sự giúp đỡ  - Dạy trẻ tập kể truyện theo tranh, cô hướng dẫn kể chuyện cùng trẻ, khuyến khích, động viên trẻ.... | **Hoạt động khác:** - Kể lại truyện đã được nghe.  - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh  - Tổ chức cho trẻ trò chuyện, đàm thoại về các hoạt động diễn ra hàng ngày như: Buổi sáng con ngủ dậy con đánh răng, rửa mặt, ăn sáng rồi đi đến lớp | **Hoạt động học:**  - Ba chú heo con  - Ba cô gái  - Chú Dê đen  - Sự tích Cây vú sữa  - Qua bầu tiên  **Hoạt động khác:** - Kể lại câu chuyện theo trí tưởng tượng của trẻ, theo cách của trẻ.  - Kể tên truyện, nhân vật… Trả lời câu hỏi: Ai? Làm gì? Theo nội dung truyện…Hãy kể tiếp theo tôi… Kể xoay vòng |
| *(MT51) 2.7. Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.* | *(MT59) 2.7. Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.* | *(MT61) 2.7. Đóng được vai của nhân vật trong truyện.* |
| **Hoạt động học:** - Truyện:  - Gà tơ đi học - Đôi bạn tốt - Mỗi người một việc - Bé Minh Quân dũng cảm - Nhổ củ cải - Gà trống và vịt bầu - Thỏ nâu làm vườn - Cây rau của thỏ út - Rùa con tìm nhà - Hoa mào gà - Chú vịt xám - Chú đỗ con - Vương quốc rau - Quà tặng mẹ - Xe lu và xe ca - Đám mây đen xấu xí - Sự tích ngày tết - Ai tài giỏi hơn - Đôi tai tôi dài quá - Một bó hoa tươi thắm - Câu chuyện về chú xe ủu - Bé hành đi khám bệnh -Thỏ con ăn gì - Ô tô con học bài - Cô con út của ông mặt trời - Ai ngoan sẽ được thưởng - Nàng tiên mưa - Cậu bé mũi dài - Vì sao bé Huy nín khóc Chú bộ đội hành quân trong mưa **\* Hoạt động khác:**  - Kể lại các nhân vật trong truyện, thơ mà trẻ biết  - Sử dụng lời nói, điệu bộ, cử chỉ,…thể hiện các nhân vật trong truyện tranh  - Kể được tên các nhân vật trong truyện, nói được sự việc xảy ra trong truyện  - Kể tên truyện, nhân vật ... Trả lời câu hỏi  - Gắn hình ảnh minh họa: Truyện nào? ở đâu? Kể lại đoạn truyện. Nhận xét về tính cách nhân vật qua câu hỏi nguyên nhân. | **Hoạt động học:**  **\* Kể chuyện;** - Món quà của cô giáo - Vì sao bé bin nín khóc - Nếu không đi học - Gấu con bị sâu răng - Cậu bé mũi dài - Mỗi người một việc - Đôi dép - Gấu con chia quà - Tích Chu  - Ba anh em - Cháu ngoan của bà - Sự tích quả dưa hấu - Cuộc sống trong rừng - Hạt đỗ sót - Cáo,thỏ và gà trống - Dê con nhanh trí - Ba chú lợn nhỏ - Vì sao thỏ con bị cụt đuôi - Kiến con đi xe ô tô - Truyện qua đường - Thỏ con đi học - Rùa con tìm nhà - Con yêu mẹ lắm - Nàng công chúa chuột - Vẽ chân dung mẹ - Lời ru của trăng - Sự tích ngày và đêm, - Truyện Thanh âm đầm lầy - Ngày tết của mèo khoang  - Thanh âm đầm lầy - Sự tích mùa xuân - Sự tích bánh trưng bánh dày Ngôi nhà ngọt ngào Đám mây đen xấu xí Giọt nước tí xíu **Hoạt động khác:** - Tập đóng kịch: Dê con nhanh trí  - Câu đố: Câu đố về các bộ phận cơ thể, đồ dùng đồ chơi, đồ dùng gia đình, các nghề quen thuộc, các phương tiện giao thông , các loại quả, các loại rau, các con vật, các hiện tượng tự nhiên  - Bé kể tiếp lời cô. Kể chuyện với đồ chơi các câu chuyện đã học  - Trò chơi: Bắt chước tiếng kêu các con vật; Tạo dáng các con vật | **Hoạt động học:** Truyện - Chú dê đen  - Hai anh em  - Qua bầu tiên  - Thánh gióng  - Sự tích hoa hồng  - Sự tích con rồng cháu tiên;  - Bạn mới.  - Sự tích hồ Gươm.  - Ba cô gái.  - Chuyện của anh chàng mèo mướp  - Sơn tinh thủy tinh.  - Thần sắt.  - Chú cuội cung trăng.  - Giấc mơ kỳ lạ  - Sự tích ngày tết..  - Bông hoa cúc trắng  - Kiến thi ATGT.  - Ai đáng khen nhiều hơn  - Thỏ con đi học.  - Tích chu,  - Chú dê đen  - Cá riếc con  - Cây tre trăm đốt.  - Chuyện con cá vàng.  - Bông hoa cúc trắng  - Sự tích quả dưa hấu.  - Món quà của cô giáo.  - Hai anh em.  - Sự tích ngày và đêm.  - Mèo con và quyển sách.  - Cây rau của thỏ út.  - Bể cá của Bác Hồ .  - Cây khế;  - Cóc kiện trời.  - Giọt nước tí xíu **Hoạt động khác:** - Tập đóng kịch  - Thỏ con đi học.  - Tích Chu,  - Chú dê đen.  - Quả bầu tiên;  - Ba cô gái  - Kể lại câu chuyện theo trí tưởng tượng của trẻ, theo cách của trẻ.  - Kể tên truyện, nhân vật… Trả lời câu hỏi: Ai? Làm gì? Theo nội dung truyện…Hãy kể tiếp theo tôi… Kể xoay vòng |
| *(MT52) 2.8. Sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa, … trong giao tiếp.* | *(MT60) 2.8. Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cám ơn, xin lỗi trong giao tiếp.* | *(MT62) 2.8. Sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng… phù hợp với tình huống.* |
| **Hoạt động khác:** - Xem video giáo dục kỹ năng chào hỏi, lễ phép  - Đọc thơ: Cháu chào ông ạ, Sáo học nói, chào cô  - Hát: Lời chào buổi sáng, Đi học về, mẹ yêu không nào | **Hoạt động khác:** - Trước giờ ăn giáo dục trẻ biết mời cô, mời bạn trước khi ăn, Khi trẻ mắc lỗi với bạn nhắc trẻ nói lời xin lỗi , nói lời cảm ơn khi được giúp đỡ, nhận quà,  - Thực hành trên tranh tô màu hành vi đúng, gạch bỏ hành vi sai trong giao tiếp. | **Hoạt động khác:** - Chào hỏi khi đến lớp, biết vâng ạ, dạ, thưa khi giao tiếp với người khác và biết sử dụng các từ: Con chào bà, vâng ạ, cháu có ạ, cháu xin ạ, con thưa cô....ở mọi lúc mọi nơi  - Cho trẻ xem video về các tình huống trong cuộc sống nhận xét những hành vi nào là đúng,hành vi nào là sai.....  - Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống  các câu xã giao đơn giản để giao tiếp với mọi người như “tạm biệt”, “Xin chào”…. |
| *(MT53) 2.9. Nói đủ nghe, không nói lí nhí.* | *(MT61) 2.9. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.* | *(MT63) 2.9. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.* |
| **Hoạt động khác:** - Trò chuyện với trẻ và hướng dẫn trẻ nói, cho trẻ đọc các bài thơ vừa phải, đủ nghe, không hét to và không nói lí nhí  - Xem tranh ảnh các khuôn mặt thể hiện trạng thái khác nhau như: vui, buồn.....phù hợp với từng hoàn cảnh | **Hoạt động khác:** - Trò chuyện trao đổi cùng trẻ về một số tình huống trong cuộc sống như: Trong giờ ngủ, giờ ăn, khi có người ốm, khi có khách, thì phải làm gì?  - Xem hình ảnh video về cách ứng xử với các tình huống đó. | **Hoạt động khác:** - Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện.  - Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp  - Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện  - Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói  - Không nói tục, chửi bậy. |
| **3. Làm quen với đọc, viết** | | |
| *(MT54) 3.1. Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.* | *(MT62) 3.1. Chọn sách để xem.* | *(MT64) 3.1. Chọn sách để “đọc” và xem.* |
| **Hoạt động khác:** - Tổ chức cho trẻ xem tranh, ảnh ở góc thư viện và hoạt động chiều hướng dẫn trẻ cách mở sách, đọc sách  - Cô đọc truyện cho trẻ nghe  - Tiếp xúc với chữ, sách truyện  - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau  - Tự giở sách xem tranh, cầm sách đúng chiều và “ đọc” truyện  - Giữ gìn sách  - Cô đọc truyện cho trẻ nghe | **Hoạt động khác:** - Tổ chức cho trẻ xem tranh, ảnh ở góc thư viện và hoạt động chiều hướng dẫn trẻ cách mở sách, đọc sách  - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.  - Cho trẻ tập làm sách, truyện cùng cô.  - Tổ chức cho trẻ xem tranh, ảnh ở góc thư viện và hoạt động chiều hướng dẫn trẻ cách mở sách, đọc sách | **Hoạt động khác:** - Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh  - Thể hiện sự thích thú với sách  - Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách  - Nhận dạng một số chữ cái.  - Tập tô, tập đồ các nét chữ.  - Tổ chức cho trẻ xem tranh ảnh ở các góc và hoạt động chiều, hướng dẫn trẻ cách mở sách đọc sách.  -TC: Bù chữ còn thiếu, ghép chữ từ các nét rời, xếp các chữ cái từ hột hạt. |
| *(MT55) 3.2. Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.* | *(MT63) 3.2. Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.* | *(MT65) 3.2. Kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.* |
| **Hoạt động khác:** - Cho trẻ xem tranh, ảnh về các câu chuyện, về gia đình, về trường lớp  - Cho trẻ gọi tên nhân vật trong tranh. Như: Đây là ông, đây là bà, đây là bạn cún con trong câu chuyện “ nhổ củ cải”. | **Hoạt động khác:** - Cho trẻ mô tả hành động của các nhân vật trong tranh như: Đây là ông đang cắt tỉa cây cảnh, còn đây là bố đang đọc báo, đây là mẹ đang nấu cơm, đây là bé đang chơi đùa với anh, chị.  - Làm động tác của bác thợ xây, bác nông dân gặt lúa..... | **Hoạt động học:** - Hoạt động học  - Chú dê đen.  - Hai anh em.  - Qua bầu tiên.  - Thánh gióng.  - Sự tích hoa hồng.  - Món quà của cô giáo.  - Sự tích con rồng cháu tiên;  - Bạn mới.  - Sự tích hồ Gươm.  - Ba cô gái.  - Chuyện của anh chàng mèo mướp.  - Sơn tinh thủy tinh.  - Thần sắt.  - Chú cuội cung trăng.  - Giấc mơ kỳ lạ.  - Sự tích ngày tết.  - Bông hoa cúc trắng.  - Kiến thi ATGT.  - Ai đáng khen nhiều hơn  - Qua đường,  - Thỏ con đi học.  - Tích chu,  - Chú dê đen.  - Cá riếc con.  - Cây tre trăm đốt.  - Chuyện con cá vàng.  - Sự tích quả dưa hấu.  - Món quà của cô giáo.  - Hai anh em.  - Sự tích ngày và đêm.  - Mèo con và quyển sách.  - Cây rau của thỏ út.  - Bể cá của Bác Hồ.  - Cây khế;  - Cóc kiện trời.  - Giọt nước tí xíu **Hoạt động khác:** - Đóng vai các nhân vật trong truyện, thơ mà trẻ biết.  - Sử dụng lời nói, điệu bộ, cử chỉ,…thể hiện các nhân vật trong truyện tranh. |
| *(MT56) 3.3. Thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoặc.* | *(MT64) 3.3. Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”).* | *(MT66) 3.3. Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.* |
| **Hoạt động khác:** - Cho trẻ vẽ, tô màu trong hoạt động góc, hoạt động chiều  - Hướng dẫn trẻ cách cầm bút vẽ và tô màu từ trái qua phải, từ trên xuống dưới  - Cho trẻ làm các bài tập trong vở giúp trẻ làm quen với chữ viết, cảm nhận đường nét của chữ cái,đồ chữ tô đồ nét thẳng, nét xiên qua hoạt động và trong vở làm quen với chữ cái. | **Hoạt động khác:** - Tổ chức cho trẻ xem các loại sách tranh ở hoạt động chiều, trong hoạt động góc. Cô hướng dẫn trẻ cách cầm sách và mở sách.  - Đàm thoại cùng trẻ về giá trị của sách, truyện. Muốn sách, truyện được bền lâu thì phải làm gì? | **Hoạt động khác:** - Có hành vi như người đọc sách.  + Cầm cuốn sách và giả vờ đọc cho bản thân hay cho người khác nghe. Cầm sách đúng chiều, giở trang sách từ phải sang trái, từng trang một.  - “Đọc” theo truyện tranh đã biết  + Có hành vi tự kể chuyện theo sách truyện đã được nghe đọc  + Trẻ đọc sách theo sáng kiến của mình và có được các ý tưởng từ truyện tranh hay các từ ngữ  - Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói  + Hiểu rằng có thể dùng tranh ảnh, chữ viết, số, ký hiệu...để thay thế cho lời nói.  (VD khi mẹ nhận được thiếp chúc mừng năm mới, trẻ hỏi “Thiếp viết gì đấy”).  BTTH: Làm bưu thiếp các ngày 20/10; Ngày 20/22; ngày 8/3.. |
|  | *(MT65) 3.4. Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,…* | *(MT67) 3.4. Nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông…* |
|  | **Hoạt động khác:** - Nhận biết được các ký hiệu về đồ dùng của trẻ như: khăn mặt, tủ đựng quần áo, giá để giầy dép, sách vở củ trẻ  - Trò chuyện: Một số kí hiệu cần biết trong cuộc sống để trẻ biết cách phòng tránh; Đây là kí hiệu gì? Con biết những kí hiệu nào? Khi gặp những kí hiệu đó chúng ta phải làm gì?....  - Trò chơi: Ai chọn đúng, bạn nào giỏi | **Hoạt động khác:** - Biết được các ký hiệu về đồ dùng của trẻ như: khăn mặt, tủ đựng quần áo, giá để giầy dép, sách vở củ trẻ  - Biết được kí hiệu về thời tiết,  các ký hiệu quen thuộc trong cuộc sống (bảng hiệu giao thông, quảng cáo, chữ viết, cấm hút thuốc, cột xăng...).  - Biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống  - Cho trẻ xem clip video các biển báo cáo các phương tiên giao thông  - Thực hiện kỹ năng: khi ngồi trên ô tô |
|  | *(MT66) 3.5. Sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,…* | *(MT68) 3.5. Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.* |
|  | **Hoạt động khác:** - Nhận dạng: một số chữ cái, tô màu chữ cái theo yêu cầu, theo ý thích, tô theo nét chấm mờ o,ô,ơ,a,ă,â,e,ê,u,ư,i,t,c, và các nét cơ bản, nét thẳng, nét ngang, nét xiên trái, nét xiên phải, nét cong tròn.  - Trò chuyện: Bé là ai? Kí hiệu của bé là gì? Con thích cuốn sách nào? Trang trí bưu thiếp, phong bì thư. Viết thư . Các kí hiệu quen thuộc mà bé biết . Kí hiệu sách, khăn, ngăn tủ, giá để dép,… của con là gì?  - Trò chơi: Tìm đúng nhà. Tìm đúng kí hiệu. Làm theo lời cô. Gửi ước mơ vào giấy. , đồ chữ, tô màu chữ rỗng, sao chép các chức cái, trang trí chữ, tạo chữ cái, xếp chữ cái bằng các hột hạt, giây dầy, dây len  - Cho trẻ làm các bài tập trong vở bé làm quen với chữ cái, giúp trẻ làm quen với chữ viết. | **Hoạt động học:** - Làm quen với chữ cái o-ô-ơ.  - Làm quen vớichữ cái a- ă- â.  - Làm quen với chữ cái e- ê.  - Làm quen với chữ cái u- ư.  - Làm quen với chữ cái i- t- c.  - Làm quen với chữ cái b- d- đ.  - Làm quen với chữ cái l,m,n.  - Làm quen với chữ cái h,k.  - Làm quen với chữ cái p- q,  - Làm quen với chữ cái g- y.  - Làm quen với chữ cái s- x.  -Làm quen với chữ cái v,r.  - Tập tô chữ cái o-ô-ơ.  - Tập tô chữ cái a- ă- â.  - Tập tô chữ cái e- ê.  - Tập tô chữ cái u- ư.  - Tập tô chữ cái i- t- c.  - Tập tô chữ cái b- d- đ.  - Tập tô chữ cái l,m,n.  - Tập tô chữ cái h,k.  - Tập tô chữ cái p- q,  - Tập tô chữ cái g- y.  - Tập tô chữ cái s- x.  - Tập tô chữ cái v,r.  - Trò chơi chữ cái o-ô-ơ.  - Trò chơi cái a- ă- â.  - Trò chơi chữ cái e- ê.  - Trò chơi chữ cái u- ư.  - Trò chơi chữ cái i- t- c.  - Trò chơi chữ cái b- d- đ.  - Trò chơi chữ cái l,m,n.  - Trò chơi chữ cái h,k.  - Trò chơi chữ cái p- q,  - Trò chơi chữ cái g- y.  - Trò chơi chữ cái s- x.  - Trò chơi chữ cái v,r.  -Trò chơi ôn luyện với các nhóm chữ cái. **Hoạt động khác:** - Nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt.  - Nét cong kín.  - Nét cong hở phải, nét cong hở trái  - Nét thẳng, nét ngang.  - Nét xiên phải, nét xiên trái.  - Nét móc xuôi, nét móc ngược, nét móc 2 đầu.  - Nét khuyết trên, nét khuyết dưới.  - Nhận biết được các chữ cái tiếng Việt trong sinh hoạt và  - Nhận được một số chữ cái trên các bảng hiệu cửa hàng  - Biết rằng mỗi chữ cái có tên, hình dạng và cách phát âm riêng.  - Nhận dạng các chữ cái và phát âm đúng các âm đó.  - Phân biệt được sự khác nhau giữa chữ cái và chữ số.  Trò chơi:  - Tìm chữ trong từ. Bù chữ thiếu. Vẽ chữ cái trên sân. Tô mầu chữ rỗng. In chữ cái. Cắt chữ. Gạch chân chữ cái.Uốn chữ bằng sợi dây kim tuyến. Xếp chữ bằng chấm tròn. Nối chữ. Gạch chân chữ cái trong bài thơ. Vòng quay kỳ diệu. Về đúng nhà. Xếp theo yêu cầu. Ô cửa bí mật. |
|  |  | (*MT69) 3.6. Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.* |
|  |  | **Hoạt động khác:** - Biết tập tô/đồ nét chữ, sao chép bằng các kí hiệu như: nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ  - In chữ, tìm chữ trong từ; trang trí chữ cái  + Sao chép các từ theo trật tự cố định trong các hoạt động góc  + Biết sử dụng các dụng cụ bút viết vẽ bắt trước các hình vẽ khác nhau .  - Chỉ được tiếng trong trang sách từ trái sang phải,từ trên xuống dưới.  - Lấy một quyển sách và yêu cầu trẻ chỉ xem câu chuyện được bắt đầu từ đâu.  - Trẻ chỉ vào sách từ trên xuống dưới, từ trái qua phải và lật giở các trang từ phải qua trái.  - Biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân |

**4. Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội**

***a) Phát triển tình cảm***

- Ý thức về bản thân.

- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tư­ợng xung quanh.

***b) Phát triển kỹ năng xã hội***

- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

- Quan tâm bảo vệ môi trường.

\* **Nội dung giáo dục theo độ tuổi**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội** | | |
| **1. Thể hiện ý thức về bản thân** | | |
| *(MT57) 1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.* | *(MT67) 1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.* | *(MT70) 1.1. Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.* |
| **Hoạt động khác:** -Trò chuyện về tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại  - TC: Gia đình tôi; Gia đình ngăn nắp; … | **Hoạt động khác:** -Trò chuyện về tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại cùng với phụ huynh trên nhóm zalo của lớp  - TC: Gia đình tôi; Ai kể nhanh hơn; Gia đình ngăn nắp; … | **Hoạt động học:** - Bé tự giới thiệu về gia đình của con - Sinh nhật của bé **Hoạt động khác:** - Trẻ nói về tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại, tự tin giới thiệu bản thân trước nhóm zalo của lớp.  - Nói được được một số thông tin quan trong về bản thân và gia đình.  - Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân  - Ngày sinh nhật của gia đình.  - TC: Thi xem ai đọc đúng |
| *(MT58) 1.2. Nói được điều bé thích, không thích.* | *(MT68) 1.2. Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.* | *(MT71) 1.2. Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.* |
| **Hoạt động học:** - Làm quen với bạn mới  **Hoạt động khác:** -Trò chuyện về những điều trẻ thích, vì sao? những điều trẻ không thích, vì sao?  - Tô màu những thứ bé thích và không thích, Dán hình những thứ bé thích, không thích, tô màu bạn trai bạn gái,  - Xem clip hình ảnh về những điều bé thích và không thích và nói những điều bé thích và không thích. \* Trò chơi.  - Thi ai chọn nhanh,về đúng nhà,tai ai tin,thi xem đội nào nhanh,tìm nhanh tìm đúng, ai ghép đúng, ai nhanh trí. | **Hoạt động học:** - Bày tỏ lời mong muốn - Con làm được gì  **Hoạt động khác:** - Bé quát nhà giúp mẹ  - Trò chuyện đầu tuần: Ngày nghỉ ở nhà làm việc gì?  - Nêu gương cuối tuần: Gợi hỏi trẻ trong tuần đã làm được việc gì?  - Trò chuyện với trẻ, trẻ kể được những việc làm được và không làm được.  - Trò chuyện ở các thời điểm trong ngày để trẻ nói đúng tên, tuổi và giới tính;   - BTTH: Hãy khoanh tròn công việc bé được làm và gạch chéo việc bé không được làm. | **Hoạt động học:** - Ước mơ của con - Tôi thật tuyệt vời  **Hoạt động khác:** - Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân.  TC: Hãy kể về điều ước của bản thân  - Trò chuyện đầu tuần, nêu gương cuối tuần: Kể về những việc làm tốt của bé trong tuần hoặc ngày nghỉ chủ nhật.  - BTTH: Hãy khoanh tròn và tô màu công việc bé được làm và gạch chéo việc bé không được làm. |
|  |  | *(MT72) 1.3. Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).* |
|  |  | **Hoạt động học** - Bạn trai bạn gái  - Sự khác biệt giữa tôi và bạn  **Hoạt động khác**  - Đề xuất các trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân.  - Mạnh dạn nói được ý kiến của bản thân.  + Gọi được tên và chấp nhận các sở thích giống và khác nhau giữa mình và các bạn khác (sở thích về món ăn, sở thích về các đồ chơi, trò chơi,...).  + Không chê bai bạn về: sản phẩm hoạt động hoặc quần áo, đồ dùng của bạn,... |
|  |  | *(MT73) 1.4. Biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.* |
|  |  | **Hoạt động khác:** - Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân và xưng hô lễ phép với người thân trong gia đình.  - Nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân.  - Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình |
|  |  | *(MT74) 1.5. Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.* |
|  |  | **Hoạt động khác:** - Xem clips về các họat động của các gia đình.  - Kê dọn sắp xếp bàn ăn  - Cất dọn đồ dùng, đồ chơi  - Làm những việc vừa sức trong lớp giúp đỡ cô giáo, ông bà bố mẹ |
| **2. Thể hiện sự tự tin, tự lực** | | |
| *(MT59) 2.2. Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi, ...).* | *(MT69) 2.1. Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.* | *(MT75) 2.1. Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).* |
| **Hoạt động khác:** Cố gắng thực hiện các công việc đơn giản được giao (Chia giấy vẽ, xếp đồ chơi..... | **Hoạt động học:** - Tự dọn đồ chơi gọn gàng **Hoạt động khác:** - Trẻ chọn và chơi đồ chơi có sẵn trong lớp, sân trường: gấu bông, búp bê, đu quay, cầu trượt, xích đu....  - Lao động tự phục vụ: Tự cầm bát, cầm thìa xúc cơm, tự cất bát, cất thìa, cất ghế, tự rửa tay, lau mặt, lau miệng | **Hoạt động khác:** - Bé quét nhà - Gấp quần áo - Vui vẻ nhận công việc được giao mà không lưỡng lự hoặc tìm cách từ chối.  - Tự cất dọn đồ chơi sau khi chơi.  - Tự rửa tay trước khi ăn.  - Tự chuẩn bị đồ dùng/ đồ chơi cần thiết cho hoạt động.  - Tự xem bảng phân công trực nhật và thực hiện cùng các bạn  - Nhanh chóng triển khai công việc.  - Không tỏ ra chán nản, phân tán trong quá trình thực hiện hoặc bỏ dở công việc. |
|  | *(MT70) 2.2. Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).* | *(MT76) 2.2. Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.* |
|  | **Hoạt động khác:** - Hoạt động lao động: dọn đồ dùng, đồ chơi các góc gọn gàng sau mỗi lần chơi.  - Biết chia sẻ, nhường nhịn, quan tâm đến bạn trong nhóm chơi | **Hoạt động khác:** - Thực hiện được một số công việc theo cách riêng của mình  - Biết chia sẻ, nhường nhịn, quan tâm đến bạn trong nhóm chơi.  - Không ồn ào ảnh hưởng đến các góc chơi khác.  - Giữ gìn đồ chơi cất dọn đồ dùng đồ chơi khi chơi xong.  - Hoàn thành công việc được giao.  - Lập bảng phân công công việc cho trẻ: trực nhật, dọn đồ chơi, phơi khăn, úp cốc, kê bàn ghế, gấp chiếu, chăm sóc cây ở góc thiên nhiên  BTTH: Xem Clip các hoạt động tự phục vụ hàng ngày của trẻ. |
| **3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh** | | |
| *(MT60) 3.1. Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.* | *(MT71) 3.1. Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.* | *(MT77) 3.1. Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.* |
| **Hoạt động khác:** - Xem tranh ảnh, clip một số hình ảnh nhân vật để trẻ đoán, nhận ra cảm xúc của các nhân vật..  - TC: Nhìn hình đoán tâm trạng, khuôn mặt bạn thế nào, tìm nối đúng cảm xúc với khuôn mặt, chọn gắn tranh theo mẫu (vui, buồn, tức giận, sợ hãi), tôi vui tôi buồn… | **Hoạt động học:** - Cảm xúc của bé. - Hôm nay con thấy thế nào **Hoạt động khác:** - Cho trẻ xem tranh, video về cảm xúc của người khác như: vui, buồn, sợ hãi, tức giận. Cho trẻ nhận xét và chỉ ra từng cảm xúc. | **Hoạt động học:** - Con muốn điều gì nhất - Con thích cảm xúc nào - Gương mặt đáng yêu nhất **Hoạt động khác:** - Xem Clip thể hiện trang thái cảm xúc qua câu chuyện. Chú dê đen, chuyện Ba cô gái. Quả bầu tiên  - Trẻ bày tỏ lời biết ơn đối với công lao chăm sóc của cha mẹ trong ngày “Mừng sinh nhật” do các lớp tổ chức trong năm học.  - GV giúp trẻ trẻ ghi lời bày tỏ tình cảm của mình trong mục: “Lời con muốn nói” tại góc tuyên truyền của lớp. |
| *(MT61) 3.2. Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.* | *(MT72) 3.2. Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.* | *(MT78) 3.2. Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.* |
| **Hoạt động học:** - Bé soi gương **Hoạt động khác:** TC: Bắt chước biểu lộ cảm xúc theo tranh ảnh, ghép hình biểu lộ cảm xúc, vẽ, dán, tô màu khuôn mặt thể hiện cảm xúc (cười, khóc, mếu) | **Hoạt động học:** - Bày tỏ lời muốn nói - Điều con muốn nói - Con sợ nhất điều gì **Hoạt động khác:** - Quan sát, theo dõi đánh giá cảm xúc của trẻ. Biểu lộ trạng thái cảm xúc vui thì hay nói, cười. Khi buồn thì ít nói, ngồi một chỗ.  - TC: Tôi vui hay buồn ; Hãy làm giống tôi ; Cơ thể nói. | **Hoạt động học:** - Nói lời yêu thương - Điều gì làm con vui nhất - Khi buồn con sẽ làm gì - Khí thấy trong lòng không vui. **Hoạt động khác:** - Cho trẻ thể hiện các giọng điệu cảm xúc của các nhân vật.  - Bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ nét mặt qua hoạt động kể lại chuyện, đóng kịch.  - Quả bầu tiên,  - Chú dê đen,  - Ba cô gái. .. |
| *(MT62) 3.3. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.* | *(MT73) 3.3. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.* | *(MT79) 3.3. Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.* |
| **Hoạt động khác:** + Xem tranh, ảnh, clip, trò chuyện về Bác với các cháu thiếu niên nhi đồng, Lăng Bác, ao cá Bác Hồ | **Hoạt động học:**  + Trò chuyện về Bác Hồ  **Hoạt động khác:** + Xem hình ảnh, video trò chuyện về Bác Hồ, Lăng Bác Hồ  + Cho trẻ tô màu, vẽ về lăng Bác Hồ.  +Xếp hình, xây dựng lăng Bác. | **Hoạt động học:** - Biết nói lới yêu thương mẹ - Hôm nay bạn thế nào. **Hoạt động khác:** - Biết chăm sóc mọi người - Trẻ bày tỏ lời biết ơn đối với công lao chăm sóc của cha mẹ trong ngày “Mừng sinh nhật” do các lớp tổ chức trong năm học.  - GV giúp trẻ trẻ ghi lời bày tỏ tình cảm của mình trong mục: “Lời con muốn nói” tại góc tuyên truyền của lớp.  - Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc  - Thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè  Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh .  - Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích. |
| *(MT63) 3.4. Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.* | *(MT74) 3.4. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.* | *(MT80) 3.4. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)* |
| **Hoạt động học:** - Bác Hồ kính yêu **Hoạt động khác:** - Nghe hát: Bác Hồ người cho em tất cả, Hoa quanh Lăng Bác, Từ rừng xanh cháu về thăm Lăng Bác  - Đọc thơ: Bác Hồ của em, đôi mắt Bác Hồ. | **Hoạt động học:** - Bác Hồ của em - Quê hương Bác Hồ. **Hoạt động khác:** - Trò chuyện về Bác Hồ,cho trẻ nói lên tình cảm của mình đối với Bác.  - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua bài thơ: Bác thăm nhà các cháu. Bác Hồ kính yêu. Ảnh Bác. Em vẽ Bác Hồ, | **Hoạt động học:** - Thăm quan Lăng Bác - Trò chuyện ngày sinh nhật bác **Hoạt động khác:** - Bác Hồ  - Quê hương - đất nước - Bác Hồ.  - Ngày sinh nhật Bác Hồ  - Tổ chức cho đi thăm quan Lăng Bác, Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh  - Xem tranh ảnh, băng hình về Bác Hồ  - Chép ghép tên Bác Hồ  - Trang trí Ảnh Bác Hồ.  TC:  - Xây dựng lăng Bác.  - Nhà sàn Bác Hồ, ao cá Bác Hồ |
|  | *(MT75) 3.5. Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.* | *(MT81) 3.5. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.* |
|  | **Hoạt động học:** + Trò chuyện về ngày Giỗ Tổ Hùng Vương + Lễ noel + Trò chuyện về thủ đô Hà Nội +Trò chuyện về lăng bác **Hoạt động khác:** + Trò chuyện về làng xóm nơi trẻ chung sống  + Thăm quan chùa làng, đình làng | **Hoạt động học:** + Bài thơ Ảnh Bác + Bài thơ Hoa quanh Lăng Bác + Truyện Niềm vui bất ngờ + Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng + Từ rừng xanh cháu về thăm Lăng Bác. + Nhớ ơn Bác. + Đêm qua em mơ gặp Bác Hồ. + Dâng hoa lên Bác **Hoạt động khác:** Trò chuyện về bác hồ qua tranh ảnh  Cho trẻ xem video về công việc của bác, |
|  |  | *(MT82) 3.6. Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn…) của quê hương, đất nước.* |
|  |  | **Hoạt động khác:** - Hà Nội Em yêu;  - Thăm quan Lăng Bác, Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh  - Xem hình ảnh về Bác Hồ,  - Bé với lễ hội Đền Hùng  - Xem video về một số cảnh đẹp của quê hương, đất nước;  - Thăm quan một số di tích và cảnh đẹp của địa phương.  + Trò chuyện về lễ hội truyền thống của địa phương bé.  - Một số món ăn quê hương (Bánh đúc Kim Bài...) |
| **4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội** | | |
| *(MT64) 4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.* | *(MT76) 4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.* | *(MT83) 4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.* |
| **Hoạt động khác:** - Hướng dẫn trẻ cất đồ dùng đồ chơi sau khi chơi  - Tổ chức các hoạt động góc, hoạt động chiều, trong giờ đón trả trẻ…Trẻ chơi cùng bạn, không tranh dành đồ chơi  - Hát : Cất đồ chơi, cả nhà đều yêu, hoa bé ngoan…  - Đọc thơ: giúp bạn… | **Hoạt động khác:** - Giáo dục trẻ đến lớp biết chào cô, khi về biết chào ông bà, bố mẹ, …giúp đỡ bố mẹ những việc nhẹ nhàng  - Đọc một số bài thơ: Mười ngoan, bé ngoan, nghe lời cô giáo, giữa vòng gió thơm, ong và bướm, giờ đi ngủ.  - Lau dọn và sắp xếp đồ dùng đồ chơi cùng cô | **Hoạt động khác:** - Hướng dẫn trẻ khi chơi xong cất đồ dùng đồ chơi đúng nơi quy định, khi ăn không được cười đùa, nói chuyện  - Lau dọn và sắp xếp đồ dùng đồ chơi cùng cô.  - Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn.  - Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng. |
| *(MT65) 4.2. Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.* | *(MT77) 4.2. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.* | *(MT84) 4.2. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.* |
| **Hoạt động học:** - Lễ phép khi khách đến nhà  **Hoạt động khác:** - Xem hình ảnh, video bé chào hỏi, nói cảm ơn, xin lỗi và nhắc nhở. Trẻ biết chào hỏi, xin lỗi , cảm ơn phù hợp với tình huống.  - Nghe hát: Lời chào của em, con chim vành khuyên, lời chào buổi sáng  - Tô màu những hành vi đúng  - Đọc thơ: cảm ơn, xin lỗi | **Hoạt động học:** - Biết nói lời cảm ơn - Lịch sự khi đến nhà người khác  **Hoạt động khác:** - Xem tranh ảnh về các hành vi giáo dục lễ giáo  - Bé chào lễ phép với người lớn  - Nghe chuyện: Thỏ trắng biết lỗi  + Món quà đặc biệt  +Thế là ngoan | **Hoạt động học:** - Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi - Lịch sự nơi công cộng - Lịch sự khi tiếp khách  **Hoạt động khác:** - Đón trả trẻ  - Trẻ biết khoanh tay chào cô, chào bố mẹ khi đến lớp,  - Biết nói lời cảm ơn khi nhận được quà, hay người khác giúp đỡ.  - Biết xin lỗi khi có hành vi sai.  - Xem clip về các hành văn minh |
| *(MT66) 4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.* | *(MT78) 4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.* | *(MT85) 4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.* |
| **Hoạt động khác:** - Trò chuyện đầu giờ và các hoạt động giờ học.  - TC: Ai đoán đúng, tai ai tinh, nghe thấu đoán tài… | **Hoạt động khác:** - Trò chuyện, nghe cô kể chuyện và đàm thoại, thảo luận với bạn về các hoạt động diễn ra trong ngày. Cô hướng dẫn tổ chức các hoạt động vui chơi học tập. | **Hoạt động khác:** - Đưa ra tình huống :  + Khi nhà có khách.  + Mời khách đến trò chuyện.  + Hãy kể về thói quen chào hỏi.  +Phép lịch sự khi ở chỗ đông người.  - Lắng nghe ý kiến người khác. |
| *(MT67) 4.4. Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.* | *(MT79) 4.4. Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.* | *(MT86) 4.4. Biết chờ đến lượt.* |
| **Hoạt động khác:** - Chơi ngoài trời  - Chơi ở các góc  - Tham gia vào các trò chơi: Đội nào nhanh nhất, chung sức, ai nhanh ai khéo…  - Xếp hàng rửa tay, rửa mặt, uống nước. | **Hoạt động khác:** - Tổ chức cho trẻ qua hoạt động xếp hàng rửa mặt, rửa tay, xếp hàng đi vào lớp, xếp hàng chơi trò chơi  - Nghe kể chuyện: Món quà của cô giáo  - Thơ: Xếp hàng vào lớp; Ra vào lớp; Đàn kiến nhỏ | **Hoạt động khác:** :\* Bé xếp Hàng.  - Tổ chức cho trẻ qua hoạt động xếp hàng rửa mặt, rửa tay, xếp hàng đi vào lớp, xếp hàng chơi trò chơi  - Trò chuyện về luật an toàn giao thông  - TC: Đèn xanh đèn đỏ |
|  | *(MT80) 4.5. Biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...).* | *(MT87) 4.5. Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.* |
|  | **Hoạt động học:** - Lớp học thân thiện  **Hoạt động khác:** - Cho trẻ trao đổi, thoả thuận với bạn, đề xuất các trò chơi thông qua các hoạt động, lao động, giao lưu, …  - Phân công trực nhật theo dõi khuyến khích động viên trẻ.  - Giao nhiệm vụ cho trẻ qua các trò chơi và hoạt động theo nhóm | **Hoạt động học:** - Biết lắng nghe tích cực  **Hoạt động khác:** - Trao đổi ý kiến của mình với các bạn  - Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi..  - Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi .  -Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi  - Đề xuất các trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân  - Trao đổi ý kiến của mình với các bạn  - Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi  -Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi |
|  |  | (*MT88) 4.6. Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).* |
|  |  | **Hoạt động khác:** - Sắn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn  - Sắn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác  - Nhận xét một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường  - Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm.  - Hoạt động góc  - Hoạt động lao động tập thể  - GD trẻ thông qua bài thơ câu truyện:  + Xếp hàng.  + Cô dạy,  + Cô giáo của em.  + Rửa tay.  + Qua đường.  + Giờ ăn.  - Nêu gương bé ngoan |
| **5. Quan tâm đến môi trường** | | |
| *(MT68) 5.1. Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.* | *(MT81) 5.1. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.* | *(MT89) 5.1. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.* |
| **Hoạt động khác:** - Chăm sóc góc thiên nhiên như: Tưới nước, nhổ cỏ, lau lá  - QS góc thiên nhiên, cây cối, bầu trời, thời tiết  - Hát: Em yêu cây xanh  - Đọc thơ: cây bắp cải, cây dây leo, trồng cây  - TC: Gieo hạt  - Làm bài tập nối hành động nên, không nên về chăm sóc con vật, cây cối | **Hoạt động khác:** - Bé bảo vệ cây xanh  - Tổ chức trò chuyện, xem tranh ảnh băng hình về cách chăm sóc cây, con vật.  - Khám phá: Tìm hiểu quá trình phát triển từ cây; Quá trình phát triển của gà con.  Hoạt động chăm sóc cây ở góc thiên nhiên, chăm sóc con vật.  - BTTH: Tìm những hành vi đúng trong việc bảo vệ cây và các con vật, gạch bỏ những hành vi sai,  - TC: Cho gà ăn; Gieo hạt; Tưới cây; Trồng cây; Cây cao cỏ thấp;.. | **Hoạt động khác:** - Tổ chức hoạt động chăm sóc cây trong vườn trường, tình huống thực tế, thực hành chăm sóc con vật, chăm sóc cây.  - Chăm sóc con vật, cây cối: Cây lớn lên như thế nào, quá trình phát triển của cây từ hạt, quá trình phát triển của gà con.  - BTTH: Tô tranh bạn nhỏ biết chăm sóc, yêu quí vật nuôi. Tô màu tranh vẽ bạn nhỏ có hành vi đúng  - TC: Gieo hạt, cây cao cỏ thấp, cho gà ăn |
| *(MT69) 5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.* | *(MT82) 5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.* | *(MT90) 5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.* |
| **Hoạt động khác:** - Những hành động nhỏ bảo vệ môi trường.    -Tổ chức hoạt động dọn vệ sinh sân trường, lớp…  - TC: Ai giỏi nhất, nhặt lá.... | **Hoạt động khác:** - Những hành động nhỏ bảo vệ môi trường.  - Tổ chức cho trẻ xem hình ảnh, băng hình... Trò chuyện để giáo dục vệ sinh nơi công cộng.  -Tổ chức hoạt động dọn vệ sinh sân trường, lớp…  - TC: Nhặt lá bỏ thùng rác, bạn nào giỏi, hiệp sĩ môi trường, thám tử xanh, vị tiên ý thức, ..... | **Hoạt động khác:** - Những hành động nhỏ bảo vệ môi trường.  - Tổ chức cho trẻ xem hình ảnh, băng hình... Trò chuyện để giáo dục vệ sinh nơi công cộng.  - Tổ chức hoạt động dọn vệ sinh sân trường, lớp.  - Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày.  - Làm bài tâp:  + Đánh dấu x vào ô trống dưới tranh vẽ bạn nhỏ biết giữ gìn vệ sinh nơi công cộng,  + Đánh dấu x vào ô trống dưới tranh vẽ bạn nhỏ biết giữ gìn đồ dùng đồ chơi |
|  | *(MT83) 5.3. Không bẻ cành, bứt hoa.* | *(MT91) 5.3. Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).* |
|  | **Hoạt động khác:** - Tổ chức các hoạt động chăm sóc hoa, cây cảnh.  - Dạy trẻ nhận biết và quan sát bảng về hành vi "nên - không nên"  - Trồng cây cảnh, cây hoa ở góc thiên nhiên. | **Hoạt động khác:** - Dạy trẻ nhận biết và hiểu ý nghĩa hành vi đúng- sai của mình và các bạn đối với môi trường khi đi tham quan dã ngoại  - BTTH: Bảo vệ môi trường nhặt lá, nhổ cỏ sân trường. Thực hành đúng – sai đối với hành vi bảo vệ môi trường.  - Bé gọi tên và gạch chéo những hành vi bảo vệ mội trường. Nhận xét một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường |
|  | *(MT84) 5.4. Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.* | *(MT92) 5.4. Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.* |
|  | **Hoạt động khác:** - Làm thế nào để sử dụng điện tiết kiệm  - Dạy trẻ nhận biết và quan sát bảng về hành vi "đúng - sai" trong việc tiết kiệm nước, điện.  - Trò chuyện, xem tranh ảnh, trò chơi, thực hành tiết kiệm nước, tiết kiệm điện: rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng. | **Hoạt động khác:** - Dạy trẻ cách sử dụng tiết kiệm nước, tiết kiệm điện.,an toàn hiệu quả  - Thực hành các hành động tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau, khi dùng, không để thừa thức ăn.  - Cho trẻ làm bài tập về các hành vi đúng, sai đối với việc tiết kiệm điện nước  - Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác  - TC:  + Cùng tiết kiệm điện,  + Nên - không nên,  + Bé nào làm đúng. |

**5. Giáo dục phát triển thẩm mĩ**

- Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống gần gũi xung quanh trẻ và trong các tác phẩm nghệ thuật.

- Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc (nghe, hát, vận động theo nhạc) và hoạt động tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình).

- Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)

\* **Nội dung giáo dục theo độ tuổi.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **V. Giáo dục phát triển thẩm mỹ** | | |
| **1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật** | | |
| *(MT70) 1.1. Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.* | *(MT85) 1.1. Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.* | *(MT93) 1.1. Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.* |
| **Hoạt động khác:** - Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.  - Nghe các bài hát, bản nhạc ( Nhạc thiếu nhi, dân ca..) | **Hoạt động khác:** - Trẻ vui khi được làm các động tác mô phỏng lại các bài hát  - Xem tranh mẫu của cô và của bạn, trong các giờ tạo hình  - Quan sát:  + Các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống: tiếng chim hót, một phong cảnh đẹp, địa danh đẹp,...  + Cô và các bạn làm mẫu để có những động tác mô phỏng thể hiện được cảm xúc vui sướng, vỗ tay.  - Trò chơi: Tai ai tinh. Cảm thụ âm nhạc. Giai điệu âm nhạc. Những nốt nhạc vui,... | **Hoạt động khác:** - Hãy làm theo tôi, Tai ai tinh, nghe giai điệu đoán tên bài hát.  - Bé đoán thật tài. Tai ai tinh. Bạn cùng nhảy múa. Truyền tin.  - Tiếng hát ở đâu. Hòa theo nhịp trống. Những dải lụa màu. Những ngón tay nhảy múa.  - Ô cửa bí mật; Những nốt nhạc vui; cảm thụ âm nhạc, Nghe âm “ư” đoán tên bài hát.  - Hát theo hình vẽ; Nghe giọng hát đoán tên bạn hát; Ai nhanh nhất; Hãy làm theo tôi.  - Cảm thụ âm nhạc; Những ngón tay nhảy múa; Tai ai tinh; Nghe âm “ư” (âm la) đoán tên bài hát. |
| *(MT71) 1.2. Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện* | *(MT86) 1.2. Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện* | *(MT94) 1.2. Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh hoạ phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện* |
| **Hoạt động học:** - Đi học - Cho con - Em là bông hồng nhỏ - Bàn tay mẹ - Mời bạn ăn - Cô giáo em - Bố là tất cả - Cò lả - Cô giáo - Con chim vành khuyên - Inh lả ơi - Lý cây bông - Quả - Cây trúc xinh - Ra thăm vườn hoa - Chỉ có một trên đời - Mùa xuân - Mưa rơi - Xòe hoa - Em như chim câu trắng - Em mơ gặp Bác Hồ  **Hoạt động khác:** \* Trò chơi âm nhạc  - Tai ai tinh, Ai nhanh nhất, Ai đoán giỏi, Chơi trên những ngón tay, Nghe giai điệu đoán tên bài hát, Ai nhịp nhàng hơn, Bạn nào hát, Nghe tiếng hát tìm đồ vật, Gà gáy, vịt kêu, Âm thanh gì đây. - Hoạt động biểu diễn văn nghệ cuối tháng; tổ chức trung thu. | **Hoạt động học:** - Niềm vui của em - Cò lả - Đi học - Hạt gạo làng ta - Màu áo chú bộ đội - Anh phi công ơi - Rước đèn tháng tám - Ngày đầu tiên đi học - Em là bông hồng nhỏ - Anh tí sún - Bố là tất cả - Bàn tay mẹ - Chiếc thuyền nan - Khúc ca bốn mùa - Chú ếch ăn trăng, - Quả, - Cây trúc xinh - Vườn cây của ba - Hoa thơm bướm lượn - Ngày tết quê em - Mùa xuân đến rồi - Bèo dạt mây trôi - Tia nắng hạt mưa - Ánh trăng hòa bình - Từ rừng xanh cháu về thăm Lăng Bác - Mùa xuân ơi - Chiếc đèn ông sao - Bầu và bí - Khúc hát xuân - Gia đình nhỏ hạnh phúc to - Mẹ ơi có biết \* Trò chơi âm nhạc:  - Bé đoán thật tài;  - Tai ai tinh; tiếng hát ở đâu  - Ai giỏi nhất;  - Ai nhanh nhất  - Nhảy cùng bibi  - Giọng hát cao giọng hát thấp  - Nghe âm thanh đoán tên nhạc cụ  - Những ngón tay âm nhạc  - Nghe tiếng hát thỏ nhảy vào chuồng  - Bao nhiêu bạn hát….  - Những nốt nhạc vui Bụi phấn Chú voi con ở bản đôn Cô giáo em Đưa cơm cho mẹ đi cày Cô giáo miền xuôi **Hoạt động khác:** - Hoạt động biểu diễn văn nghệ cuối tháng; tổ chức trung thu, tổ chức văn nghệ chào mừng khai giảng | **Hoạt động học:** Nghe hát:  - Gia đình nhỏ hạnh phúc to;  - Khúc hát ru của người mẹ trẻ,  - Ru con mùa đông;  - Nhật ký của mẹ;  - Cô giáo về bản;  - Chú voi con ở bản đôn  - Lý cây bông;  - Anh Phi công ơi;  - Mưa rơi;  - Em yêu trường em.  - Ngày đầu tiên đi học;  - Chiếc đèn ông sao;  - Mùa xuân cô nuôi dạy trẻ.  - Cho con  - Năm ngón tay ngoan;  - Bàn tay mẹ.  - Inh ả ơi;  - Ươc mơ xanh;  - Đưa cơm cho mẹ em đi cày;  - Cô giáo em là hoa ê ban.  - Chuồn chuồn ớt;  - Ba bà đi bán lợn con.  - Hoa trong vườn;  - Ngày tết quê em;  - Mùa xuân ơi.  - Những lá thuyền ước mơ,  - Nhớ lời cô dặn;.  - Bèo dạt mây trôi;  - Chỉ có một trên đời,  - Giot mưa và em bé.  - Đi học,  - Bụi phấn.  - Việt nam quê hương tôi,  - Quê hương,  - Từ rừng xanh cháu về thăm lăng Bác  - Bác Hồ người cho em tất cả,  - Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng. \* Trò chơi âm nhạc:  - Nghe âm thanh tìm đồ vật;  - Ai đoán giỏi;  - Tai ai tinh;  - Ai nhanh nhất;  - Chiếc hộp âm nhạc;  - Những nốt nhạc vui; Nghe giai điệu đoán tên bài hát;  - Hãy lắng nghe;  - Nhỏ và to;  - Đoán tên và bắt chước hành động con vật;  - Hãy tạo dáng;  - Hát theo nội dung hình vẽ; **Hoạt động khác:** \* Hoạt động khác.  - Hoạt động biểu diễn văn nghệ cuối tháng; tổ chức trung thu, tổ chức văn nghệ chào mừng khai giảng, |
| *(MT72) 1.3. Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng…) của các tác phẩm tạo hình.* | *(MT87) 1.3. Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng…) của các tác phẩm tạo hình.* | *(MT95) 1.3. Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.* |
| **Hoạt động khác:** - Xem tranh ảnh các góc.  - Chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích. | **Hoạt động khác:** - Tạo ra các sản phẩm theo ý thích của trẻ.  \* Tổ chức cho trẻ và cô cùng làm vào các dịp:  + Khai giảng, trung thu, 20/10, 20/11, 22/12, giáng sinh, tết nguyên đán, tết hàn thực 3/3(âm lịch), 8/3, cho ngày sinh nhật Bác… | **Hoạt động khác:** - Sáng tạo theo ý thích của mình.  - Sử dụng các từ gợi cảm khi nhận xét sản phẩm  - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích. |
| **2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình** | | |
| *(MT73) 2.1. Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.* | *(MT88) 2.1. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ…* | *(MT96) 2.1. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ…* |
| **Hoạt động học:** - Đội kèn tý hon - Em tập lái ô tô - Làm chú bộ đội - Bác Gấu làm bánh - Rửa mặt như mèo - Gà trống - Mèo con và cún con - Sắp đến tết rồi - Cây bắp cải - Bầu và bí - Lý cây xanh - Hái hoa - Quà 8 -3 - Đường và chân - Em tập lái ô tô - Đường em đi - Trên cát - Mùa hè đến - Nắng sớm - Trời nắng, trời mưa - Hòa bình cho bé - Bé em tập nói - Đi thăm thủ đô  - Đi thăm thủ đô  **Hoạt động khác:** - Buổi diễn văn nghệ cuối tháng;  Nêu gương cuối tuần; ...  - Trò chơi: Nghe giai điệu đoán tên bài hát;  \* Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể nhiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc  \* Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu (chậm, phách...  - Dạy vận động minh họa, múa,  - Tổ chức các trò chơi âm nhạc  - Giao lưu văn nghệ giữa các khối, lớp. | **Hoạt động học:** - Vui đến trường - Rước đèn ông sao - Rước đèn dưới trăng - Bé và trăng - Mời bạn ăn - Chào ngày mới - Em đi mẫu giáo - Tập đếm - Tìm bạn thân - Khám tay - Cùng múa vui - Cái mũi - Màu hoa - Hoa lá mùa xuân - Đố bạn - Đường em đi - Mùa hè đến - Quê hương tươi đẹp - Cháu yêu cô chú công nhân - Màu hoa - Bé chúc tết - Tìm bạn thân - Cả nhà thương nhau - Cháu yêu chú bộ đội - Hòa bình cho bé Nhà của tôi Sắp đến tết rồi Ra thăm vườn hoa Em đi qua ngã tư đường phố Bác đưa thư vui tính Yêu Hà Nội Đi đường em nhớ Tôi là đầu bếp Nắng sớm Hoa lá mùa xuân **Hoạt động khác:** - Hoạt động góc: hát và biểu diễn ở góc âm nhạc  - Buổi diễn văn nghệ cuối chủ đề;  Nêu gương cuối tuần; ...  - Trò chơi: Nghe giai điệu đoán tên bài hát;  \* Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể nhiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc  \* Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu (chậm, phách...  - Dạy vận động minh họa, múa, vỗ tay theo các loại tiết tấu  - Tổ chức các trò chơi âm nhạc  - Giao lưu văn nghệ giữa các khối, lớp.  - Cho trẻ nghe nhạc và khuyến khích trẻ sáng tác các vận động phù hợp với giai điệu của bản nhạc, bài hát. | **Hoạt động học:** - Em đi mẫu giáo,  - Mấy chú ngan con.  - Khuôn mặt cười.  - Anh Tý sún  - Bác đưa thư vui tính.  - Con cào cào  - Chú ếch con.  - Vào rừng hoa,  - Cháu vẫn nhớ trường mầm non.  - Quê hương tươi đẹp.  - Bé yêu biển lắm.  - Đường em đi.  - Ngày đầu tiên đi học  - Bác đưa thư vui tính  - Chú bộ đội đi xa.  - Gà trống thổi kèn  - Bà thương em.  - Cô giáo miền xuôi  - Em yêu cây xanh  - Chú Voi con ở bản đôn  - Chú ếch ăn trăng  - Bầu và bí;  - Cô giáo miền xuôi  - Mưa bóng mây;  - Cô giáo;  - Lớn lên cháu lái máy cày;  - Em yêu cây xanh;  - Mấy chú ngan con.  - Cháu vấn nhớ trường mầm non  - Mùa xuân của bé;  - Trống cơm  - Gà gáy  - Úp lá khoai **Hoạt động khác:** Hoạt động khác:  - Hoạt động góc: hát và biểu diễn ở góc âm nhạc  - Đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời cho bài hát  - Buổi diễn văn nghệ cuối tháng;  Nêu gương cuối tuần; ...  - Trò chơi: Nghe giai điệu đoán tên bài hát;  \* Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể nhiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.  - Thể hiện cảm súc và vận động phù hợp với nhịp điệu cỉa bài hát và hoặc bản nhạc.  \* Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu (nhanh, chậm, phối hợp....)  - Dạy vận động minh họa, múa, vỗ tay theo các loại tiết tấu  - Tổ chức các trò chơi âm nhạc  - Giao lưu văn nghệ giữa các khối, lớp.  - Cho trẻ nghe nhạc và khuyến khích trẻ sáng tác các vận động phù hợp với giai điệu của bản nhạc, bài hát.  - Tổ chức các trò chơi âm nhạc  - Giao lưu văn nghệ giữa các khối, lớp.  - Cho trẻ nghe nhạc và khuyến khích trẻ sáng tác các vận động phù hợp với giai điệu của bản nhạc, bài hát. |
| *(MT74) 2.2. Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh hoạ).* | *(MT89) 2.2. Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).* | *(MT97) 2.2. Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).* |
| **Hoạt động học:** - Cô giáo - Ai cũng yêu chú mèo - Tay thơm tay ngoan - Hoa bé ngoan - Em mơ gặp bác hồ - Gà trống, Mèo con và cún con - Múa cho mẹ xem - Cháu yêu bà - Hãy xoay nào - Rửa mặt như mèo - Con gà trống - Một con vịt - Cá vàng bơi - Em tập lái ô tô - Chú bộ đội - Bé khỏe bé ngoan - Làm chú bộ đội - Gà gáy - Nắng sớm \*Các bài hát cho trẻ nghe.  - Cho con. - Thật đáng chê - Đi cấy. - Hạt gạo làng ta. - Màu áo chú bộ đội - Cò lả. - Hoa thơm bướm lượn - Mùa xuân \* Trò chơi âm nhạc  - Bé đoán thật tài  - Tai ai tinh  - Bạn cùng nhảy múa  - Tiếng hát ở đâu  - Hòa theo nhịp trống  - Ai giỏi nhất  - Ai nhanh nhất  - Nhảy cùng bibi  - Nghe tiếng hát tìm đồ vật  - Hãy làm theo tôi  - Nghe giai điệu đoán tên bài hát  - Xem hình ảnh đoán tên bài hát  - Nhẩy theo nhạc  - Chiếc hộp kỳ diệu  - Nghe âm thanh đoán tên nhạc cụ  - Biểu diễn những bài đã học  **Hoạt động khác:** \* Giao lưu âm nhạc.  - Biểu diễn văn nghệ theo các sự kiện ( Trung thu, 20/11; 8/3; 19/5) | **Hoạt động học:** - Chiếc bụng đói - Dân vũ rửa tay - Sắp đến tết rồi - Gà trống - Gà trống, Mèo con và cún con - Em đi qua ngã tư đường phố - Yêu Hà Nội - Thật đáng chê - Chiếc đèn ông sao - Múa cho mẹ xem - Đường và chân - Đi học về - Con chim non - Đi đường em nhớ - Hòa bình cho bé - Vui đến trường - Con chuồn chuồn - Đoàn tàu nhỏ xíu - Nhớ lời cô dặn - Cho tôi đi làm mưa với - Mây và gió - Cháu vẽ ông mặt trời - Mùa hè đến - Bé quét nhà - Vì sao con mèo rửa mặt - Em đi chơi thuyền - Ba em là bộ độ hải quân - Yêu mẹ yêu ba \*Các bài hát cho trẻ nghe  - Thật đáng chê - Hạt gạo làng ta - Màu áo chú bộ đội - Cò lả - Hoa thơm bướm lượn - Mùa xuân ơi - Anh phi công ơi - Khúc ca bốn mùa - Ngày tết quê em - Tia nắng hạt mưa - Em yêu mùa hè quê em - Mưa rơi \* Trò chơi âm nhạc  - Bạn cùng nhảy múa.  - Truyền tin.  - Tiếng hát ở đâu.  - Nghe âm thanh tìm PTGT.  - Ai giỏi nhất. Ai nhanh nhất.  - Hãy làm theo tôi.  - Nghe giai điệu đoán tên bài hát.  - Xem hình ảnh đoán tên bài hát.  - Nhanh chậm dừng.  - Nhẩy theo nhạc.  - Nghe âm thanh đoán tên nhạc cụ Nhà mình rất rất vui Trường chúng cháu là trường mầm non Cháu yêu cô chú công nhân Cháu thương chú bộ đội Chiếc khăn tay Cả nhà thương nhau Chú ếch con Hoa lá mùa xuân Màu hoa cho tôi đi làm mưa với Đêm qua em mơ gặp Bác Hồ **Hoạt động khác:** \*Giao lưu âm nhạc.  Biểu diễn văn nghệ theo các sự kiện (khai giảng, trung thu, 20/11; 8/3; 19/5) | **Hoạt động học:** - Em phòng chống dịch conona  - Chiếc bụng đói  - Cả nhà thương nhau.  - Chào ngày mới  - Cháu yêu cô chú công nhân  - Nắng sớm  - Em đi mẫu giáo  - Bác đưa thư vui tính.  - Lớn lên cháu lái máy cầy.  - Em yêu cây xanh.  - Lá xanh  - Yêu Hà nội.  - Bạn ơi có biết.  - Ai đúng ai sai  - Quê hương tươi đẹp  - Mấy chú ngan con.  - Trời nắng trời mưa.  - Hoa lá mùa xuân.  - Bé chúc tết  - Múa với bạn tây nguyên.  - Múa cho mẹ xem  - Tôm cá cua thi tài.  - Chú ếch con.  - Em mơ gặp Bác Hồ;  - Nhớ ơn Bác. - Trống cơm  - Gà gáy  - Úp lá khoai \* Các bài hát cho trẻ nghe.  - Chiếc đèn ông sao.  - Ba gọn nến lung linh.  - Niềm vui gia đình.  - Gia đình nhỏ hạnh phúc to.  - Niềm vui của em  - Cho con.  - Thật đáng chê.  - Đi cấy.  - Chỉ có một trên đời  - Hạt gạo làng ta.  - Màu áo chú bộ đội.  - Cò lả.  - Hoa thơm bướm lượn.  - Mùa xuân ơi.  - Anh phi công ơi  - Khúc ca bốn mùa.  - Ngày tết quê em.  - Tia nắng hạt mưa.  - Em yêu mùa hè quê em.  - Mưa rơi.  - Em yêu trường em.  - Bác Hồ người cho em tất cả.  - Việt Nam quê hương tôi.  - Trẩy hội xuân \* Trò chơi âm nhạc  - Nghe âm thanh đoán tên dụng cụ.  - Ai nhanh nhất  - Bao nhiêu bạn hát  - Tai ai tinh  - Nghe giai điệu đoán tên bài hát  - Nghe tiết tấu tìm đồ vật  - Nghe âm thanh và bắt chước;  - Hát theo tranh  - Hãy gõ đúng tiết tấu  - Nghe âm thanh đoán tên nhạc cụ  - Những ngón tay âm nhạc  - Những nốt nhạc xinh  - Ai nhanh hơn  - Ai đoán giỏi  - Ai nhanh nhất.  - Hưởng ứng theo giai điệu.  - Những chiếc bút nhẩy múa. - Nhảy sáp **Hoạt động khác:** \* Giao lưu âm nhạc.  - Biểu diễn văn nghệ theo các sự kiện (khai giảng, trung thu, 20/11;8/3;19/5, tổng kết năm học) |
| *(MT75) 2.3. Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.* | *(MT90) 2.3. Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.* | *(MT98) 2.3. Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.* |
| **Hoạt động học:** - In lá cây - In hình bông hoa - In hoa bằng vân tay - Xé dán hoa khô - Chăp ghép giấy vụn  - Tạo hình bông hoa từ các nguyên vật liệu thiên nhiên.  \* Các dự án: Làm đèn lồng  Làm bưu thiếp  - Làm quạt.  - Làm thuyền.  - Làm con chim.  - Làm bông hoa  **Hoạt động khác:** - Tận dụng các nguyên vật liệu sẵn có để tạo ra các sản phẩm đẹp  - Sử dụng bút màu sáp, dạ, nước, giấy màu hồ dán,.... để tạo ra sản phẩm đẹp  - Quan sát các sản phẩm mẫu của cô và của bạn.  + Làm tranh từ các loại hột, hạt, vỏ bánh, vỏ kẹo…  - In tranh đàn cá từ cây  - Ghép con vật từ lá cây và cánh hoa, cành cây.  - Tổ chức triển lãm tranh, thi làm đồ dùng đồ chơi giữa các lớp | **Hoạt động học:** - Xé dán hoa - Xé dán lá cây - Làm con vật bằng lá cây - Xé dán đàn cá bơi - Xé và dán hoa - Xé dán theo đề tài tự chọn - Nặn các con vật trong gia đình - In lá - In hình hoa - In bàn tay tạo hình con vật - In hoa bằng vân tay... - Trang trí cành hoa đào - Trang trí bưu thiếp. - Làm đèn lồng - Làm bưu thiếp - Làm quyển sách - Làm khẩu trang - Làm áo mưa - Làm thuyền  **Hoạt động khác:** - Sưu tầm các nguyên vật liệu từ thiên thiên, phế thải (hộp nhựa, vỏ sữa, bìa cứng, thìa nhựa,...).  - Sử dụng kéo, bút màu sáp, dạ, nước, giấy màu hồ dán,... kết hợp các nguyên vật liệu hợp lý để tạo ra sản phẩm đẹp  - Thực hiện trong các tiết tạo hình, hoạt động góc, hoạt động chiều.  - Làm khung ảnh… Làm con nghé bằng lá; Gấp con mèo từ lá dừa; Làm thiệp, làm hoa, làm tranh ảnh. Làm biển báo giao thông đường bộ...  - In tranh đàn cá từ cây  - Ghép con vật từ lá cây và cánh hoa, cành cây.  - Sưu tầm các nguyên vật liệu từ phế liệu và các nguyên liệu thiên nhiên để dạy trẻ làm đồ dùng đồ chơi.  + Dạy làm con công từ vỏ sữa chua, giấy gói quà, các hạt cườm, kẽm xù…  + Làm con vật từ túi giấy, đĩa giấy, các loại lá cây, các hộp sữa…  - Tổ chức triển lãm tranh, thi làm đồ dùng đồ chơi giữa các lớp  **Các dự Án:**  - Làm đèn lồng  - Làm bưu thiếp  - Làm quyển sách  - Làm khẩu trang  - Làm áo mưa  - Làm thuyền  - Làm bánh ngũ sắc  - Làm khung ảnh.  - Làm đồ tái chế  - Làm bàn biết đứng.  - Làm giỏ đựng đồ | **Hoạt động học:** - Xé dán đàn cá bơi - Xé dán thuyền trên biển. - Xé dán theo ý thích. - Nặn các con vật gần gũi. - Nặn các con vật gần gũi. - Làm 1 số dụng cụ lao động của nghề xây dựng bằng bìa, hộp phế thải. (ĐT) - Xé và dán hoa mừng sinh nhật Bác - Sáng tạo từ vỏ trứng. - Điêu khắc hình người - Các dự án  - Làm đèn trung thu  - Làm khung ảnh  - Làm bình lọc nước  - Trang phục của bé  - Chuông gió  **Hoạt động khác:** - Sử dụng nhiều loại vật liệu để làm ra sản phẩm như làm bưu thiếp.  - Làm bưu thiếp để tặng Bà, mẹ, cô nhân ngày 20/10, tặng cô nhân ngày 20/11,  -Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.  - Dạy trẻ làm đồ dùng đồ chơi từ các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên  - Làm con vật từ lá cây.  - Làm những chiếc mũ bằng lá cây.  - Làm tranh các con vật từ hột hạt.  - Xé và tết lá cây làm đồ chơi: Con mèo, đồng hồ, con nghé, con cá.  - Dùng các sợi len để trang trí tóc cho búp bê  - Làm bưu thiếp chúc mừng năm mới.  - Làm quà để tặng bà, mẹ, cô nhân ngày mùng 8 tháng 3.  - Làm đồ chơi từ lõi giấy vệ sinh  - Làm con ếch từ vỏ hến  - Làm hoa từ quả khô, vỏ giấy kẹo  - Làm con cá và từ cọng bèo tây… |
| *(MT76) 2.4. Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.* | *(MT91) 2.4. Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.* | *(MT99) 2.4. Phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.* |
| **Hoạt động học:** - Vẽ cuộn len màu - Vẽ gà con - Vẽ bánh chưng và tô màu - Vẽ bông hoa - Vẽ cỏ cây trên mặt đất - Vẽ theo nét chấm mờ và tô màu quả chuối - Vẽ theo nét chấm mờ và tô màu chiếc xe đạp - Vẽ ô tô tải - Vẽ mưa và tô màu cái ô - Vẽ đường đi đến trường - Vẽ khăn mặt cho bé - Vẽ cửa cho ngôi nhà - Vẽ gà con - Vẽ theo nét chấm mờ và tô màu chiếc máy ảnh - Vẽ ao cá Bác Hồ  - Vẽ vườn cây - Vẽ ông mặt trời  - Vẽ tô màu trang trí váy - Vẽ phao cho bạn và tô màu bức tranh  - Vẽ lá sen  - Vẽ bộ lông cừu \* Tô màu  - Tô màu đèn ông sao - Tô màu cầu trượt - Tô màu trang phục bạn,trai, gái - Tô màu trang phục mà bé thích - Tô màu bức tranh gia đình - Tô màu những đồ dùng mà nhà bé có - Tô màu bức tranh lăng Bác Hồ, - Tô màu con cá - Tô màu trang phục chú bộ đội - Tô màu lá cơ - Tô màu đồ chơi của bé  **-** Tô màu nải chuối  **- Tô màu xe đạp**  **- Tô màu lá cờ Việt Nam**  **- Tô theo nét chấm mờ con đường**  **- Tô theo nét chấm mờ và tô màu chùm nho**  **- Tô theo nét chấm mờ và tô màu bạn gái Hoạt động khác:** - HĐ ngoài trời: Vẽ theo ý thích.  - Vẽ, dán, nặn theo ý thích  - HĐ thi bé khéo tay trong lớp, của trường | **Hoạt động học:** - Tô màu tranh trường mầm non - Vẽ nét mặt - Vẽ chiếc cốc - Vẽ hoa hướng dương - Vẽ chân dung mẹ - Vẽ cái trống - vẽ chiếc kem - Vẽ côn trùng. - Vẽ đồ chơi trung thu bé thích - Vẽ chân dung bạn trai, bạn gái - Vẽ chân dung người thân trong gia đình - Vẽ ngôi nhà - Vẽ hoa tặng cô - Vẽ quà tặng chú bộ đội - Vẽ nghề bé thích - Vẽ động vật sống trong rừng - Vẽ con cá - Vẽ đàn gà - Vẽ vườn cây ăn quả - Vẽ hoa đào - Vẽ tàu hỏa - Vẽ máy bay - Vẽ cầu vồng - Vẽ mưa rơi - Vẽ quần áo mùa hè - Vẽ về biển - Vẽ cảnh trời mưa - Vẽ ngôi chùa làng em - Vẽ cảnh đẹp quê hương mà bé thích - Vẽ quả ngày tết - Vẽ Hồ Gươm - Vẽ Lăng Bác Hồ - Vẽ cảnh thủ đô Hà Nội - Vẽ theo ý thích - Vẽ đèn lồng **Hoạt động khác:** - HĐ ngoài trời: Vẽ phấn dưới sân trường  - Quan sát tranh mẫu của cô và của bạn.  - HĐ thi bé khéo tay trong lớp, của trường.  \* Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục  - Biết phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối như:  + Vẽ nét thẳng, nét ngang, vẽ lượn, xiên phải, xiên trái, nét cong…  -Tô nét và tô màu những chiếc ô, quả bí ngô, tranh chú hề, con cá, tranh thuyền. | **Hoạt động học:** - Vẽ về biển đảo  - Vẽ đồ dùng bé thích - Vẽ trên chai, lọ thủy tinh. - Vẽ nghề bé thích - Vẽ ngã tư đường phố - Vẽ nhân vật trong truyện cổ tích  - Bé vẽ cảnh mùa hé  - Vẽ tàu, thuyền trên vịnh Hạ Long - Vẽ người thân trong gia đình - Vẽ đồ dùng đồ chơi bé thích - Vẽ chân dung bạn thân - Vẽ đồ dùng học sinh lớp 1 - Vẽ Lăng Bác Hồ - Vẽ cảnh quê hương - Vẽ về miền núi - Vẽ vườn cây ăn quả - Vẽ váy tặng Mẹ - Vẽ phương tiện giao thông - Vẽ hoa đào, hoa mai  - Vẽ lọ hoa - Vẽ con gà trống - Vẽ chú bộ đội Hải quân - Vẽ ngôi nhà của bé - Vẽ tranh bảo vệ môi trường  - Vẽ chân dung cô giáo  - Vẽ khu phố, làng xóm của bé  - Vẽ nghề bé yêu thích  - Vẽ con bò  - Vẽ con vật mà bé yêu thích  - Vẽ tranh lọ hoa  - Vẽ trường tiểu học **Hoạt động khác:** - Vẽ công trình xây dựng - Vẽ phấn các khuôn mặt trên sân trường, vẽ đồ chơi  - Vè trên sân trường, vẽ phấn ngôi nhà,  - Vẽ phấn về gia đình, vẽ vấn cột đèn giao thông  - Vẽ phấn các Loại PTGT, Vẽ phấn các biển báo giao thông,  - Vẽ phấn đồ dùng của nghề nông  - Vẽ phấn các loại hoa trên sân trường.  - Biết phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối như:  + Cách sử dụng màu nước, màu sáp, sáp giầu…Tô màu kín không chờm ra ngoài đường viền các hình vẽ. |
| *(MT77) 2.5. Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.* | *(MT92) 2.5. Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.* | *(MT100) 2.5. Phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.* |
| **Hoạt động học:** - Xếp và dán những hình tròn trên băng giấy - Dán hoa tặng mẹ - Dán ngôi nhà - Dán hoa tặng cô nhân ngày 20 -11 - Dán hoa trang trí rèm cửa - Xé vụn giấy và dán trang trí đèn ngủ - Dán con thỏ và củ cà rốt - Xé hình theo đường châm kim và dán - Dán hoa - Dán bộ phận còn thiếu của tàu hỏa - Xé dán thuyền trên biển - Dán đèn tín hiệu giao thông - Xé và dán mưa rào - Xé dán con thuyền - Xé và dán mưa rào - Xé và dán tia nắng - Xé dán trang phục chú hề  - Xé dán mắt quả dứa  - Cắt dán trang phục bé thích. - Dán con lật đật - Xé theo dải và dán tóc cho bạn - Xé và dán hình cây to - Dán quả vào đĩa - Xé dán cầu vồng - Xé và dán hàng dào - Cắt dán trang phục bé thích  - Xé dán trang trí chiếc mũ **Hoạt động khác:** - Cắt theo đường thẳng; Cắt dán đồ vật, con vật. Cắt hình từ họa báo, tranh ảnh. Cắt theo đường viền của hình vẽ  - Xếp chồng, lắp ráp với 10-12 khối theo mẫu và xếp chồng theo khả năng  - Tết sợi đôi  Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. (Bẻ, nắn; Lắp ráp; Xé, cắt đường thẳng | **Hoạt động học:** - Cắt dán đèn lồng - Cắt, gấp, dán con gà - Cắt dán tia nắng - Cắt dán hình bé thích - Dán và vẽ bạn tập thể dục - Cắt và dán khăn mặt của bé - Cắt, dán đồ dùng trong gia đình từ tranh ảnh sưu tầm - Dán chiếc xe đẩy - Cắt và dán nhà cao tầng - Xé và trang trí trang phục cho cô ca sĩ - Xé và dán đàn cá - Xé dán vảy cá - Xé dán lá cây - Xé và dán các con vật mà mà cháu yêu thích - Xé và dán những chiếc lá nhỏ - Xé và dán hoa tặng mẹ - Xé dán 1 số loại quả - Xé, dán hoa tua - Dán hình ô tô khách - Xé và dán thuyền trên biển - Xé và dán bức tranh cảnh bầu trời ban ngày (Mây, mặt trời) - Xé, dán hoa mừng sinh nhật Bác **Hoạt động khác:** - HĐ góc: Góc nhệ thuật, xé cắt dán theo ý thích và theo yêu cầu có sự hướng dẫn của giáo viên.  - Bé làm quen với kéo  - HĐ học và hoạt động chiều  - Trò chuyện: hướng dẫn trẻ cách xé, dán, cắt sao cho đúng  - Rèn kỹ năng cầm kéo  - Trẻ biết phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối như:  + Tập cắt theo đường viền thẳng, cong, dải dài, vụn, theo hình vẽ, tưởng tượng, theo hệ trục gấp, đường cắt lượn sát theo nét vẽ, cắt được hình không bị rách | **Hoạt động học:** - Cắt dán đồ chơi mà bé thích - Cắt dán hình ảnh nghề trong họa báo, - Cắt và dán hoa - Cắt dán PTGT đường bộ. - Cắt dán tranh Bác Hồ từ họa báo. - Cắt dán đồ dùng học sinh. - Xé dán cầu vồng. - Xé dán con chuồn chuồn, - Xé dán vườn cây ăn quả. - Xé dán đàn vịt - Cắt dán đèn lồng, - Xé dán trời mưa, - Xé, dán mâm ngũ quả. - Xé dán đàn cá.  - Cắt dán đồ dùng trong gia đình bé  - Xé dán thuyền trên biển **Hoạt động khác:** - Cắt xúc xinh trang trí sinh nhật.  - Cắt tranh ảnh các con vật mà trẻ thích  Cắt hoa trang trí lớp các ngày có sự kiện như: ngày sing nhật Bác; Cắt hoa trang trí bưu thiếp chúc mừng các ngày lễ 8/3, 20/10,20/11, 8/3.  - HĐ góc: Góc nhệ thuật, xé cắt dán theo ý thích và theo yêu cầu.  - HĐ học và hoạt động chiều  - Căt, gấp giấy tạo thành con gà.  - Trang trí bưu thiếp.  - Trò chuyện: hướng dẫn trẻ cách xé, dán, cắt sao cho đúng  - Trẻ biết phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối. |
| *(MT78) 2.6. Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.* | *(MT93) 2.6. Làm lõm, dỗ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.* | *(MT101) 2.6. Phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.* |
| **Hoạt động học:** - Làm quen với đất nặn và thao tác lăn dọc: Làm vòng tặng bạn - Nặn các loại quả tròn, quả dài - Nặn chiếc vòng to và nhỏ - Nặn bánh hình dài - Nặn các con vật - Nặn tròn làm bánh - Nặn một số loại quả - Nặn theo ý thích - Nặn bánh dầy - HĐ góc: chơi ở góc nghệ thuật (nặn theo ý thích và theo yêu cầu) | **Hoạt động học:** - Nặn con gà, vịt - Nặn một số loại quả - Nặn củ cà rốt - Nặn bông hoa - Nặn bánh trôi - Nặn bánh dẻo - Nặn người Tuyết - Nặn bánh gato - Năn các con vật - Nặn bánh trưng bánh dầy **Hoạt động khác:** - HĐ góc: chơi ở góc nghệ thuật (nặn theo ý thích và theo yêu cầu)  - Quan sát: sản phẩm mẫu của cô và của bạn  - Trò chuyện về cách nặn các con vật, các loại hoa, quả, người,... làm lõm, dỗ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong.  - HĐ thi bé khéo tay của lớp, của trường. | **Hoạt động học:** - In hình bông hoa  - in hình các con vật  - In lá.  - In bàn tay, bàn chân - Nặn bánh trung thu. - Nặn mâm ngũ quả. - Nặn con vật mà bé thích. - Nặn dụng cụ các nghề, - Nặn các loại quả. - Nặn quả cà chua biết cười. - Năn các con vật sống dưới nước, - Nặn con côn trùng. - Nặn thú rừng. - Nặn hình người.  - Nặn cái làn. **Hoạt động khác:** \* Hoạt động khác:  - Hội thi: “Bé khéo tay"  - Nặn các chữ cái,số, nặn đồ chơi mà bé thích, nặn theo ý thích, nặn đôi dép, nặn hoa, nặn cái áo, nặn cái quần, nặn con gà, nặn con cá.  In hình: |
| *(MT79) 2.7. Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.* | *(MT94) 2.7. Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.* | *(MT102) 2.7. Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.* |
| **Hoạt động khác:** + Trẻ thực hiện các hoạt động xếp hình ở các hoạt động góc, hoạt động chiều, hoạt động ngoài trời như:  + Xếp chấm tròn, các viên sỏi, đá nhỏ, hột hạt…thành hoa, mặt trời…  + Xếp các khối thành nhà cao tầng, bàn ghế, đường đi, hàng rào, các PTGT…  + Xếp các que tính: thành các hình vuông, tròn, chữ nhật, tam giác, các PTGT  + TC: Thi xem ai nhanh, ai xếp giỏi hơn,những khối hình kỳ diệu… | **Hoạt động học:**  - Gấp quạt giấy.  - Cắt gấp dán con gà  - Gấp cây thông  - Ghép hình tạo thành phương tiện giao thông.  - In bàn tay tạo hình con vật  **Hoạt động khác:**  + Lăn những bánh xe nhiều màu  - Làm đồ dùng đồ chơi tự tạo  - Tạo hình bằng dây thừng trên dây,tạo hình từ các loại lá, xếp sỏi  - Sưu tầm các nguyên vật liệu có sẵn và có trong thiên nhiên, phế thải,...  - Trò chuyện về các kỹ năng xếp hình đơn giản để tạo ra sản phẩm | **Hoạt động học:** - Gấp và dán thuyền trên biển( ĐT); - Gấp và dán máy bay. - Cắt dán trang trí cái túi  - Đan nong mốt **Hoạt động khác:** + Làm sách tranh  + Làm khung ảnh ngôi nhà  + Tạo hình từ những chiếc kẹp  + Làm thẻ quà từ giấy  + Trang trí phong bao lì xì  + Làm những chiếc nơ màu từ bẹ ngô  + Cốc nước màu  + Gấp quạt giấy  + Làm bưu thiếp tặng bố, mẹ, cô giáo, chú bộ đội, ngày sinh nhật Bác Hồ.  - Dán bao khối  + Các chi tiết không chồng lên nhau dán ngôi nhà.  + Dán hình vào bức tranh phẳng phiu.  - Kỹ năng sử dụng màu nước(màu nước); Tô mầu tranh; In bàn tay tạo hình con vật. In bàn tay tạo hình phong cảnh thiên nhiên. In bàn chân bàn tay bằng mầu nước |
| *(MT80) 2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình.* | *(MT95) 2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.* | *(MT103) 2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.* |
| **Hoạt động khác:** Nhận xét các sản phẩm tạo hình | **Hoạt động khác:** - Nhận xét sản phẩm tạo hình: Trẻ tự đánh giá, tự nêu nhận xét sản phẩm do mình làm ra. Cách đánh giá này quan trọng nhất qua đó, trẻ nhận được cách trình bày nhận xét của mình so với mình với bạn xung quanh  - Trẻ nhận xét sản phẩm của bạn | **Hoạt động khác:** - Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, đường nét, bố cục qua hoạt động vẽ, nặn , xé dán, hoạt động sáng tạo.  - Nhận xét sản phẩm của trẻ  - Trẻ giới thiệu những nét đẹp, nét mới, nét nổi bật, nét sáng tạo của SP đó để trẻ biết và cảm nhận được |
| **3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)** | | |
| *(MT81) 3.1. Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.* | *(MT96) 3.1. Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.* | *(MT104) 3.1. Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.* |
| **Hoạt động khác:** - Vận động theo ý thích khi hát, nghe các bài hát bản nhạc quen thuộc  - Tổ chức ôn luyện các bài hát, bản nhạc ở các hoạt động để trẻ thể hiện các động tác nhún nhẩy, lắc lư, vỗ tay, múa theo ý thích của trẻ  - Nghe hát và vận động theo ý thích ở mọi lúc mọi nơi | **Hoạt động khác:** - Trẻ tự chọn hình thức vận động theo cách của mình sao cho phù hợp với nội dung bài hát, bản nhạc.  - Trong các hoạt động âm nhạc, trẻ tự chọ các dụng cụ âm nhạc theo ý thích của trẻ như: phách, sắc xô, lắc,... để thể hiện với bài hát đúng nhịp và phù hợp.  - Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm | **Hoạt động khác:** - Văn nghệ tập thể :  + Ngày hội đến trường của bé  + Quà tặng mẹ,  + Ngày gia đình,  + Nhà giáo Việt Nam,  + Bác Hồ kính yêu,  + Ngày hội quê em,  + Chia tay cháu ra trường .(Thể hiện ý tương của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau.  - Trò chơi: cảm thụ âm nhạc, nghe âm thanh đoán tên dụng cụ. |
| *(MT82) 3.2. Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.* | *(MT97) 3.3. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.* | *(MT105) 3.2. Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.* |
| **Hoạt động khác:** - Tổ chức các hoạt động tạo hình: Vẽ, nặn, xé dán trang trí, xâu vòng theo chủ đề, sự kiện trong tháng.  - Trẻ tự do sáng tạo có sự hướng dẫn của cô, từ những nguyên vật liệu cô đã chuẩn bị trước.  - Đặt tên cho sản phẩm theo ý thích. | **Hoạt động khác:** - Trẻ tự do sáng tạo, từ những nguyên vật liệu cô đã chuẩn bị trước để tạo ra sản phẩm theo ý thích và nói được ý tưởng của mình: làm gì? Với mục đích gì? Làm như thế nào? .  - Đặt tên cho sản phẩm theo ý thích. | **Hoạt động học:** - Dạy vận động vỗ tay theo tiết tấu chậm: Yêu hà nội **Hoạt động học:** \* Vỗ tay theo tiết tấu phối hợp:  - Bác đưa thư vui tính,  - Em đi qua ngã tư đường phố, đường em đi.  - Chào ngày mới,  - Mời bạn ăn **Hoạt động học:** \* Vỗ tay theo tiết tấu nhanh  - Em thêm một tuổi.  - Đàn gà con.  - sắp đên tết rồi.  - Lớn lên cháu lái máy cày |
| *(MT83) 3.3. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.* | *(MT98) 3.4. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.* | *(MT106) 3.3. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.* |
| **Hoạt động khác:**  - Hội thi bé khéo tay của trường | **Hoạt động khác:**  - Vẽ tranh theo ý thích  - Hội thi bé khéo tay của trường | **Hoạt động học:**  -Vẽ theo ý thích.  **Hoạt động học:**  - Nặn theo ý thích.  **Hoạt động học:**  - Xé dán theo ý thích  **Hoạt động khác:**  \*Hoạt động khác  - Biết lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.  - Dùng các sợi len để trang trí tóc cho búp bê.  - Làm bưu thiếp chúc mừng năm mới.  - Làm quà để tặng bà, mẹ, cô nhân ngày mùng 8/ 3.  - Làm con trâu từ lá đa, tết con mèo từ lá chuối. |
|  |  | (*MT107) 3.4. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.* |
|  |  | **Hoạt động khác:** - Vẽ tranh theo ý thích  - Hội thi bé khéo tay của trường |

**D. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC**

**I. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

**1. Hoạt động chơi**

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:

- Trò chơi đóng vai theo chủ đề.

- Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.

- Trò chơi đóng kịch.

- Trò chơi học tập.

- Trò chơi vận động.

- Trò chơi dân gian.

- Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.

**2. Hoạt động học**

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự *định hướng, gợi mở* của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

**3. Hoạt động lao động**

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà đ­ược sử dụng như­ một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo gồm: lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

**4. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân**

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nền nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

**II. HÌNH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

**1. Theo mục đích và nội dung giáo dục**, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.

- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Ngày hội đến trường, Tết cổ truyền, sinh nhật của trẻ, Ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8.3), Tết thiếu nhi (ngày 1/6), Ngày ra trường, Ngày hội sách, Hội chợ Tết, Hội thi vẽ tranh, Sinh nhật của trẻ, ngày hội dân gian, ngày hội nước...).

**2. Theo vị trí không gian,** có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.

- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

**3. Theo số lượng trẻ,** có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.

- Tổ chức hoạt động theo nhóm.

- Tổ chức hoạt động cả lớp.

***\* Tăng cường đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục:***

*- Tăng cường tổ chức các hoạt động giáo dục dưới hình thức cá nhân và nhóm nhỏ. Chú ý đến khả năng, năng lực, sự hứng thú của từng trẻ nhằm phát huy tối đa năng lực cá nhân của trẻ.*

*- Tăng cường tổ chức các hoạt động phát triển nhận thứ, tích cực ứng dụng PPGDTT Steam (Dự án) cho trẻ thông qua hoạt động học theo tuần.*

*- Tổ chức các hoạt động giao lưu về thể thao, trò chơi vận động giữa các lớp cùng độ tuổi.*

*- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế như thăm quan dã ngoại, giao lưu với các trường mầm non, tiểu học.*

*- Tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen với tiếng Anh, kỹ năng sống*

**III. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC**

**1.** **Nhóm** **phương pháp thực hành, trải nghiệm**

- Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau, xâu vào nhau,...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.

- Phương pháp dùng trò chơi: sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.

- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.

- Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

**2. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa** *(quan sát, làm mẫu, minh hoạ)*

**-** Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện thoại, vi tính) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ**.**

**3. Nhóm phương pháp dùng lời nói**

- Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói. Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ.

**4. Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ**

**-** Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

**5. Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá**

**-** Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính, nhưng không lạm dụng.

- Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm - sinh lý của trẻ.

***\* Tăng cường đổi mới phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục:***

*- Nâng cao chất lượng đổi mới phương pháp dạy học với các lĩnh vực phát triển về nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ và tiến tới lĩnh vực thể chất, tình cảm xã hội.*

*- Áp dụng một số phương pháp giáo dục tiên tiến vào tổ chức các hoạt động như:*

*+ Phương pháp STEAM được áp dụng linh hoạt, phù hợp trong lĩnh vực phát triển nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ.*

*+ Tổ chức hoạt động thực hành, trải nghiệm với đồ vật, đồ chơi. Cho trẻ sử dụng phối hợp các giác quan trong tìm hiểu, khám phá sự vật hiện tượng xung quanh trẻ qua các dự án Steam.*

*+ Chú trọng hệ thống câu hỏi mở trong phương pháp dùng lời nhằm kích thích quá trình tư duy của trẻ. Định hướng để trẻ bộc lộ những suy nghĩ, cảm xúc, kinh nghiệm của bản thân.*

*+ Dạy học theo dự án được áp dụng trong những chủ đề lớn, hoặc một dự án độc lập giúp trẻ phát triển lĩnh vực nhận thức và các kỹ năng xã hội cho trẻ.*

*+ Dạy học thông qua chơi, kích thích khả năng tư duy áp dụng đa dạng đặc biệt với các hoạt động vui chơi và được lồng ghép phù hợp giúp trẻ sáng tạo, tự trải nghiệm, khám phá và học tập theo năng lực của bản thân.*

**IV. TỔ CHỨC MÔI TRƯỜNG CHO TRẺ HOẠT ĐỘNG**

**1. Môi trường vật chất**

***a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng lớp***

- Trang trí phòng lớp đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với mục tiêu giáo, nội dung giáo dục.

- Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, *thân thiện, gần gũi với thiên nhiên,* hấp dẫn trẻ. Có các thiết bị giáo dục hiện đại như: Ti vi, máy tính, đầu đĩa, máy ảnh, bảng tương tác điện tử.

- Sắp xếp và bố trí đồ dùng, đồ chơi hợp lí, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu qui định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt (có thể bố trí cố định hoặc có thể di chuyển, mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

- Các khu vực hoạt động của trẻ gồm có: Khu vực chơi đóng vai; tạo hình; thư viện (sách, tranh truyện); khu vực ghép hình, lắp ráp/xây dựng; khu vực dành cho hoạt động khám phá thiên nhiên và khoa học; hoạt động âm nhạc và có khu vực yên tĩnh cho trẻ nghỉ ngơi. Khu vực cần yên tĩnh bố trí xa các khu vực ồn ào. Tên các khu vực hoạt động đơn giản, phù hợp với chủ đề và tạo môi trường làm quen với chữ viết.

***b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời****, gồm có:*

- Sân chơi và sắp xếp thiết bị chơi ngoài trời.

- Khu chơi với cát, đất, sỏi, nước, khu vui chơi vận động liên hoàn, Sasuke, leo núi, leo thang, đu xà, chơi các trò chơi dân gian...

- Bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây và khu vực nuôi các con vật.

- Tận dụng diện tích trong và ngoài lớp để bố trí các góc cho trẻ vận động, thực hành thí nghiệm, tự học, tự nghiên cứu.

**2. Môi trường xã hội**

- Môi trường chăm sóc giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lí, tạo thuận lợi giáo dục các kĩ năng xã hội cho trẻ.

- Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh.

- Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

- Chú trọng tạo môi trường thuận lợi để giáo dục các kĩ năng xã hội cho trẻ, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ, giữa trẻ với những người xung quanh.

**E. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ VÀ CHẤT LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

**I. MỤC ĐÍCH ĐÁNH GIÁ:**

*-* Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của chương trình giáo dục mầm non, nhận định mức độ phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

**II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ:**

- Lựa chọn một số mục tiêu trong Chương trình giáo dục Mầm non và Chương trình bổ sung nâng cao để đánh giá năng lực trẻ theo các lĩnh vực phát triển. Đánh giá tình trạng sức khỏe của trẻ; thái độ, trạng thái cảm xúc và hành vi của trẻ; kiến thức, kỹ năng của trẻ

**III. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ:**

- Sử dụng kết hợp một cách linh hoạt các phương pháp đánh giá như: Quan sát; Trò chuyện, giao tiếp với trẻ; Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ; Sử dụng tình huống hoặc bài tập/trắc nghiệm; Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ để đánh giá tình trạng sức khỏe, thái độ, cảm xúc, hành vi, kiến thức, kĩ năng của trẻ trong ngày dưới hình thức ghi chép vào nhật kí cá nhân trẻ nhằm phát hiện những biểu hiện tích cực hoặc tiêu cực để kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

**IV. THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ:**

- Đánh giá trẻ hàng ngày về những diễn biến tâm lý – sinh lí của trẻ hằng ngày trong các hoạt dộng, nhằm phát hiện những biểu hiện tích cực hoặc tiêu cực để kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Đánh giá trẻ cuối tháng/chủ đề để xác định mức độ đạt được sau mỗi tháng, từ đó điều chỉnh mục tiêu, nội dung, phương pháp phù hợp cho tháng tiếp theo.

- Đánh giá trẻ cuối độ tuổi theo các mục tiêu phát triển của trẻ, mục tiêu bổ sung nâng cao để xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực, từ đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ ở giai đoạn tiếp theo./.

**PHẦN IV. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

*1. Căn cứ vào Chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, nhà trường xây dựng chương trình.*

*Ngoài những nội dung quy định tại mục C Phần hai Chương trình giáo dục nhà trẻ và mục C Phần ba Chương trình giáo dục mẫu giáo, các cơ sở giáo dục mầm non có thể lựa chọn, bổ sung một số nội dung giáo dục như: cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tiếp cận công nghệ số và những nội dung giáo dục khác phù hợp với mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non, bảo đảm tính khoa học, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương, của cơ sở giáo dục mầm non, khả năng và nhu cầu của trẻ, theo quy định của pháp luật để phát triển chương trình giáo dục nhà trường nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Việc tổ chức thực hiện các nội dung giáo dục bổ sung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

*2. Trên cơ sở Chương trình Giáo dục của nhà trường, giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục nhóm/lớp phù hợp với khả năng của trẻ, khả năng của các giáo viên và điều kiện thực hiện chương trình của nhóm/lớp mình.*

3. Nội dung của các lĩnh vực giáo dục chủ yếu được tổ chức thực hiện theo hướng tích hợp và tích hợp theo các chủ đề gầngũi thông qua các hoạt động đa dạng, thích hợp với trẻ và điều kiện thực tế của địa phương.

- *Các chủ đề sự kiện ở mỗi độ tuổi có thể trùng nhau nhưng nội dung – hoạt động khai thác ở mỗi độ tuổi đảm bảo không trùng nhau, đồng tâm phát triển từ độ tuổi nhà trẻ đến độ tuổi mẫu giáo bé, mẫu giáo nhỡ, mẫu giáo lớn.*

*4. Khuyến khích giáo viên mạnh dạn đổi mới, sáng tạo, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức cách hoạt động và các hình thức đánh giá trẻ hiệu quả.*

***5. Dự kiến phát triển Chương trình tại Trường mầm non Thị Trấn Kim Bài***

*- Năm học 2024-2025: Tiếp tục đổi mới bổ sung nội dung các hoạt động cho 5 lĩnh vực ứng dụng phương pháp STEAM tổ chức hoạt động thực hiện tốt mục tiêu lĩnh vực nhận thức.*

*- Năm học 2025-2026: tiếp tục đổi mới sáng tạo thực hiện các hoat động lĩnh vực TCKNXH về quản lý cảm xúc, thể chất, thẩm mỹ.... Tiếp Tục ứng dụng phương pháp STEAM tổ chức các hoạt động dạy học theo các dự án STEAM.*

6.  Theo dõi, đánh giá thường xuyên sự phát triển của trẻ và xem xét các mục tiêu của chương trình, kết quả mong đợi để có kế hoạch tổ chức hướng dẫn hoạt động phù hợp với sự phát triển của cá nhân trẻ và của nhóm/lớp.

7. Phát hiện và tạo điều kiện phát triển năng khiếu của trẻ; phát hiện sớm trẻ có khó khăn trong phát triển, can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật.

8. Phối hợp chặt chẽ giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và cộng đồng để chăm sóc giáo dục trẻ tốt nhất./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:**  - Phòng GD&ĐT huyện (để b/cáo)  - BGH và các lớp (để t/hiện);  - Lưu VP. | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Thị Lan Phương** |

**PHÊ DUYỆT CỦA PHÒNG GDĐT THANH OAI**

……………………………….………………………………………………………………………………………………………………

…………………………….………………………………………………………………………………………………………...........

………………………………….……………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………...........………………………………………………………………………